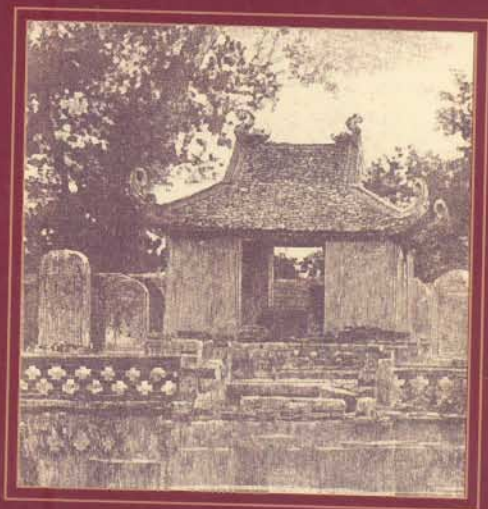


LÊ HỮU TRÁC

# THƯỢNG KINH KÝ SỰ



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG  
LÊ HỮU TRÁC  
HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH  
<quyển cuối>

**THƯỢNG KINH KÝ SỰ**  
(KỂ CHUYỆN LÊN KINH)

Người dịch: *Phan Võ*

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA  
NĂM 2002

## TỰA\*

Trong nước ta, không ai là không nghe nói đến Hải Thượng Lãn Ông. Nhân dân thường gọi tắt là cụ Hải Thượng hay cụ Lãn Ông. Trong cách gọi thân mật này bao hàm ý nghĩa biết ơn đối với một con người lỗi lạc.

Hải Thượng Lãn Ông là hiệu của Lê Hữu Trác. Ông sinh năm 1720, con quan Thượng thư<sup>(1)</sup> người làng Liền Xá, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ tỉnh Hải Dương). Vì là con thứ bảy nên người đương thời thường gọi là cậu Chiêu Bảy.

Chúng ta biết rằng trong thời Lê Mạt, xu thế chung của tầng lớp sĩ phu là chạy theo khoa cử, như Lê Quý Đôn nói: “Người ta đạp nhau chết ở cổng trường thi”. Xu thế này lôi cuốn tất cả mọi người. Nhưng tại sao “cậu Bảy Chiêu” lại có thể trở thành một “Lãn Ông” một “ông già lười biếng” đối với danh lợi? Có nhiên sự biến đổi này không phải xảy ra trong một buổi sáng, mà cả một quá trình.

Lê Hữu Trác lớn lên thì gặp cảnh nước nhà rối loạn. Thời Lê mạt đang bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Lê Duy Mật nổi lên ở Thanh hoá, quận He quận Hẻo nổi lên ở Hải Dương, Sơn Tây. Sau khi cha mất, Lê Hữu Trác học tập binh thư với xử sĩ họ Vũ ở Đặng Xá, tỉnh Hải Dương và sau đó tòng quân lập nhiều thành tích rất được thống tướng tin yêu. Nhưng được

---

\* Lãn này in chúng tôi có chỉnh lý một vài chỗ (Nxb);

<sup>(1)</sup> Lê Hữu Mưu, tiến sĩ làm thi lang, bộ công truy tặng Thượng thư

nhìn tận mắt những cảnh chiến tranh vô nghĩa, ông đã thấy chán. Nhân có tin người anh ở quê mẹ đã mất, không có ai nuôi mẹ già ngoài 70, ông vội vàng về quê để nuôi mẹ ở Hương Sơn. Nhưng ý chí tung hoành vẫn chưa hết. Người ta kể lại gặp lúc rảnh ông lại đem binh thư ra xem, cầm gươm ra múa. Bấy giờ ông có làm bài thơ:

Thập niên ma nhất kiếm  
Phong nhãn chính quang mang  
Sát khí hoành ngư đầu  
Nghiêm uy động tuyết sương  
Nhập Tần kỳ bất khả  
Qui Hán diệc vị hoàng.  
Hổ hải không phiêu đẳng,  
Tránh chi thành đại cuồng

Dịch: Mười năm mài chiếc kiếm,  
Sắc bén rực hào quang  
Sát khí xông ngư đầu  
Hùng uy động tuyết sương,  
Vào Tần đã không phải,  
Về Hán còn phân mang  
Hổ hải luồng trôi dạt  
Chí mạnh hoá ngông cuồng<sup>(1)</sup>.

---

(1) Diễn xuôi: Mười năm mài một lưỡi gươm  
Mũi nhọn sắc toả hào quang  
Sát khí xông lên sao ngư, sao đầu.  
Nghiêm uy động đến tuyết sương  
Vào Tần đã là một việc không nên  
Về Hán cũng còn phân vân chưa tiện lý nói theo  
Trình thì chưa phải mà theo, Lê thì chưa tiện  
Luồng phiêu bạt nơi giang hồ,  
Chí mạnh hoá ra một người rất ngông cuồng

- Trong bài thơ này thấy rõ cái công danh vẫn chưa hết. Nó vẫn làm ông day dứt khổ sở. Nhưng một việc xảy ra, thay đổi tất cả cuộc đời của ông. Nó khiến nhà thơ cất hẳn "Thanh kiếm đã mài mười năm". Ông về quê mẹ chẳng bao lâu thì mắc bệnh nặng, không thuốc gì chữa khỏi, phải sang huyện Thanh Sơn nhờ Trần y sĩ cứu chữa. Bệnh kéo dài mấy năm. Nhưng cũng do đó mà ông để ý đến sách thuốc. Dần dần ông thấy trong đời ngoài việc luyện câu văn cho hay, mài thanh gươm cho sắc, lại còn việc đem hết tâm lực ra chữa bệnh cho người cũng là việc nên làm. Vốn tư chất thông minh, lại được Trần y sĩ là một danh nho và một danh y sẵn lòng chỉ bảo, chẳng bao lâu ông thành thầy thuốc có tiếng. Lại bản tính kiên nghị khác thường, cho nên một khi đã quyết dốc hết tâm trí vào y đạo thì ông bỏ tất cả, cho danh lợi là phù vân, suốt ngày học tập, không sách thuốc nào không học. Năm Cảnh hưng thứ 17, ông lặn lội lên Kinh để tìm thầy học thuốc, nhưng không gặp được bậc cao minh, đành trở về Hương Sơn.

Khác mọi thầy thuốc xem việc làm thuốc là cái nghề để kiếm ăn, mưu sống, ông muốn nghề thuốc của ông có phần đóng góp với đời, xây dựng được một sự nghiệp với nền y học nước nhà: "Mình đã chót làm một thầy thuốc thì phải làm cho hết cái sức của mình, dựng lên một lá cờ trong y giới". Ông bèn quyết tâm kết hợp tất cả các sách thuốc của Trung Hoa, khảo sát tình hình các dược liệu của Việt Nam, phong thổ và người Việt Nam mà viết ra bộ sách thích hợp với nhân dân Việt Nam. Bộ sách ấy là một công trình đồ sộ gồm 28 tập, 66

quyển nhan đề “Lãn Ông tâm lĩnh”<sup>(1)</sup>. Ông viết nó trong 26 năm lao tâm tiểu tứ. Đó là sự nghiệp của cả cuộc đời chuyên tâm vào y học với một mục đích cao quý: Xây dựng cho kỳ được một nền y học thực sự thích hợp với dân tộc. Muốn đánh giá ông, phải đánh giá ở sự đóng góp to lớn của ông vào khoa học nước nhà. Ông là một người ẩn sĩ nhưng không phải một ẩn sĩ “độc thiện kỳ thân”. Ở ẩn đối với ông trong hoàn cảnh ấy là một phương tiện, phương tiện duy nhất. Có thoát khỏi xiềng xích của lợi danh phong kiến, thì mới có thể xây dựng được nền y học của nhân dân. Nếu mắc phải một chức quan trong Triều đình thì một đời phải ra vào luồn cúi, còn thì giờ đâu lo đến học thuật. Đó là ý chính cần chú ý khi đọc tập ký sự của ông. Không nên xem “Lãn Ông” chỉ là một cụ già lười biếng tầm thường. Mà trong phạm vi hoàn cảnh bấy giờ việc lui về cương quyết chối từ mọi tước lộc cũng là một việc làm của một người có nhân cách cao thượng.

Bộ “Tâm lĩnh” của ông chưa in thì đã có người chép tay từng phần truyền cho nhau học, có người đã lập bàn thờ sống để tỏ lòng biết ơn đối với tác giả, xem thế để biết nó có giá trị và được hoan nghênh như thế nào.

Ngoài việc soạn sách ông còn mở trường dạy thuốc để truyền bá y đạo. Năm ngoài 60 tuổi, ông được chúa Trịnh triệu lên kinh. Ông ở kinh ngót 1 năm rồi lại trở về Hương Sơn. Quyển Thượng kinh ký sự chính là

---

<sup>(1)</sup> Túc Hải Thượng y tông tâm lĩnh

- Trong bài thơ này thấy rõ cái công danh vẫn chưa hết. Nó vẫn làm ông day dứt khổ sở. Nhưng một việc xảy ra, thay đổi tất cả cuộc đời của ông. Nó khiến nhà thơ cất hẳn "Thanh kiếm đã mài mười năm". Ông về quê mẹ chẳng bao lâu thì mắc bệnh nặng, không thuốc gì chữa khỏi, phải sang huyện Thanh Sơn nhờ Trần y sĩ cứu chữa. Bệnh kéo dài mấy năm. Nhưng cũng do đó mà ông để ý đến sách thuốc. Dần dần ông thấy trong đời ngoài việc luyện câu văn cho hay, mài thanh gươm cho sắc, lại còn việc đem hết tâm lực ra chữa bệnh cho người cũng là việc nên làm. Vốn tư chất thông minh, lại được Trần y sĩ là một danh nho và một danh y sẵn lòng chỉ bảo, chẳng bao lâu ông thành thầy thuốc có tiếng. Lại bản tính kiên nghị khác thường, cho nên một khi đã quyết dốc hết tâm trí vào y đạo thì ông bỏ tất cả, cho danh lợi là phù vân, suốt ngày học tập, không sách thuốc nào không học. Năm Cảnh hưng thứ 17, ông lặn lội lên Kinh để tìm thầy học thuốc, nhưng không gặp được bậc cao minh, đành trở về Hương Sơn.

Khác mọi thầy thuốc xem việc làm thuốc là cái nghề để kiếm ăn, mưu sống, ông muốn nghề thuốc của ông có phần đóng góp với đời, xây dựng được một sự nghiệp với nền y học nước nhà: "Mình đã chót làm một thầy thuốc thì phải làm cho hết cái sức của mình, dựng lên một lá cờ trong y giới". Ông bèn quyết tâm kết hợp tất cả các sách thuốc của Trung Hoa, khảo sát tình hình các dược liệu của Việt Nam, phong thổ và người Việt Nam mà viết ra bộ sách thích hợp với nhân dân Việt Nam. Bộ sách ấy là một công trình đồ sộ gồm 28 tập, 66

chép lại câu chuyện ông lên Kinh. Về sau quyển này được in phụ vào bộ Tâm lĩnh.

Ông mất thọ 70 tuổi, sau khi để lại một sự nghiệp lớn về y học có một không hai trong lịch sử nước ta ngày trước. Công hiến của ông về y học rất nhiều và rất lớn. Nhưng nó ở ngoài phạm vi bài giới thiệu này.

Ở đây chúng tôi chỉ nói về văn sĩ Lãn Ông, tác giả tập "Thượng kinh ký sự".

Như ta đã thấy Lãn Ông không chỉ là một thầy thuốc lỗi lạc ông còn là một nhà thơ, một nhà văn xuất sắc bậc nhất của thời Lê Mạt.

Tập "Thượng kinh ký sự" này giới thiệu một cách rất sinh động thi sĩ Lãn Ông, đồng thời nó nói đến cái xã hội quý tộc thời Lê Mạt trước khi xảy ra những biến động lớn: Cuộc nổi dậy của Kiều binh và những hậu quả của nó.

Như cái tên của tác phẩm, nó là một tập ký sự khá đơn giản. Tác giả kể lại cuộc hành trình của mình lên kinh để chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán và chúa Trịnh Sâm, kể lại thời gian sống ở kinh thành Thăng Long, giao du với các công khanh nho sĩ, kể lại mọi sự cố gắng của mình để thoát khỏi vòng danh lợi và cuối cùng được quay về núi cũ.

Nhưng tập ký sự có vẻ vắn tắt này lại có một giá trị khá lớn đối với Văn học và Sử học.

Giá trị văn học của nó là ở chỗ nó làm cho ta thấy một cách sâu sắc con người Lãn Ông.

Con người Lãn Ông trước hết là một con người kiên nghị ông kiên quyết đem tất cả cuộc đời công hiến cho sự nghiệp y học, Muốn đem sở đắc của mình truyền



bá với đời. Chính vì vậy ông xem công danh như mây nổi, nghe đến việc làm quan thì “lạnh cả gáy”. Trước sau ông chỉ muốn làm một người bình thường và có ích. Tuy chân bước lên Kinh, nhưng lòng vẫn nhớ quê nhà, núi cũ. Đối với núi cũ, cũng như đối với người xưa bao giờ ông cũng chân thành. Chính cái ý chí kiên nghị và cái lòng chân thành của ông đã cảm hoá được nhiều người đương thời và ngày nay đọc lại chúng ta vẫn thấy rất gần chúng ta.

Con người Lãn Ông là một nhà thơ ẩn dật. Thơ của ông rất hay. Không trách những văn nhân công khanh đương thời ai được hoạ thơ với ông cũng đều cho là một vinh hạnh lớn ở đời. Lời thơ mới mẻ, tứ thơ man mác, ngó thì đậm bạc nhưng ý thì vô cùng. Có cái vẻ đẹp của bóng trăng trên núi, khí thanh của gió trên sông. Đọc lên, chắc người ta thấy nhớ tới Lý Bạch. Phải có một tình yêu thiên nhiên sâu sắc, phải là một tâm hồn chân thành mới có những bài thơ như thế.

Con người Lãn Ông lại là một nhà văn có giá trị. Ngày xưa, học chuộng vẻ từ chương không mấy ai viết văn tự sự kể những việc hằng ngày. Quyển này gần như là quyển duy nhất trong nền văn học cổ. Ở đây người thực chép việc thực. Văn của Lãn Ông là một lối văn tình tế. Ngó qua thì hơi lạt nhìn kỹ thì rất sinh động. Nó cũng như con người Lãn Ông, ngó qua tưởng đâu là một kẻ tu hành muốn trốn việc đời. Lúc nhìn kỹ lại chính là một người hồn nhiên vui vẻ, rất tha thiết với cuộc sống, rất yêu đời. Xếp quyển sách lại, đồ ai quên các nhân vật đoạn tác giả thăm bệnh quan Tham tụng tả bình, đoạn

tác giả vẽ làng, đoạn tác giả vào phủ, chữa bệnh cho chúa Trịnh chẳng phải như vẽ đó sao.

Nhưng đối với đời sau, nó lại còn quý giá ở chỗ nó vẽ lại những sự thực của lịch sử. Nó làm ta thấy lại một cách sinh động cuộc sống của chúa Trịnh, sinh hoạt, giao du của tầng lớp công khanh, nho sĩ, nó miêu tả lại những con người có một vai trò nhất định trong lịch sử thời Lê Mạt: Trịnh Sâm, Trịnh Cán, Hoàng Đình Bảo, nó làm ta thấy lại thành Thăng Long cách đây hai trăm năm, trong đó có nhiều di tích nay không còn nữa. Đó là những điều không thể có được trong một quyển sử cũ.

Ở các nước, những quyển ký sự của những người đương thời là những tài liệu rất quý báu để người đời sau có một cái nhìn sinh động về một thời đã qua. Tôi không nên xem như là một câu chuyện phiếm của thầy thuốc Lãn Ông.

Được sự uỷ thác của nhà xuất bản, chúng tôi cố gắng dịch lại tập ký sự này. Tập trung có một vài điểm cần trình bày:

Sách gồm có phần ký sự, phần thơ và các đơn thuốc.

1. Phần ký sự thì chúng tôi dịch hết.

2. Phần thơ gồm có những bài thơ của tác giả và những bài thơ người đương thời hoạ lại. Những bài thơ của tác giả có thể làm người đọc thấy thi tài, tâm sự của nhà thơ và những bài thơ có giá trị của người đương thời chúng tôi đều dịch. Còn những bài thơ mà chỉ có tính chất thù tạc của người đương thời nên không được hay

và những bài thơ của tác giả nghĩa không được rõ thì chúng tôi không dịch.

3. Về phần các đơn thuốc, chúng tôi chỉ cố ý dịch những đơn thuốc chính liên quan đến câu chuyện lên Kinh mà thôi.

Trong nguyên bản không chia ra các chương, chỉ viết một mạch từ đầu đến cuối. Chúng tôi chia ra các chương để bạn đọc theo dõi cho tiện.

Nhưng dù thêm hay bớt, chúng tôi cũng cố hết sức cung cấp một bản dịch trung thành với nhà thuốc, nhà văn và thi sĩ Lãn Ông. việc làm của chúng tôi có nhiên không thể khỏi thiếu sót rất mong các bạn bổ chính cho.

Cuối cùng, chúng tôi cảm ơn cụ Bùi Kỳ đã duyệt lại bản dịch

**NGƯỜI DỊCH**

## GIÀ NHÀ LÊN KINH

Tháng giêng, năm Nhâm Dần, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 43 <sup>(1)</sup>, gặp lúc trời xuân sáng lảng, hoa cỏ tốt tươi mấy cây ở trước sân nhà U trai của tôi nở hoa, kết quả, tuyết rủ hương bay... Trong cái ao ở mé tây vườn, đàn cá tung tăng ra đớp những vành trăng nhấp nhô trên sông. Chim oanh qua lại, vun vút như thoi đưa, bay vào lùm cây mát rượi. Tôi thường dắt tiểu đồng lên núi. Tha hồ ngắm cảnh khói mây để tiêu khiển: hoặc ngồi ở đình Nghênh phong <sup>(2)</sup> mà buông câu; hoặc ngồi ở lầu Tị huyền <sup>(3)</sup> mà gảy đàn; hoặc ngồi ở đình Tối quang <sup>(4)</sup> mà đọc sách; hoặc ngủ trước bàn cờ ở nhà Di chân <sup>(5)</sup>. Tha hồ vui thú! Thường ngà ngà say mới về nhà.

Ngày 12, thấy quan Thư trấn <sup>(6)</sup> cho hai người sai nhân đến nói:

- Quan lớn tôi có lời mừng cụ.

Tôi chẳng biết việc gì, bóc thơ xem. Thấy có hai cái giấy. Một cái là bản sao lời chỉ truyền:

---

(1) 1781

(2) Đình Nghênh phong: đình đón gió

(3) Lầu Tị huyền: lầu tránh ón ào

(4) Đình Tối quang: đình rất rộng

(5) Nhà Di chân: nhà vui thú tự nhiên. Nhà Nho xưa thường đặt tên những nơi mình ở để ngụ ý mình

(6) Quan Thư trấn: đời Lê gọi tỉnh bằng trấn. Bấy giờ huyện Hương Sơn thuộc về tỉnh Nghệ An. Thư trấn đời Lê cũng như tổng đốc đời Nguyễn là thủ hiến một tỉnh

“Quan nội sai Binh phiên Trạch trung hầu vắng lời chỉ, truyền cho quan Thự trấn Nghệ An là Côn lĩnh hầu phải tìm một người quê ở xã Liêu Xá huyện Đường hào, con quan Thượng thư họ Lê, tên là Hữu Trác, tục gọi là ông Chiêu Bấy. Hiện nay ông ta ngụ cư ở quê mẹ, xã Tình Diệm, huyện Hương Sơn.

Tìm được người này, phải sai lính ở trấn hậu vệ đưa ngay lên Kinh đợi mệnh.

Nay chỉ truyền

○ Ngày 29 tháng 11 năm Cảnh hưng thứ 42

Một cái nữa là do chính tay quan Thự trấn viết, đại lược nói:

Một anh học trò nơi thôn xóm, bỗng nhiên tiếng tăm động đến Cửu trùng tiền đồ rất có triển vọng, mừng khôn xiết kể”.

Lại nói:

“Có vương lệnh thì phải đi gấp. Lên đường ngay hôm nay. Đến trấn Vĩnh Dinh đã có lính của trấn ở đấy sẵn sàng cùng lên đường”.

Người sai nhân nói thêm:

- Đây là quan Chánh đường <sup>(1)</sup> thấy Đông cung Vương thế tử <sup>(2)</sup> mắc bệnh đã lâu nên cử cụ vào chữa. Việc này không phải là việc thường! Phải đi gấp không kể ngày đêm mới được.

Tôi thấy sự việc quan trọng như thế, lo sợ vô cùng người cứ như ngẩn như ngờ mất nửa giờ. Người nhà biết việc này, xôn xao bấn tán. Kẻ hiểu cho thì lo thay cho tôi. Kẻ không hiểu cho thì mừng thầm cho tôi.

(1)Chánh đường: chức quan cao nhất của chúa Trịnh phong. Đây là Hoàng Đình Bảo, sau này Hoàng Đình Bảo bị kiêu binh giết chết.

(2)Wương thế tử: tức là Trịnh Cán con của Trịnh Sâm và Đặng Thị Huệ.

Nguyên 4,5 năm trước đây, quan Chánh đường ở Hoan Châu <sup>(1)</sup> có mời tôi chữa bệnh. Ông dẫn tôi vào bậc khách quý : ngồi kê sát chiếu, ăn uống rất trọng hậu. Sau đó, ông dẹp giặc biển thành công, về triều làm đến tam công, được tin dùng không ai bằng. Được tin này, mấy năm nay trong lòng tôi vẫn cứ áy náy lo nghĩ một mình. Tôi thường nói với học trò:

- Thế nào ta cũng phải lên Kinh một chuyến, đành phải bận rộn ở chốn phồn hoa đô hội mà phụ phàng với cỏ hoa nơi núi cũ.

Cơ sự hôm nay đã như thế rồi. Riêng tôi, tôi chỉ ân hận: sao mình đã đi ở ẩn mà còn chưa ẩn cho kín? Nhưng ông ta vốn có cái tài của Chu công ngày xưa, thường rất khiêm tốn đối với kẻ sĩ trong thiên hạ nữa là đối với mình. Có người an ủi tôi, nói:

- Cụ xưa nay tinh thâm về cái học về tính và mệnh, nếu không làm được một ông lương tướng thì cũng làm được một ông lương y. Bấy lâu nay, cụ mai danh ẩn tích, cái đó đành là cao thượng. Nhưng nay Cửu trùng đã biết, bốn bể nghe danh, đó chẳng phải là một việc kẻ trượng phu mong mỏi hay sao?

Tôi bùi ngùi trả lời:

- Cây kia có hoa nên bị người ta hái; người ta có cái hư danh nên phải lụy về chữ danh. Ví bằng trốn cái danh đi có thú hơn không?

Vì vậy, tôi cứ canh cánh bên lòng không sao ngủ được, thao thức suốt đêm. Sau lòng lại nhủ lòng:

Mình thuở trẻ mài gươm, đọc sách. Mười lăm năm phiêu bạt giang hồ, không có cái gì là sở đắc. Mình đã xem công danh là vật bỏ, về núi Hương Sơn dựng lều,

(1)Hoan châu: Nghệ An

nuôi mẹ, đọc sách, mong tiêu giao vui thú trong cái vườn đạo lý của Hoàng Đế, Kỳ Bà <sup>(1)</sup>, lấy việc giữ thân mình, cứu giúp người cho là đặc sách lắm. Nay không ngờ cái hư danh làm liên lụy đến nông nổi này !

Rồi tôi tự an ủi :

- Mình lao tâm tiêu tứ về đường y học đã ba mươi năm nay mới viết được một bộ “*Tâm lĩnh*” <sup>(2)</sup>, Mình không dám truyền thụ riêng cho ai, chỉ muốn đem ra công bố cho mọi người cùng biết. Nhưng việc thì nặng, sức lại mỏng, khó mà làm được, Quý thần hiểu thấu lòng mình, chuyện này đi có chỗ mẫn may đây cũng chưa biết chừng !

Nghĩ như thế, bất giác thấy vui hẳn lên. Bèn tiếp đãi hai người sai nhân và viết thư trả lời quan Thự trấn. Vì ông ta là chỗ quen thân, ông muốn viết hộ tôi một tờ khai nói rõ tôi đã già yếu để xin miễn đi.

Hôm sau, quan Thự trấn lại sai lính đem một lá phiếu đến, ở trong nói:

*“Bản chức đã sai một chiếc thuyền đưa cụ theo đường sông đến trạm. Xin cụ đi ngay cho. Đừng dằng sợ có liên lụy”.*

Con cái trong nhà cũng hết sức van nài. Tôi biết tình thế không đi không được. Bèn viết giấy báo các học trò học thuốc đến họp.

Ngày 14, làm lễ tế thiên thánh, tiên hiền rồi hát một chầu.

Ngày 16, bọn học trò thấy tôi sắp đi xa, lại bày một bữa hát nữa.

(1) Hoàng Đế và Kỳ Bà theo truyền thuyết là hai vị tổ sư của y học đã làm ra bộ “*Nội kinh*”

(2) *Tâm lĩnh*: bộ sách thuốc “*Lân Ông tâm lĩnh*” của Hải Thượng, tức Hải Thượng y tông tâm lĩnh.

Ngày 17, tôi chỉnh đốn hành lý: một bên nửa gánh đồ thư, một bao đàn, kiếm. Tôi cho người mang xuống thuyền đi đường thủy đến Vĩnh Định. Bấy giờ khách khứa đầy nhà. Người thì xin đơn, kẻ thì đến tiễn, dùng dằng mãi đến khi mặt trời sắp lặn, thuyền mới nhỏ sào.

Tôi ngồi trong thuyền ngắm cảnh sinh tình. Lòng khách chứa chan không sao nguôi. Bèn ứng khẩu một bài thơ:

Thủy lưu hà thái cấp?  
Hành nhân ý dục trì.  
Quần sơn phân ngạn tầu,  
Nhất trạo phách yên phi.  
Sa nhận nhân như tống,  
Du ngư cấp dục truy.  
Vân gian Hương linh thụ,  
Thái bán đi tà huy.

Dịch: *Nước chảy sao quá gấp,  
Người đi ý muốn chầy.  
Chia bờ, bầy núi chạy,  
Rẽ khói, chiếc buồm bay.  
Tiễn khách, chim gán đó,  
Đuổi thuyền, cá lội đây,  
Trong mây cây núi cũ,  
Quá nửa bóng chiều đây<sup>(1)</sup>.*

---

(1)Diễn xuôi: Nước chảy sao nhanh quá  
Người đi ý dùng dằng chưa nỡ đi.  
Đáy núi ở hai bên bờ chạy,  
Một mái chèo vạch khói bay.  
Con nhận trên bãi cát gán ta như tiễn chàn,  
Cá lội gấp như muốn đuổi theo ta.  
Lùm cây đáy núi Hương Sơn ở trong đám mây.  
Bóng chiều đã rơi vào quá nửa.



Đêm ấy thuyền đi dưới trăng.  
Hai bên bờ vắng ngắt. Chỉ nghe tiếng chõ sũa theo.  
Một vầng trăng sáng vằng vặc lòng sông. Hai bên  
bờ, nước lên chờ khách sang sông Chuông nện chùa xa  
văng vẳng; một đôi cò trắng đuổi nhau. Những người tuy  
tùng đều mượn chén tiêu sầu. Tôi cũng nhân đó ngâm  
một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

Nhất giang yên thủy tĩnh,  
Khách tứ măn quan hà.  
Phong trọng, chinh phàm cấp,  
Sương thâm, khứ nhạn tà.  
Hàn sơn lại dạ khách,  
Viễn phố xuất ngư ca.  
Kim tịch do như thử,  
Minh triều thả nạn hà?

Dịch: Êm đềm một dải nước mây,  
Quan hà man mác, khôn khuây nỗi lòng.  
Chiếc buồm thuận gió thẳng bong,  
Giọt sương gieo nặng, cánh hồng thướt tha.  
Rừng sâu, tiếng khách thoảng qua,  
Bến xa văng vẳng khúc ca bạn chài.  
Đêm nay ta thấy như vậy,  
Ngày mai rồi nữa, chẳng hay thế nào<sup>(1)</sup> ?

Gà gáy thì đến Vĩnh Dinh. Nghỉ ở bến sông một lát.

(1) Diễn xuôi:

Một con sông mây nước lặng lẽ.  
Lòng khách man mác đầy chốn quan hà.  
Gió nặng, buồm đi gấp,  
Sương dày, con nhạn bay sa xuống.  
Tiếng khách ban đêm từ hòn núi trọc đưa lại,  
Tiếng hát bạn chài từ bến xa vang đến.  
Đêm nay còn như thế,  
Ngày mai không biết còn như thế nào?

Sáng ngày 18, tôi rời thuyền lên bờ, yết kiến quan Thư trấn. Luôn mấy hôm, ông chờ tôi, nhưng hôm nay có giỗ ông cụ thân sinh nên đã về quê. Chỉ còn lại những người gia thuộc. Ông đã dặn họ sắp sẵn mấy người lính, đem năm quan tiền làm tiền ăn đường và nói: quan lớn có giỗ phải về nhà, không được gặp mặt, chỉ có chút lễ mọn để tỏ tình. Ông lại sai quan Văn thư <sup>(1)</sup> đem hai mươi người lính trong đạo, có đủ lương thực để theo hộ tống.

Ngày 20, quan Văn thư sửa sang hành lý lên đường. Vì bọn lính đi theo vẫn chưa mang đủ lương thực, còn phải đi vay tạm: cho nên đến quá trưa chúng tôi mới khởi hành. Buổi chiều, đến nghỉ ở trạm xã Kim Khê (gọi là quán Me). Quan Văn thư làm lễ, vào trong miếu của xã ấy, bà ra một tiệc hát và mời tôi cùng dự. Bấy giờ Thánh mẫu đang nhập vào cô đồng. Cô ta đang ngồi lắc lư và đang nói. Có người bảo tôi:

- Thánh mẫu linh thiêng lắm, báo ứng không sai điều nào. Cụ lần này lên kinh có muốn cầu gì thì lại mà cầu.

Tôi nói:

- Có mong được gì thì mới cầu chứ! Lòng tôi đã không mong được gì, vậy cầu để làm gì?

Cô đồng nghe nói mỉm cười. Quan Văn Thư nhìn tôi cười khanh khách, Nửa đêm, tiệc tan, mọi người về trạm nghỉ.

Ngày 21, chúng tôi ra đi từ sáng sớm. Bấy giờ mưa rơi tầm tã, cả đoàn đều rét mướt. Trước mắt hàng ngàn ngọn núi lởm chởm, Đường xá gồ ghề. Tôi thấy đường đi lặn lội khó khăn, buột miệng ngâm:

(1) *Quan Văn Thư*: ngang hàng với Tri phủ

Nam vọng thiên sơn như đại sắc,  
Sâu quân khách lộ tại kỳ trung.

dịch: Trời nam rặng núi xanh xanh,  
Đường trường khách những buồn tênh nổi lòng<sup>(1)</sup>  
Chúng tôi đi về phía núi Cẩm, đến Kênh Sát. Bấy  
giờ, hơi biển bốc lên mù mịt, núi trùng trùng điệp điệp,  
nom không thấy đường thực là:

Một trăm sáu ngọn núi cao,  
Chẳng hay sự cụ nẻo nào tới đây?

Cách năm bước là đủ không nom thấy gì. Chỉ  
nghe tiếng chim kêu, vượn hú, như ở trong mây. Nhìn  
những ngọn núi khói mây, có nhiều thú vị. Ngắm cảnh  
sinh tình, trong lòng tôi bồi hồi cảm xúc. Thăm nghĩ đã  
ba mươi năm nay, mình xem cái trò danh lợi như ngọn  
nước chảy xuôi; chỉ lo vui chơi nơi rừng, suối, tự cho thế  
là đắc sách! Ai ngờ lòng mình đã không màng danh lợi,  
mà cái thân lại mắc vào chốn lợi danh! Cũng vì mình  
thực không phải một ẩn sĩ chân chính cho nên mới gặp  
nóng nổi này. Bèn làm một bài thơ cảm hoài để bày tỏ ý  
mình:

Độn thể tông y dưỡng nhất chân  
Bất tri vì phú, khởi tri bần.  
Lâm tuyên dục liễu tam sinh đạo,  
Luân bột<sup>(2)</sup> nan từ vạn lý thân.  
Bán đàm yên hà lao dịch mã,  
Mãn sơn viên hạc tổng chinh nhân.  
Hư danh tự sự vô tha bí.

(1) Diễn xuôi: Nhìn về phía nam ngàn ngọn núi xanh màu chàm,  
Buồn cho người đang đi trên đường ở trong ấy

(2) Luân bột: Nghĩa đen sợi tơ (luân) xe lại (bột) ý nói lời vua nói thì nhỏ sau thành  
quan trọng. *Lê ký: Vương ngôn như tư kỳ xuất như luân, Vương ngôn như tư kỳ xuất  
như bột. Lời của nhà vua như sợi tơ, đưa ra thì hoá thành sợi chỉ. Lời nói nhà vua như  
sợi chỉ, lúc đưa ra như sợi dây thào, ở đây ý nói chiếu chỉ.*

Hoàng khủng sợ cuồng đối thánh quân,

Dịch: Trốn đời học thuốc xi xằng  
Làm giàu chẳng biết, nghèo chẳng cũng đành!  
Lâm tuyền hẹn ước ba sinh  
Chiếu vua không chối, bằng mình dậm xa.  
Lời thoi nửa gánh yên hà,  
Đầy rừng vượn hạc đưa ta lên đường.  
Nghĩ mình tiếng cả tài thường,  
Sợ cuồng đối với thành hoàng sợ thay <sup>(1)</sup>!

Đêm ấy, đến chợ Đông Luỹ thì nghỉ lại... Tôi cho người tùy tùng nói với quan Văn thư để cho chúng tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở trạm chợ Hoàng - Mai. Ông này việc quan chưa xong, cũng muốn lưu lại đây nên bằng lòng ngay.

Ngày 22, tôi đem tùy tùng đi trước. Phía tây, núi non trùng trùng điệp điệp, khi ẩn khi hiện trong đám mây trắng. Trên đường, có mấy ngọn núi nhỏ đứng tách riêng. Buổi chiều, nơi trắng nơi vàng làm cho cánh đồng thêm vẻ đẹp. Tôi đến núi Long Sơn, thấy một nơi quanh co, cổ thụ um tùm, thật là mát mẻ. Đá xếp như bàn, đàn ra thâm thấp có vẻ ngay ngắn lắm. Tôi bảo người khiêng cang dừng lại để du ngoạn một lát. Tôi ngâm một bài thơ và đề thơ lên vách đá.

(1) Diễn xuôi: Trốn đời, theo cái nghề thuốc để giữ cái mặc mạp của mình, Không biết làm giàu há có biết nghèo đâu Muốn làm trọn cái ước hẹn ba sinh với rừng suối (ở đây chữ "đạo" trong "tam sinh đạo" có lẽ là "chữ nguyện" viết lầm). Vàng lời chiếu chỉ, thân này khó từ chối việc đi ngàn dặm. Nửa gánh khối mây làm cho con ngựa trạm mệt (ý nói hành lý chẳng có gì)

Đầy núi, vượn hạc đưa tiễn người đi đường.  
Tự mình nghĩ rằng chỉ có hư danh không biết được cái gì máu nhiệm.  
Sợ mình là người sợ cuồng, khó mà đối với bậc thánh quân.

Y sơn cương tác tứ,  
 Bang thạch giá sơn chung.  
 Tế vũ miêu xuân thảo,  
 Minh hà lạc vấn tùng.  
 Nhân ngâm tàn chiếu lý,  
 Điều ngữ loạn lâm trung.  
 Phụng chiếu xu hành dịch  
 Cẩn lao tiểu Lân Ông!

Dịch: *Cạnh rừng chùa dựng gò cao,  
 Kế bên vách đá, chuông treo dễ dàng.  
 Cỏ xuân mưa mọc điểm trang,  
 Ráng hồng chiếu lại xuyên ngang cội tùng.  
 Bóng tàn gợi hứng ngâm ông,  
 Liu lo chim nói trong vùng rừng sâu.  
 Dặm dài vầng chiếu ruổi mau,  
 Lân Ông nay cũng cẩn lao nực cười <sup>(1)</sup>!*

Đề xong tôi rào bước. Đến chợ Hoàng Mai nghỉ lại. Vẫn chưa thấy quan Văn thư đến. Sáng hôm sau, tôi ra lệnh cho lính cứ đi. Quá trưa, ông ta mới đến. Ông nói:

- Tôi sợ lính đi đường không đủ. Số lính quan Thư trấn bảo lấy ở các huyện vẫn còn thiếu, tôi muốn lấy thêm ít người giúp việc gánh gồng để đi cho nó trọng thể.

- Tiền nong, lương thực mang đi chẳng bao nhiêu, ông lo gì cho mệt!

---

(1) Dựng chùa trên gò, bên núi,  
 Gác chuông lên giá ở bên đá.  
 Mưa phùn tò điểm cho cỏ mùa xuân,  
 Ráng sáng rơi trên cây tùng buổi chiếu.  
 Người ngâm thơ trong bóng mặt trời tàn,  
 Chim nói trong rừng rậm.  
 Vầng chiếu rào bước đi nhanh,  
 Nực cười cho Lân Ông (nghĩa đen: ông lưỡi) cũng khó nhọc.

Sáng ngày 23, đến cầu Kim Lan. Mọi người nhìn cái đền thờ ở ven biển, đứng xa mà vái. Quan Văn thư hỏi:

- Ở đây thờ vị thần thiêng nhất Nghệ An. Tôi ở xa đến không biết rõ lắm.

- Lúc tôi còn nhỏ, tôi đã đi qua đây. Tôi hỏi các cụ già: Tuy sự tích truyền miệng có sai lạc, nhưng trong Tống sử có kể lại: Sau khi đánh nhau với quân Kim<sup>(1)</sup>, bị thất bại, Trương Thế Kiệt đem Đế Bính chạy ra biển trốn, cả hai gặp sóng to chết đuối. Hoàng hậu<sup>(2)</sup> và hai người con gái bám lấy ván trôi dạt vào bờ biển. Một người trong thôn thấy thế liền mình ra cứu. Sau người này có lòng ám muội, hoàng hậu nghiêm nét mặt cự tuyệt. Người kia xấu hổ quá nhảy xuống biển chết. Hoàng hậu than: Ta nhờ có anh ta mà sống, anh ta lại vì ta mà chết! Lẽ nào ta lại sống một mình! Bèn cũng nhảy xuống biển chết theo<sup>(3)</sup>. Về sau rất linh thiêng, nên người ở ven biển thờ làm thần, đến nay vẫn còn hương khói.

Quan Văn thư than thở mãi. Tôi đọc một đôi câu đối:

Đại tống cơ đồ thiên cơ hậu,  
Nam thiên vũ trụ tứ thời xuân.

Dịch: *Cơ đồ đại Tống hờn nghìn thuở,  
Vũ trụ trời Nam xuân bốn mùa.*

Ngâm song, mọi người lại đi. Đến khe Nước lạnh

(1) Kim: nên đổi là Nguyên.

(2) Nên đổi là Hoàng thái hậu.

(3) Đây là sự tích của vị thần Đền Cờn ở huyện Quỳnh lưu Nghệ An.

là nơi giáp giới Thanh Hoá và Nghệ An, tôi thấy một tốp người đi đường đang đứng bên vệ đường. Trông thấy tôi, họ đều vái chào. Hỏi ra, thì đó là những người ở làng gần đó ở Kinh về. Tôi cũng dừng cáng, hỏi thăm một lát rồi mới đi. Bấy giờ miền quê, nổi khách ngổn ngang, cũng ứng khẩu một bài thơ để bày tỏ nỗi lòng:

Hoan, Ái phân cương địa  
Quần sơn hồ tổng nghinh  
Tiểu ca, vân lộ xuất  
Điều ngữ, cốc phong sinh  
Phục thạch đương đồ lập,  
Giao thiên đoan bích hoành.  
Hành nhân thuyết hương tứ,  
Duy ngà thương thần kinh.

Dịch: *Nghệ, Thanh phân giới từ đây,  
Đón đưa, núi nọ, non này gần xa  
Đường mây vắng vắng tiểu ca.  
Liu lo chim nói, gió hoà hiu hiu.  
Nhấp nhô đá dựng giữa đèo,  
Trời Nam mảnh biếc một chiều giăng ngang.  
Người ta nói chuyện về làng.  
Riêng mình còn phải dặm trường lên Kinh <sup>(1)</sup>.  
Hôm ấy, trời xuân ấm áp, đi đường thanh thoi.  
Buổi chiều, đến chợ Thổ Sơn nghỉ lại. Trong chợ, có đồn  
lính. Họ là lính Thanh Hoá phái vào canh phòng,*

(1) Diễn xuôi: Đây là nơi phân giới Hoan châu (Nghệ An) và Ái châu (Thanh Hoá).  
Những dãy núi dữ đón lẫn nhau.

Tiếng hát người tiểu phu ở trong đường mây vang ra.

Trong khi chim nói gió hoà thổi.

Đá nằm ngang đường cái,

Một mảnh mây xanh giăng ngang ở phía trời xa.

Người đi đường nói đến tình về làng.

Riêng ta, ta lại lên Kinh.

mang nhiều khí giới. Họ muốn giữ chúng tôi lại xét. Khi biết chúng tôi đi có lệnh trên, họ đều xúm lại xin lỗi rồi đi.

Ngày 24, tôi lên đường từ sáng sớm. Sức nhớ đến việc Tân Thủy Hoàng, Hán Vũ đế ngày xưa đem hết tâm lực để tìm thần tiên, thế mà rốt cục chẳng thấy tăm hơi chốn bồng lai nào đâu, thật là sai lầm hết sức. Người xưa đã vì cái cảnh làm quan là cái biển, lênh đênh chìm nổi hiểm nghèo. Tôi nhìn cảnh khói sóng mênh mông, nhân tiện ứng khẩu một bài thơ.

Hải ngạn kinh hành khách,  
Thương mang vạn lý thu  
Ba đào chán ngao cực,  
Vạn vụ khởi thiên xu.  
Độc nhật thiên trùng lãng,  
Tuỳ phong nhất điệp chu.  
Cổ nhân ta hoạn hải,  
Thâm ý tại trăm phủ.

Dịch: Khách đi bờ biển hải hùng,  
Cảnh thu muôn dặm trùng trùng mông mênh.  
Sóng lay cột đất rung rinh,  
Mây mù cuốn cuộn xung quanh cột trời.  
Ác vàng nghìn lớp sóng dôi,  
Thuyền con một lá xa vời gió đưa.  
Cho hay "bể hoạn" lời xưa  
Vì chung chìm nổi nguy cơ bất thường<sup>(1)</sup>.

(1) Diễn xuôi: Bờ biển làm hành khách đi đường phải sợ.  
Cảnh thu muôn dặm mênh mông.  
Sóng lay cột đất (ngao cực: Theo "Sơn hải kinh" ngày xưa có  
mấy con cá ngao lớn độ mấy ngọn núi ở ngoài biển).  
Mây, mù nổi lên trên cột trời  
Nghìn lớp sóng tấm mặt trời  
Một lá thuyền trôi theo gió  
Người đời xưa than "bể hoạn",  
Ý sâu ở chỗ nó chìm nổi không nhất định



Quan văn thư sai lấy ba chiếc thuyền chở qua biển Tự nham. Chúng tôi lên bờ nghỉ lại.

Ngày 25, chúng tôi lên đường trên mã đi. Đường dưới dẫn đến cửa biển Thần phủ. Máy chở đi qua các làng, tôi đều xuống cáng đi bộ. Buổi chiều, đến chợ ngủ.

Sáng ngày 26 ra đi. Quá trưa, qua đò Đà liên, đến nghỉ ở chợ huyện. Đang ăn cơm trưa, chợt gặp một người mặc áo thầy tu, chống gậy trúc đến, có vẻ ung dung như một ông tiên. Tôi ngạc nhiên hỏi chủ hàng, chủ hàng nói.

Đó là ông sư ở chùa núi này, thạo về nghề bói toán.

Tôi sai tiểu đồng mời ông vào hàng. Mời ông ngồi xong, tôi hỏi:

- Nghe nói cụ thạo về dịch lý, tôi muốn nhờ cụ bói cho một quẻ, không biết có được chăng?

Nhà sư không từ chối đáp:

- Năm nay cụ bao nhiêu tuổi. Cụ muốn bói việc gì thì cứ thành tâm mà cầu là linh ứng ngay.

Tôi kể rõ đầu đuôi. Nhà sư suy nghĩ một lát rồi nói lớn:

- Quẻ tốt lắm, phải là một việc phi thường!

- Người quan tử hỏi điều dữ chứ không hỏi điều lành. Xin tiên sinh chớ giấu.

- Quẻ này là quẻ “*nguyên thủy*”, có cái tượng vua sáng tôi hiền..., “*quý nhân lâm bản mệnh*”, “*Dịch mã lai hành niên*”. Quả là có điềm được triệu mời! thực là cá gặp nước, giao long gặp mưa, toàn là điềm lành cả. Chỉ có một điều đáng ngại: “*sao bạch hổ*” vào tù lên Kinh sẽ mắc bệnh.

Tôi nghĩ thầm: ông này học thuật tinh vi, Hình dung trang trọng, chắc có kiến thức hơn người. Chỉ tiếc gặp nhau quá muộn, không sao dò hết cái thâm thúy của người ta. Tôi bèn kể câu chuyện đầu đuôi một lượt và hỏi:

- Chỗ tôi ở tuy là nơi núi non hẻo lánh, chỉ được cái nhàn hạ, tịch mịch: mây đầu non, trăng mặt biển, lòng tôi lưu luyến không nở rời. Ngày nay, không biết bao giờ tôi mới được trở về vui chơi với hươu nai, nói chuyện với bạn chài, người hái củi dưới bóng trời chiều!

Nhà sư nghe vậy, cũng ngậm ngùi mà rằng:

- Xưa nay cái bệnh cao lương đã ăn sâu vào xương tuỷ của người ta rồi! Tại sao mọi người đều mê mà riêng cụ thì lại tỉnh như vậy? Tuy vậy quả này xem ra “Chủ khách vui vậy”, “Trên dưới hoà hợp”, cho nên chưa đoán được bao giờ sẽ về.

Tôi nghe vậy, thờ dài mấy tiếng rồi sai tiểu đồng đem tiền hậu tạ. Nhà sư một mực chối từ, cười mà rằng:

- Cụ đi chuyến này, bản tăng chỉ xin mấy chén rượu Kinh là đủ.

Tôi bảo người đến ngay hàng rượu mua một bầu rượu ngon đem lại. Nhà sư vui mừng giơ hai tay đỡ lấy. Và chẳng cần thức nhắm gì hết, ông rót đầy một chén tống, há miệng làm một hơi như rồng hút nước hút một cái là cạn rồi nói to:

- Sướng quá!

Và vái chào từ biệt.

Tôi cười, đáp:

- Ông quá khen làm cho tôi hổ thẹn. Người xưa, tài cao học rộng, Kinh luân chứa sẵn, ở ẩn thì giấu tâm che tiếng; ra làm quan thì giúp vua cứu dân. Chứ tôi đây,

học hành lổm bổm, trí cạn tài hèn, đã là vô dụng với đời. May được chút nghề mọn giắt lưng, không ngờ bỗng chốc lại đến thế này. Đức không xứng với cảnh ngộ, không thể gọi là may được.

- Tôi nghe quan lớn tôi nói cụ là bậc cao ẩn, mượn tiếng thầy thuốc đó thôi.

- Đâu có thế!

- Lòng cụ như sắt đá. Tôi đâu dám nhiều lời! Tôi nghe nói cụ ngâm vịnh rất nhiều, muốn nghe lời vàng ngọc để hoạ lại cho vui, không biết có được chăng?

- Tôi cười đáp:

- Người đánh đàn chỉ khổ một nổi là không có tri âm. Khúc “cao sơn”, “lưu thủy” thế nào chắc ông đã rõ.

Tôi bèn sai tiểu đồng lấy bút, mực đến. Tôi viết một bài thơ:

Nhất bách lực phong lam vụ mê,  
Nhất tông tam cấp thượng vân thê.  
Yên hoàn trầm lục hoành thiên bắc,  
Loa kế phù thanh phó hải tê (Tây).  
Chữ đánh, sương hoa khuynh phấn hân,  
Ngâm thi, u điệu hướng nhân đề.  
Mỗi phùng thắng cảnh vi thi luy,  
Khuyến quyền thời dư thủy quá khê.

Dịch: Mù che trăm sáu hồn cao,  
Ngồi lần ba cấp bước vào thang mây.  
Ngang trời mái lục, giăng bày,  
Chóp xanh thẳng tới biển tây xa vời.  
Quạt trà, hoa lạnh phấn rơi  
Ngâm thơ, chìm chốc trước người kêu vang.  
Nhà thơ vì cảnh vấn vương,

Hành giờ, rồi mới đánh đường qua khe<sup>(1)</sup>

Tôi bèn lên thuyền đi. Đêm ấy, đến trạm nghỉ, quan Văn thư đến chỗ tôi trọ nói với tôi:

- Chuyến này đi, việc công rất gấp. Thế mà chúng ta mỗi ngày chỉ đi được 50 dặm! Lệnh xuống, mồng 10 đến Vĩnh Dinh, 11 đến nhà cụ. Thế mà đến nay đã nửa tháng rồi vẫn còn 6, 7 ngày đường nữa mới đến, tôi ngại lắm. Xin cụ hiểu cho. Bây giờ phải chọn người khỏe mạnh, đi suốt cả ngày đến khuya mới nghỉ. Tên lính nào yếu đuối thì cho ở lại...

Tôi cười mà rằng:

- Ông không phải quá lo về việc ấy. Tuy mồng 10 lệnh xuống nhà tôi, nhưng tôi còn đi làm thuốc ở xa, phải tìm mất mấy ngày. Sau đó, dọc đường lại gặp mưa gió cản trở chậm đến mấy ngày. Cứ thế mà xem thì hôm nay dù mọc cánh cũng không sao lên Kinh đúng hạn được.

Quách Văn thư cười:

- Cũng phải nói thế mới xong!

Nói chuyện, uống trà xong, ông đã trở về nhà trọ.

Ngày 27, gà gáy sáng, chúng tôi đã ra đi. Trên đường, toàn là núi non bao bọc. Khói mây mù mịt, hươu nai thấy khách đi đường hoảng chạy. Chim đêm nghe tiếng người bay vụt ra. Đây là Ba Dội. Lên đỉnh núi,

(1) Diễn xuôi:

Một trăm linh sáu ngọn núi bị mây mù che khuất  
Người ta lần theo ba bậc lên thang mây  
Mái núi màu lục bị khói che ngang phía bắc trời  
Chóp núi xanh lơ xoay ốc chạy ra phía tây biển.  
Pha trà, cái hoa khi còn sương rơi phấn,  
Ngâm thơ, chim ở trong bụi rậm hát về phía người ngồi.  
Gập cánh nên thơ trong lòng vẫn vương,  
Quyển luyến hơn một giờ mới qua khe

mặt trời mới nhô lên, sương đêm chưa tản hết. Người đi đường áo quần ướt át. Tôi bảo nghỉ. Trong một cái trạm trên núi. Trong quán không có người. Chúng tôi đốt lửa hơ quần áo. Tôi bảo một người lau một tảng đá phẳng. Tôi ngồi lên trên tảng đá bên cạnh cây cổ thụ. Tiểu đồng đang đun nước pha trà, nấu cơm sáng, mời quan Văn thư cùng ăn. Đứng trên cao nhìn ra xa, trong lòng man mác, tôi định ngâm câu thơ cổ để giải buồn. Không ngờ buột miệng ngâm:

Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại

Tuyết phủ lam quan mã bất tiến

Dịch: *Mây che Tần lĩnh nhà đâu nhỉ?*

*Tuyết phủ lam quan ngựa muốn chùn* <sup>(1)</sup>

Ngâm xong, trong lòng như cảm thấy xúc động, tôi lặng yên không nói. Quan Văn thư thấy vẻ mặt tôi buồn rầu, cười mà rằng:

- Nơi đây, trăm hoa đua nở, một cõi càn khôn. Thật chẳng khác cái thú Hương Sơn. Cụ ngắm cảnh sinh tình nên có vẻ không vui.

Rồi nói tiếp:

- Cụ lắm rồi! Người quân tử trên đời có hai con đường: hoặc ra giúp đời, hoặc ở ẩn. Ở ẩn thì lấy đạo làm nguồn vui, ra giúp đời thì lấy đạo để cứu đời. Cụ bấy lâu ẩn nấu trong núi sâu, nay được cứu trùng biết tiếng; quan đại thần lấy lễ tiếp đãi, thật là việc gặp gỡ nghìn năm có một. Sao cụ lại buồn như thế!

Viết xong, tôi đưa cho ông, yêu cầu hoạ lại. Ông xem đi xem lại bốn, năm lần rồi nói:

(1) Diên xúi: *Mây che ngang núi Tần lĩnh, nhà ta ở đâu rồi?*

*Tuyết phủ cửa Lam quan ngựa không đi được nữa.*

(Đây là hai câu thơ của Hàn Dũ đời Đường khi bị trích ra làm quan ở Triều châu).

Thơ của cụ là thứ thơ tuyệt diệu, khó họa lắm. Xin để tôi vắt ruột, suy nghĩ vài đêm, may ra mới có thể mua cười.

Chúng tôi dắt nhau xuống núi.

Đêm ấy đến trạm ở chợ Vân Sàng thì nghỉ lại

Ngày 28, đến trạm cầu Khương Kiều. Ngày 30, đến trạm cầu Thịnh Liệt.

Quan văn thư nói với tôi:

- Trong tờ khai đưa lên có nói rõ ngày nào được lênh, ngày nào lên đường, ngày nào đến, thể thức ra sao, xin cụ xem qua để vào hầu cho tiện.

Ông đưa tôi tờ khai và cười:

- Tất cả đều y đúng như lời cụ nói ở dọc đường. Chiều mai chúng ta đến đình quan Chánh đường xem công việc ra sao. Bàn định xong, mọi người đi ngủ. Hôm sau, quan Văn thư đi theo con đường bên tả qua làng Nhân Mục, thẳng qua Hoàng Mai, theo cầu Triều mà vào thành. Bấy giờ có một người học trò, tên là Tống Thuần nói với tôi:

- Năm xưa con có một người bạn thân tên là Sự, là con một người Khách. Anh ta về quê mẹ ở Lai Triều tức là Hiến Nam Cung, nay rời nhà đến cửa tây ở Khương Đình, làm nghề bốc thuốc. Con thấy anh là người hiếu hữu, nên có cho anh ta bộ *Tâm lĩnh* của thầy. Từ đó, anh ta ngày đêm học tập, tay không rời sách, học thuật mỗi ngày một tiến, nổi tiếng ở Kinh đô. Anh ta thường than rằng mình ở xa ngàn dặm không được cập môn, chỉ ngưỡng mộ suông mà thôi. Anh ta cũng muốn về quê thầy bái yết, nhưng ngặt một nỗi ở nhà còn mẹ già, không sao đi xa được. Anh ta có lập một bàn thờ, thờ sống thầy, sớm chiều hương khói để báo ơn thầy.

May sao, trời cũng chiều người khiến anh ta có dịp bái tiếp. Vả lại, từ nhà anh ta vào thành chỉ có vài dặm từ đây vào thành cũng bằng từ cầu Triều vào thành thôi. Để con đến báo cho anh ta biết. Không biết thầy có cho phép không?

Tôi thấy anh ta là người có nghĩa nên ưng thuận. Thuần được lệnh đi trước. Tôi theo đường rừng bên tả mà đi. Đi được vài dặm, đã thấy anh ta đến đón ở bên đường. Gặp tôi, anh ta vui mừng khôn xiết vào nhà lấy tạ, kể lại nỗi lòng khao khát bấy lâu. Anh ta giữ tôi lại một đêm, đối đãi rất hậu. Tôi nói:

- Đừng làm thế! Tôi và quan Văn thư đã hẹn nhau hôm nay cùng đến quan chánh đường hội họp. Công việc rất gấp, trên đường lại bị gió mưa cản trở. Nay đã đến đây, lẽ nào dám trì hoãn, nhưng tôi là người sơn dã, đường xá trong Kinh như thế nào, tôi đã quên hết. Ông làm ơn dẫn đường giúp tôi. Uống trà xong, tôi đứng dậy bảo Sự dẫn đường. đi qua cửa Vũ Quan vào thành. Chỉ thấy một cái thành đất, không cao lắm. Bên cạnh là một cái tường nhỏ, trên mặt tường là đường xe ngựa đi, ở mé ngoài là hàng rào tre kín mít. Dưới chân tường là hào sâu. Trong hào thả chông, xem ra rất kiên cố. Thành có ba vọng canh, nơi nào cũng có lính sắp hàng, gươm, súng sáng quắc. Lính giữ cửa thấy chúng tôi có mang theo khí giới nên hỏi rất kỹ. Khi đã rõ đầu đuôi, nhận ra dấu hiệu áo quần của lính ở trấn Nghệ An, họ mới cho đi.

Nơi này xưa kia tôi đã từng du học, ở trọ ở đây. Tôi chống gậy đi bách bộ bốn phía để ngắm cảnh cũ. Tuy núi, hồ vẫn như cũ, nhưng diện phạt, đình, đài, chỗ ở các quan và các trại lính đều khác ngày xưa. Tôi càng thêm cảm khái, làm một bài thơ để tỏ lòng mình:

Lạc phách giang hồ tam thập niên.  
 Ngẫu tuý đan phượng nhập Trường-yên (an).  
 Y quan, văn vật sinh trung thổ,  
 Lầu quán, đình đài tiếp viễn thiên.  
 Thô suất nhiệm thành sơn dã tính,  
 Xu bồi tu đối ngọc đường tiên.  
 Thiều thời lịch lịch hy du xứ,  
 Kim nhật trùng lai bán bất nhiên.

*Dịch: Ba chục năm giang hồ phiêu bạt  
 Váng chiếu trời vào đất Tràng An.  
 Trung châu văn vật y quan,  
 Lầu, đài, đình, quán lọt làn mây xanh.  
 Tính sơn dã dã thành-thô tục,  
 Tiên ngọc đường then lúc xu bồi;  
 Kìa nơi tuổi trẻ đùa chơi,  
 Ngày nay phần nửa khác thời năm xưa<sup>(1)</sup>*

Ngâm xong tôi lên cẳng đi. Đi qua cửa cung Khánh Thụy, qua đình Quảng Minh, qua cửa Đại Hưng, rẽ qua đường bên phải đi hơn nửa dặm thì đến đình quan Chánh đường, cửa đình cao lớn, voi có thể vào lọt. Hai bên đặt diêm thường trực, bày binh khí, xem rất chỉnh tề. Quân sĩ ngày đêm thay thế nhau xét hỏi những ai ra vào. Tôi vào liảng cơm nghỉ, chuẩn bị áo mũ. Lúc vào nhà sảnh, trông lầu đã điểm canh tư. Trên nhà sảnh

---

(1) Diên xuôi: Ba mươi năm lưu lạc giang hồ  
 Ngẫu nhiên văng chiếu vào Tràng An (đan phượng: ngày xưa chiếu của nhà vua bỏ vào cái bao hình con phượng sơn son).  
 Ở chỗ trung châu là nơi văn vật y quan.  
 Lầu, quán, đình, đài chạy đến gần xa.  
 Mình ở sơn dã nên đã nhiễm thành cái tính thô suất.  
 Nay mình châu hầu thấy then với vị trên ở Ngọc đường (ngọc đường: nơi quyền quý).  
 Những nơi lúc còn trẻ mình đi chơi,  
 Ngày nay trở lại phần nửa đã khác xưa.



quân sĩ qua lại như chợ. Tôi đứng đợi hồi lâu, hỏi người canh. Anh ta nói:

- Cự lớn trong nhà trong, tôi không dám vào bẩm.

Tôi hỏi người giữ cửa, anh ta nói:

- Cự có phải là cự Lãn Ông làm thuốc ở Hương Sơn đấy không?

- Vâng. Tại sao bác biết tôi?

- Tôi thường nghe cự lớn nói, lại nghe thánh chỉ triệu cự vào Kinh nên biết... Xin cự hãy đợi một lát. Khi nào cự lớn vào châu đi qua đây, cự cứ ra yết kiến thì rất tiện.

Tôi nghe lời, ngồi đợi một lát. Quả thấy quan chánh đường ra. Mọi người chạy rạt ra, nín thở. Giữa sân có một cái kiệu, những người cầm nghi trượng đứng đằng trước đằng sau, trông rất chỉnh tề. Tôi chạy đến trước sân bái yết. Trên toà có lệnh. Lính tranh nhau bảo:

- Cự lớn có truyền miễn lạy và bảo đến gần.

Quan Chánh đường cười:

- Ra đi ngày nào? Lên Kinh hôm nào thế?

Tôi kể hết đầu đuôi. Quan Chánh đường quay lại bảo thăm một viên quan trẻ tuổi mấy câu, rồi lên xe vào triều.

Tôi đang ngơ ngác, thì viên quan trẻ tuổi mời tôi vào tư thất. Bấy giờ tôi mới biết đây là cậu cả, tuổi trên dưới 20, người rất đẹp trai. Quân hầu mời tôi cùng ngồi một chiếu, tôi hai ba lần từ chối. Ông vẫn không nghe. Chủ, khách ngồi xong, Quân hầu hỏi trước:

- Tôi nghe nói cự học rộng, tài cao, mấy lâu ở ẩn trong chốn núi non, lấy chén rượu tiếng đàn làm vui, lòng chỉ lo nghĩ đến việc cứu người. Thấy tôi vẫn thường

khen: trong y đạo ngày nay không ai hơn cụ. Tôi mấy lâu mong ước, nay được gặp thật là may mắn vô cùng.

Tôi tự tạ, nói:

- Tôi là một kẻ quê mùa đại dốt ở nơi sơn dã, dám đâu so sánh với đời! Quận hầu quá khen như vậy, tôi thật lấy làm sợ.

Quân hầu bảo một tên lính đến quan Trung kiên, sai quân lính dọn dẹp, quét tước, bày giường trải chiếu rồi về báo tin ngay. Anh ta đi một lát trở lại bẩm:

- Mọi việc đã xong.

Quân hầu nói:

- Ở trong dinh ồn ào bất tiện. Nhà chú tôi tuy không rộng rãi nhưng được cái yên tĩnh, thích thú. Hiện nay chú tôi có việc quan đi trấn Sơn Tây, cái dinh để trống. Mời cụ qua đây nghỉ.

Nói xong, đứng dậy mời tôi cùng đi. Qua nhà trong đi bộ vài chục bước vào một cái cửa nhỏ, thấy nhà ngoài, nhà giữa, phòng ăn, phòng ngủ rất chỉnh tề. Quận hầu mời tôi vào nhà giữa, cùng ngồi nói chuyện. Lúc đầu, tôi tưởng ông ta là hạng vương tôn, công tử, sinh trưởng nơi phú quý, quen cái thói phồn hoa. Nhưng khi thấy ông ta học vấn sâu rộng, hiểu mọi lẽ phải chăng, biết việc xưa nay, nhân tình, thế thái chẳng khác một người đã trải việc đời, đã thế, lại khiêm tốn, không có vẻ kiêu căng tự phụ, nên tôi lại càng kính phục. Trời gần tối, Quận hầu cáo từ ra về. Tôi bảo những người tùy tùng cất dọn hành lý và cho những người lính ở trấn trở về Nghê An.

## VÀO TRINH PHỦ

Mồng 1 tháng 2. Sáng tinh mơ, tôi nghe tiếng gõ cửa rất gấp. Tôi chạy ra mở cửa. Thì ra là một người đầy tớ quan Chánh đường vừa nói vừa thở hổn hển:

- Có thánh chỉ triệu cụ vào! Quan truyền mệnh hiện đang ở nhà cụ lớn con, con vâng lệnh chạy đến đây báo tin. Lính ở dinh đã đem cổng đến đón cụ ở ngoài cửa. Xin cụ vào chầu ngay.

Tôi bèn sửa sang áo mũ chỉnh tề, lên cổng vào phủ. Tên đầy tớ chạy đằng trước biết đường. Cổng chạy như ngựa lồng, tôi bị xóc một mẻ, khổ không nói hết. Chúng tôi đi cửa sau vào phủ. Người truyền mệnh dẫn tôi qua mấy lần cửa nữa, theo đường bên trái mà đi. Tôi ngẩng đầu lên: đầu đầu cũng là cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoang mùi hương. Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp. Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi. Vệ sĩ canh giữ cửa cung, ai muốn ra vào phải có thẻ.

Tôi nghĩ bụng: mình vốn con quan, sinh trưởng ở chốn phồn hoa, chỗ nào trong cấm thành mình cũng đã từng biết. Chỉ có những việc ở trong phủ chúa là mình chỉ mới nghe nói thôi. Bước chân đến đây mới hay cái cảnh giàu sang của vua chúa thực khác hẳn người thường! Bèn ngâm một bài thơ để ghi nhớ việc này:

Kim qua vệ sĩ ừng thiên môn,  
Chính thị Nam thiên đệ nhất tôn.  
Hoạ các trùng lâu láng bích hán,  
Châu liềm ngọc hạm chiếu triền đôn.

Cung hoa mỗi tống thanh hương trăn,  
Ngự uyển thời vãn anh vũ ngòn.  
Sơn dã vị tri ca quần địa,  
Hoảng như ngự phủ nhập đào nguyên.

Dịch: *Lính nghìn cửa vách đóng nghiêm nhất,  
Cả trời Nam sang nhất là đây!  
Lầu từng gác vẽ tung mây,  
Rèm châu, hiên ngọc, bóng mai ánh vào.  
Hoa cung thoảng ngạt ngào đưa tới,  
Vườn ngự nghe vệt nói đòi phen:  
Quê mùa, cung cấm chưa quen,  
Khác gì ngự phủ đào nguyên thuở nào* <sup>(1)</sup>

Đi được vài trăm bước, qua mấy lần cửa mới đến cái điểm “hậu mã quân túc trực”. Điểm làm bên một cái hồ, có những cái cây lạ lùng và những hòn đá kỳ lạ. Trong điểm, cột và bao lơn lượn vòng, kiểu cách thật là xinh đẹp. Chánh đường mỗi khi ở triều ra thì nghỉ ở đây. Thấy tôi, ông bảo quan truyền chỉ:

- Chiều qua tôi đã tâu lên thánh thượng cho phép cុ vào để hầu mạch Đông cung thế tử.

Ông cùng vào với quan truyền chỉ, bảo tôi đi theo cùng mấy người tiểu hoàng môn (hoạn quan). Đi bộ đến

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi: Lính vệ sĩ cấm gác giữ cung điện (thiên môn: nghĩa đen là nghìn cửa. Hán Vũ đế xây dựng cung Kiến-chương “thiên môn, vạn hộ” nghìn cửa nhỏ, vạn cửa lớn. Vì vậy cung điện về sau gọi là thiên môn).

Chính là nơi tôn quý nhất ở trời Nam.

Gác vẽ, lầu từng tầng thẳng lên trời xanh.

Rèm châu, bao lơn ngọc, ánh sáng mai chiếu vào.

Hoa trong cung mỗi lần đưa trên gió thơm vào ngào ngạt,

Vườn ngự uyển thỉnh thoảng nghe vệt nói.

Mình quê mùa chưa được biết nơi đàn hát,

Kinh ngạc như người phưởng chài lạc vào chốn đào nguyên.

một cái cửa lớn, thị vệ, quân sĩ thấy tôi ăn mặc có vẻ lạ lùng, muốn giữ lại. Quan truyền chỉ nói:

- Có thánh chỉ triệu.

Họ bèn để cho đi. Qua dãy hành lang phía tây, đến một cái nhà lớn thật là cao và rộng hai bên là hai cái kiệu để vua chúa đi. Đồ nghi trượng đều sơn son thiếp vàng. Ở giữa đặt một cái sập thiếp vàng. Trên sập mắc một cái võng điều đỏ. Trước sập và hai bên bày bàn ghế, những đồ đạc nhân gian chưa từng thấy. Tôi chỉ dám liếc mắt nhìn rồi lại cúi đầu đi. Lại qua một cửa nữa, đến một cái lầu cao và rộng. Ở đây cột đều sơn son thiếp vàng. Tôi hỏi nhỏ quan truyền chỉ, ông ta nói:

- Ta vừa đi qua nhà “Đại đường”, nhà ấy gọi là “Quyển bổng”, cái gác này gọi là “gác tía”. Vì Thế tử “dùng trà” ở đây, cho nên gọi nó là phòng chè. (Sở là ở đây kiêng danh từ “thuốc” nên gọi thuốc là “chè”).

Bấy giờ trong “phòng chè” có 7, 8 người, thấy quan Chánh đường đến, tất cả đều đứng dậy. Quan Chánh đường ngồi ghế trên. Mọi người ngồi theo thứ tự. Quan Chánh đường bảo tôi ngồi vào giữa. Lúc đầu tôi không hiểu, sau mới biết đó là các vị lương y của sáu cung hai viện được dự vào việc hầu trà ngày đêm châu chực ở đây. Thấy tôi, họ đều nhìn nhau. Có người cúi xuống hỏi nhỏ. Quan Chánh đường cười:

- Ông này là con cụ Liêu Xá ở Đường Hào vào cư ngụ trong Hương Sơn làm thuốc hay có tiếng, nay vâng thánh chỉ vào Kinh.

Bấy giờ có một người chít khăn lượt tàu, cười và bảo tôi:

- Cụ có biết tôi không?

- Tôi là kẻ ở nơi quê mùa, làm sao biết được các vị ở nơi Triều đình đông đúc như thế này?

- Tôi là người An Việt, huyện La Sơn, ở nhà tôi vẫn nghe tiếng cộ như sấm động bên tai nhưng chưa hề được gặp.

Bấy giờ tôi mới biết ông ta làm giáo quan ở An Việt, tên là Chúc, được ông Nguyễn Kiêm người Tiên điền làm Thư trấn đề cử làm thầy thuốc châu chực ở đây. Sau đó, lại được làm thuốc ở bộ binh, giữ chức Tham đồng. Tôi nói:

- Chỗ ở của tôi không xa chỗ ở của ngài bao nhiêu. Tôi mấy lần muốn đến thăm nhưng phiền một nỗi là không có dịp.

Đang dở câu chuyện thì quan truyền mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh đường. Quan Chánh đường đứng dậy bảo tôi:

- Ta hãy vào ăn cơm sáng một lát đã.

Tôi theo ông, đi theo con đường cũ trở về điểm "Hậu mã". Ông nói:

- Thánh thượng đang ngự ở đấy, xung quanh có phi tần châu trực, nên chưa thể yết kiến. Ta hãy tạm ra ngoài.

Ông san mâm cơm cho tôi ăn. Mâm vàng chén bạc, đồ ăn toàn là của ngon vật lạ, tôi bấy giờ mới biết cái phong vị của bậc đại gia. Ăn xong thấy một viên quan hầu cận chạy lại mời quan Chánh đường vào và bảo tôi đi theo. Đột nhiên thấy ông ta mở một chỗ trong màn gấm rồi bước vào ở trong tối om, không thấy có cửa ngõ gì cả. Đi qua độ 5, 6 lần trưởng gấm khác như vậy, đến một cái phòng rộng ở giữa phòng có một cái sập thiếp vàng. Một người ngồi trên sập độ 5, 6 tuổi mặc áo

lụa đỏ. Có mấy người đứng hầu hai bên. Giữa phòng là một cây nến to cắm trên một cái giá bằng đồng. Bên sập đặt một cái ghế rồng sơn son thiếp vàng, trên ghế bày nệm gấm. Một cái màn lá che ngang sân. Ở trong có mấy người cung nhân đang đứng xúm xít. Đèn sập chiếu sáng, làm nổi màu mặt phấn và màu áo đỏ. Xung quanh lấp lánh, hương hoa ngào ngạt. Xem chừng Thánh thượng thường vẫn ngồi trên ghế rồng này, nay người rút lui vào màn để tôi xem mạch Đông cung cho thật kỹ.

Tôi nín thở đứng chờ ở xa. Quan Chánh đường truyền mệnh cho tôi lay bốn lay. Thế tử cười:

- Ông này lại khéo!

Quan Chánh đường lại truyền mệnh.

- Cụ già yếu, cho phép cụ ngồi hầu mạch.

Tôi khúm núm đến trước sập xem mạch. Xem xong, nghe trong màn có tiếng nói nhỏ:

- Cho ông ta xem cả thân hình nữa!

Một viên quan nội thân đứng châu đến bên sập xin phép Thế tử. Thế tử đứng dậy, cởi áo, đứng bên giường cho tôi xem. Tôi xem kỹ tất cả lưng, bụng và chân tay một lượt. Quan Chánh đường lại truyền lệnh bảo tôi lay tạ rồi đi ra. Tôi đứng dậy lay bốn lay. Thấy quan Chánh đường bảo một tiểu hoàng môn đưa tôi ra “phòng chè” ngồi. Một lát sau, ông đến hỏi:

- Cụ xem mạch như thế nào? Nên dùng thứ thuốc gì, thì cụ cứ viết một tờ trình lên.

Rồi ông lại tiếp:

- Bệnh đã nửa năm nay. Trước kia thì gầy lắm nay đã hơi có da, có thịt, bản chất yếu, bệnh đã lâu mà không bỏ được, vì dùng đương dược thì nóng mà dùng

âm được thì trệ. Có khi phải dùng những vị phát tán mới xong!

Ông bảo quan Tả viện đem những đơn thuốc đang dùng đến cho tôi xem. Nguyên khi ông đề cử tôi và nói mấy câu này là cũng có ý muốn tôi biết chừng. Ông cũng có biết thuốc, tuy kiến thức về thuốc chưa sâu, nhưng hễ bàn đến thuốc là cứ muốn dùng thứ thuốc công phạt. Ông thường nói: có bệnh thì trước hết là phải đuổi bệnh. Khi đã đuổi cái tà đi rồi hãy bổ, thì mới là cái phép đúng đắn nhất. Nhưng theo tôi, đó là vì thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi. Và lại, bệnh mắc đã lâu, tinh khí khô hết, da mặt khô, rốn lõm to, gân thời xanh, tay chân gầy gò. Đó là vì nguyên khí đã hao mòn, thương tổn quá mức. Nếu chỉ lo dùng thứ thuốc công phạt khắc tước mà không biết rằng nguyên khí càng hao mòn dần thì chỉ làm cho người thêm yếu. Bệnh thế này thì không bổ thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được nữa. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hoà hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ: cha ông mình suốt đời chịu ơn của nước, ta phải dốc hết cả cái lòng thành, để nối tiếp cái lòng chung của ông cha mình mới được. Nghĩ đi nghĩ lại một hồi, tôi mới nói:

- Tôi thấy thánh thể gầy, mạch lại tế, sắc. Thế là âm, dương đều bị tổn hại, nay phải dùng thuốc thật bổ để bồi dưỡng tỳ và thận, cốt giữ cái căn bản tiên thiên và làm nguồn gốc cho cái hậu thiên. Chính khí ở trong mà thắng thì bệnh ở ngoài sẽ tự nó tiêu dần, không trị bệnh mà bệnh sẽ mất.



Ông tỏ ý kiến nói đi nói lại mấy lần, nhưng tôi vẫn giải thích mãi. Ông nói:

- Cụ đã có chủ ý như thế thì cứ viết ra thành phương thuốc để dâng lên.

Tôi vâng lệnh viết tờ khai rằng:

Châu mạch, thấy 6 mạch tế sắc và vô lực hữu quan yếu, hữu xích lại càng yếu hơn. Ấy là tỳ âm hư, vị hoả quá thịnh, không giữ được khí dương, nên âm hoả đi tràn. Vì vậy, bên ngoài thấy cổ trướng, đó là tượng trưng ngoài thì phù, bên trong thì trống. Nên bổ tỳ thổ thì yên. Nay phỏng dùng: bạch truật (một lượng), thực địa (ba đồng), can khương (hai đồng), ngũ vị (một đồng). Sắc cho đặc, mỗi lần uống một muống hoà với nước sâm sắc đặc. Uống khi lưng bụng.

Tiểu thần Lê Hữu Trác phụng kê.

Tôi viết xong đưa lên. Ông nhìn kĩ một hồi, xem có ý ngại các thầy lang ngồi đấy cũng muốn xem. Ông không cho, rút giấy vào túi áo, cười:

- Phương thuốc và lập luận của cụ khác chúng ta nhiều. Ông bảo một nội thần mang tờ giấy vào. Một lát sau, ông đứng dậy bảo tôi đi theo, trở về điểm “hậu mã” uống trà một lát, ông nói với tôi:

- Cụ đi xa xôi vất vả, giờ hãy tạm nghỉ. Có bà con bạn bè mời mọc cũng không được đi đâu. Để chờ thánh chỉ xem như thế nào.

Tôi từ già, lên cang về dinh Trung Kiên. Trong vòng 10 ngày, bạn bè trong Kinh đều đến thăm hỏi, thương tình như thế.

## NHỚ QUÊ NHÀ

Từ hôm ấy, quan Chánh đường cứ phải châu chực trong phủ, không có lúc nào rảnh mà về nhà. Tôi cũng không biết đơn thuốc tôi dâng lên kết quả ra sao. Quận hầu đều đến chỗ tôi trọ, nói chuyện chơi suốt ngày, có khi đến khuya mới về nhà, tình nghĩa rất là thâm thiết.

Một hôm, có người sai nhân của Chánh đường đến nhà trọ tôi truyền mệnh:

- Có thánh chỉ triệu mời cụ vào châu ngay!

Tôi liền đến dinh quận hầu với bốn người lính khiêng cáng đến trạm “hậu mã” ngồi đợi. Một giờ qua, vẫn không thấy tin tức gì. Một lát, thấy một tiểu hoàng môn là người nhà quan Chánh đường ở trong cung đi ra, tay cầm nến. Anh ta vào bếp dọn cơm chiều và ăn cùng tôi. Anh ta nói:

- Cụ lớn bảo cụ hãy vào nhà trọ ngày mai sẽ vào châu. Và ghé miệng vào tai tôi nói khẽ:

- Con xin mừng cụ! Thánh thượng đã chuẩn ban cho cụ hai mươi suất tùy hành quân, bổng lộc thì như quan “hộ phiên câu kê”<sup>(1)</sup>. Ngày mai cụ sẽ nghe truyền mệnh. Tôi thấy thế thở dài:

- Tôi được đề cử là lý làm sao!

Ăn xong, anh ta lấy một cái thẻ di đêm trong cung cấm, thẻ dài 5 thước, hai đầu bịt bạc, khắc 2 chữ “nội sai”. Anh ta dẫn tôi ra cổng phủ.

Cả đêm, tôi cứ boăn khoăn, không sao chợp mắt. Trong lòng tự nghĩ: được đề cử như thế này thì người ta

---

(1) Một chức quan lớn đời Hậu Lê

không tha thứ mình đâu. Đã chịu mệnh thì sau này muốn từ chối cũng không được nữa. Chỉ bằng ta cáo ốm không vào.

Sáng mai, tôi bảo tiểu đồng mang thư đến, xin Quận hầu cho người vào trong phủ, thưa lại với quan Chánh đường: đêm qua tôi thấy cảm hàn, đầu đau, mình nóng không thể vào chầu.

Một lát sau, Quận hầu đến hỏi thăm sức khỏe.

Quận hầu nói:

- Việc này đã đưa vào phủ. Tôi đã thưa với thầy tôi. Xin cụ đừng ngại, cứ giữ mình cho khỏi bệnh để vào chầu. Thế nào cũng được khen thưởng đặc biệt.

- Tại sao lại biết?

- Hôm qua có việc quan, tôi vào trong phủ. Thấy tôi nói: đơn thuốc cụ dâng lên bị các ông viện y bàn ra tán vào nên vẫn chưa dùng. Nhưng thánh thượng xem thì khen: hiểu sâu y lý và đã chuẩn y ban tứ.

Tôi thấy thế, lo lắng hiện ra nét mặt. Ông vốn biết tôi có ý muốn về nhà, cười mà rằng:

- Cụ là bậc đại tài, không muốn đem cái thân thiên lý mã để chở xe muối, cho nên không vui chứ gì?

Tôi đứng dậy đến trước mặt quan lạy. Quận hầu vội vàng đứng dậy, nói:

- Từ khi cụ lên Kinh đến nay, tôi được sớm hôm hầu tiếp cũng được tiến bộ rất nhiều. Có việc gì thì cụ cứ nói thực. Tôi xin hết lòng giúp.

- Tôi từ nhỏ vốn có cái chí cao cả nhưng không gặp thời, nên về nương nấu chón sơn cùng thủy tận, mong được nhân hạ. Năm nay, tôi đã 60: tai điếc, mắt hoa, đám đầu cầu mong tiến thủ. Vả lại tôi là người lắm bệnh, nên mới phải học thuốc. Không ngờ cụ lớn lại

bỗng chốc đề bạt tôi như thế! Nếu Quận hầu thật tình thương tôi thì xin giúp tôi, làm sao cho tôi, nếu chưa được về ngay nơi núi cũ, thì cũng được thoát khỏi vòng danh lợi. Nếu thế thì thực là may cho tôi lắm.

Quận hầu cười:

- Bệnh nhiệt của cụ thực không có thuốc nào chữa được. Trừ phi trong uống chén nước Hương Sơn, bên ngoài thoa đám mây Hương Sơn thì sẽ khỏi ngay!

Tôi cười:

- Quả thực Quận hầu đã uống nước ao Thượng tri<sup>(1)</sup>, nên thấy tất cả mọi gan ruột của người ta chăng?

Nói xong, cả hai đều cười rồi từ biệt.

Hôm sau, Quận hầu sai người đem đến cho tôi một bức thư nói: đã trình với cụ lớn rồi, nhưng cụ chỉ cười mà không nói gì. Lại bí mật báo cho tôi biết: hãy cứ nằm yên dưỡng bệnh, không được thư từ, đi lại với ai cả. Tôi cũng trả lời: xin vâng.

Vài hôm sau, thấy Quận hầu đến, nét mặt tươi cười hơn hờ. Tôi biết chắc thế nào công việc cũng xong. Quận hầu nói:

- Tôi đã mấy lần thưa với thầy tôi, nhưng thầy tôi có vẻ ngần ngại. Sau đó, tôi phải thực tình van nài giúp cụ. Thầy tôi nói: "Ta không ngờ ông ta lại vô tâm đối với công danh như thế. Ta đã trót trình bày cái học thuật của ông ta rồi, bây giờ muốn nói ngược lại cũng không được. Chỉ còn một cách cáo già xin về nhà thôi. Ta vào châu, còn mày thì đến báo với ông ta ngày mai phải đến phủ".

---

<sup>(1)</sup> Xưa Trung - quốc có vị y thánh Biển Thuộc uống nước ao Thượng - tri, nên soi thấy tạng phủ người ta.

Tôi nghe nói mừng rỡ vô cùng, cười và bảo Quận hầu:

- Chắc bây giờ cụ lớn cũng hiểu thấu tình tôi.

- Tôi xem cách nói năng của thầy tôi thì biết thế nào cụ cũng được về, giữ trọn lời thề với hạc cũ, vượt xưa. Xin cụ đừng ngại.

- Nhờ Quận hầu giúp đỡ cho, chắc thế nào công việc cũng xong.

- Nói chuyện một lát, Quận hầu từ biệt.

Sáng hôm sau, tôi đến phủ đợi mệnh. Không thấy quan Chánh đường ở đấy. Hỏi bọn lính canh, họ nói:

- Thánh thượng đang ở Đông cung, cụ lớn đang châu ở đấy.

Tôi nhờ một người lính dẫn đường, qua cửa bên phải rồi đi. Quanh co hơn một dặm, đầu đầu cũng là lầu, đài, đình, gác, cửa ngọc, rèm châu, long lanh chiếu xuống đáy nước, cao vút tận trời xanh. Hai bên đường toàn là hoa thơm cỏ lạ, những loài thú lạ, những con chim đẹp bay, nhảy, hót vang, từ dưới đất bằng nhô lên một ngọn núi cao; cây cỏ thụ, bóng che dâm mát. Một cái cầu sơn bắc ngang qua dòng nước uốn quanh, đá hoa làm lan can. Tôi vừa đi vừa ngắm: thực không khác gì một cảnh tiên.

Đến cửa Đông cung, tôi gặp quan Chánh đường đi ra. Ông bảo tôi về nhà. Pha trà, uống nước xong, ông nói:

- Cụ ở chốn lâm tuyền, xưa nay đã quen thanh thoi vui thú. Từ ngày lên Kinh vào châu đến này, ngày đêm chạy vạy chắc là mệt nhọc lắm nhỉ!

Tôi đứng dậy từ tạ:

- Tôi vốn lắm bệnh; tuổi đã già, sức lại yếu, xin cụ lớn rủ lòng cứu giúp cho.

- Hôm qua, tôi đã đem ý của cụ tâu lên, xin cho cụ được ở bên ngoài châu chực. Điều đó đã được chuẩn y. Cụ cứ về nhà trọ chờ đợi, không được đi chơi đâu xa. Nếu có đi đâu cũng chỉ đi những chỗ quen biết, sợ có khi ngự triệu cụ vào một cách đột ngột.

Nói chưa dứt, đã thấy một viên nội thân đến mời quan Chánh đường vào. Tôi bèn từ giả về nhà trọ, Quận hầu đến hỏi thăm, tôi kể hết đầu đuôi một lượt. Quận hầu vui vẻ nói:

- Tục ngữ có câu: “Vào cửa công hầu sâu tựa biển”<sup>(1)</sup>. Huống nữa, thấy tôi với cụ là chỗ quen biết, việc cụ ở hay về, thấy tôi không thể tự tiện. Bây giờ làm thế nào?

- Quận hầu là núi Thái Sơn, che chở cho tôi. Biết tôi chỉ có một mình Quận hầu mà thôi, cứu tôi thì cũng có Quận hầu mà thôi. Sức người ta có thể thay được số trời, tương lai chưa đoán trước được như thế nào...

Nói chuyện một lát, hai người từ biệt nhau.

Vài ngày sau, quan Chánh đường thoái triều về, tôi vào tạ ơn. Lúc ấy có mấy ông quan, ngồi ở giữa hầu tiếp cũng có người biết tên họ gia đình tôi. Chánh đường đem việc của tôi ra kể lại. Một viên quan cười.

- Người đời lấy việc làm quan làm vui, ông lại lấy việc từ quan làm may, thật là khác người.

Người xưa có câu: “Người công hầu không ở nơi rừng núi”, ý nói cái phong lưu nơi rừng núi không kém gì phú quý của nhà công hầu.

---

<sup>(1)</sup> Ý nói: vào cửa công hầu thì không thể ra được.

Tôi nghe nói, khấp nép từ tạ:

- Tôi là kẻ học trò hèn mọn nơi thảo dã, may được cụ lớn tiến cử, khiến cho tôi phút chốc được cử trúng biết đến. Đó thực là cuộc gặp gỡ nghìn năm có một, cái may mắn ba sinh. Ngặt một nỗi, tôi lại già yếu, đi đứng khó khăn, cho nên không dám làm uống phí lộc trời, đành chịu ít phúc, hối tiếc cũng không được.

Một viên quan nói:

- Thấy cụ còn tráng kiện, khí tiết đã vững chắc như cây tùng, cây bách, không sợ gió sương, chắc là chỗ tu dưỡng của cụ có phần sở đắc, cụ tiếc cái thú thanh u, nên lánh đời đây thôi.

Một viên quan khác lại nói:

- Nếu ai cũng làm Y Doãn, Chu Công cả, thì còn ai ở ẩn để làm Sào Phủ, Hứa Do nữa.

Chánh đường cười:

- Mỗi người đều có cái chí của mình.

Một chốc, mọi người lui ra.

Bấy giờ tôi đã ở dinh quan Trung kiên hơn một tháng. Bạn bè thân thích lui tới thăm hỏi, bận bịu suốt cả ngày. Họ thường bị lính giữ cổng của quan Chánh đường giữ lại, phải có người ra nhận mặt, họ mới được vào. Tôi nghĩ bụng: ở trong dinh thì việc vào ra rất khó khăn. Mình ở đây lâu thì cơm gạo, củi nước tốn nhiều. Cả thầy lẫn trò hơn mười người, lấy đâu mà cung cấp mãi! Hôm trước, Quận hầu có hỏi mình có tất cả bao nhiêu người tùy tùng. Ý quan Chánh đường muốn cấp lương nhưng mình đã không chịu lệ thuộc vào người ta, thì mình phải

kiên quyết chối từ mới được. Bây giờ mình phải tìm một nơi trọ ở ngoài dinh để bạn bè đến chơi cho tiện. Lại phải làm thuốc để có tiền tiêu dùng hàng ngày.

Trù tính xong, tôi nói với Quận hầu:

- Tôi lưu lạc giang hồ hơn 30 năm nay. Ngày nay đột nhiên về Kinh, bạn bè bà con đến chơi bởi thăm hỏi là việc thường tình. Ngày đêm họ ra vào luôn phải tiếp đãi họ luôn. Vậy cho phép tôi ra ở trọ ở ngoài. Nhờ Quận hầu thưa lại với cụ lớn cho tôi được tự do thu xếp.

Lúc đầu, Quận hầu không cho tôi đi xa. Tôi phải xin đi xin lại, ông mới đồng ý. Tôi bảo người nhà đi tìm. Tìm được chỗ ở quận doanh đội Kính hữu. Chủ nhà tên là Biện Đồng, tuy đã có tuổi, nhưng muện màng về đường con cái. Ông ta được tin cho là lòng trời xui khiến. Bèn thân hành đến mời tôi. Tôi bảo người gồng gánh sang nhà ông ở trọ. Hai vợ chồng đón tiếp rất niềm nở, cung phụng hết sức chu đáo. Từ dinh quan Chánh đường đến đó cũng gần. Quận hầu cứ ba ngày một, hoặc năm ngày một lại đến chơi. Tình thân của tôi với ông không cần phải nói.

Tôi ở Kinh chưa được nửa tháng mà từ các quan trong kinh cho đến lính tráng, những người ngoài đường, nhiều người biết tiếng. Kẻ đến xin đơn, người nhờ bắt mạch, rất ồn ào.

Tôi nghĩ bụng lúc đầu mình cũng chỉ muốn kiếm đủ tiền thôi. Không ngờ, nay lại được nhiều gấp mấy lần. Nhưng lần này phú quý mình còn chẳng thiết nữa là cái lợi. Đã vậy, thì hơi đâu mà thù tiếp người ta, đến nỗi phải mất ăn mất ngủ như thế này! Tôi lại muốn rời đi chỗ khác, nhưng chưa tìm ra nơi nào. Bây giờ, có ông Hàm xuyên hầu làm Nội thị tả cơ. Lúc nhỏ, ông cũng có



theo đòi cử nghiệp, đã đỗ quận trường<sup>(1)</sup>. Sau đó, theo cha, dẹp giặc có công được làm quan võ. Ông vốn lắm bệnh nên hay đến tôi xin thuốc. Ông thấy tôi không chữa bệnh mà bệnh lại thôi, thì cho là kỳ quặc lắm. Mỗi khi có bệnh hiểm nghèo, ông lại đến nhờ tôi cứu chữa. Ông lại xin học thuốc với tôi. Tôi thấy ông rất thành tâm nên đồng ý.

Ông biết tôi không thích ở chỗ ồn ào, bèn lẳng lặng dọn dẹp một cái dinh cũ cạnh cái hồ của dinh ông. Ở đây có đủ nhà ngoài, nhà trong, nhà bếp và rất yên tĩnh. Sau đó, ông đến mời tôi. Tôi mừng rỡ lắm, dọn sang. Vợ chồng Biện Đông cũng không muốn để tôi đi nơi khác. Vì cái nhà tôi mới dọn đến và cái nhà sau của Biện Đông cách nhau chỉ vài trăm bước, tôi bèn bảo trở một cái cửa nhỏ để đi lại. Hàm xuyên hầu tiếp đãi rất ân cần, không nói cũng rõ.

Từ khi dọn sang ngôi nhà mới này, tôi mới được rảnh rang một chút. Một đêm, trăng sáng như ban ngày, tôi ngồi ngất ngưỡng trước lan can, trong lòng tự nghĩ: Mình lên Kinh đã vài tháng nay, muốn về làng cũng không được mà đi đâu một bước cũng không xong. Bấm đốt tay tính lại, đã ba mươi năm nay, mình tưởng đâu không sa vào cái vòng danh lợi, thế mà nay lại đến nông nổi này, chẳng khác như một người tù. Đang bản khoản suy nghĩ, đột nhiên buột miệng thở dài. Tôi sai tiểu đồng pha trà uống. Đang nằm thiu thiu, chợt thấy bên kia bờ hồ có tiếng kêu lanh lảnh, réo rắt, véo von, thanh thiết, như ve đang uống sương, khi dứt, khi nối, trong vắt như

---

<sup>(1)</sup> *Quận trường*: tú tài.

sương sa mùa thu. Tôi giật mình đứng dậy ra sân lắng nghe. Mới biết có tiếng sáo ở nhà phía tây. Lòng buồn lại lắng khôn cầm, tôi ngâm một bài thơ để kể nỗi lòng!

Ngọc địch thanh du du,  
Thanh tiêu hứng chuyển u.  
Suy lại thiên lý nguyệt,  
Tán tác mãn thành thu.  
Lạc cực thủy gia thú?  
Tình đa lữ khách sầu.  
Tiêu tiêu thiên lại phát,  
Cầm cổ xuất tiêu phu.

Dịch: Tiếng sáo ngọc vì vu dân tới,  
Giữa đêm thanh, hứng lại càng thanh.  
Mảnh trăng nghìn dặm thênh thênh,  
Thổi dòn, đưa khắp đầy thành cánh thu.  
Nhà ai đó! Xết bao vui thú,  
Khách đa tình ở ngụ thêm sầu;  
Hiu hiu gió thổi từ đâu,  
Chú tiểu nghe tiếng trống lầu ra đi<sup>(1)</sup>.

Ngâm xong, tôi đi bách bộ trước thềm đến khuya mới ngủ. Đêm nằm mơ thấy núi cũ, mãi khi mặt trời chiếu vào cửa sổ vẫn còn chưa dậy. Tiểu đồng vội vàng vào đánh thức:

---

(1) Diễn xuôi: Tiếng sáo ngọc nghe văng vẳng  
Đêm thanh, hứng càng thanh u.  
Thổi trong khi mặt trăng chiếu sáng nghìn dặm,  
Làm cho cả thành đầy những thu tứ.  
Nhà ai đó mà vui thú quá thế?  
Khách đa tình ở trọ thêm buồn.  
Bỗng đâu gió thổi hiu hiu (thiên lại: nghĩa đen sáo trời tức là gió).  
Tiếng trống lầu tàn canh, người tiểu phu ra đi.

- Quận hầu đợi ngoài cửa đã lâu.

Tôi vội vàng chạy ra mời vào phòng khách. Quận hầu nói:

- Hôm trước, cụ ở mấy gian phòng chật hẹp, cửa ở sát đường cái thật là ồn ào. Nay cụ ở đây yên tĩnh, nhàn hạ. Chắc bậc cao nhân tỉnh dưỡng ở đây cũng được vừa ý.

- Đó là nhờ chủ nhà có lòng tốt.

Hàm xuyên hầu biết Quận hầu đến cũng sang chơi. Tôi đưa bài thơ “Ban đêm nghe tiếng sáo” để hai người phê bình. Cả hai đều khen ngợi.

Quận hầu nói:

- Cái câu “Lạc cực thủy gia thú” là trong lòng có điều xúc cảm đây!

Tôi đáp:

- Phải đấy.

Hàm xuyên hầu nói:

- Có “thái” thì có “bĩ”, khi nào thịnh lắm thì cũng suy nhiều. Cho nên thánh nhân có câu “tổn doanh ích khiêm” là như thế.

Nói chuyện suông một lát, mọi người về nhà.

Sáng hôm sau, mấy người dịch mục của Quận hầu đem năm người lính mạnh khỏe đến, khăn áo chỉnh tề. Tôi thấy thế, tưởng có việc phải đi xa. Người dịch mục bảo:

- Quan tôi thấy cụ đến ở nơi này vắng vẻ. Ở đây có rất nhiều tay đào tường khoét vách, quan tôi sợ có việc gì xảy ra nên đã bắt với cụ lớn. Cụ lớn sai lấy năm người lính tiền quân ở trong dinh ra đây, ban ngày thì phục dịch, ban đêm thì canh giữ.

Tôi thở dài mà rằng:

- Thân của tôi đã được cự lớn chiếu cố nhiều quá, tôi xin ghi lòng tạc dạ. Nhờ anh nói lại với cự lớn rằng tôi xin từ tạ.

Anh ta vẫn không chịu, cứ để bọn lính đóng ở nhà ngoài. Trước đây, mỗi khi đi đâu tôi lại mượn lính của Quận hầu. Các quan đến xin thuốc cũng cho lính đến hầu, tới cả độ 7, 8 người. Thị nội - Tả quân cho hai người, trung kính quân cho một người, Hậu dũng quân cho một người v. v... Phần lớn đều nhác nhớn, hay trốn việc, chỉ có người này là biết sợ pháp luật, sai việc gì cũng được vừa ý, tôi thấy thế là đủ, bèn gửi lời từ tạ các quan và cho những người lính khác về. Tôi chỉ giữ lại một người của Tiền ninh quân, một người của Trung kính quân, và năm người của Tiền dũng quân, phát lương cho họ và cho họ làm việc ở dưới bếp.

Bấy giờ ở Kinh đô, nhiều người nghe tiếng tôi, đến chơi. Họ bảo nhau nên biết tôi là người được quan đại thần đề cử, thánh chỉ triệu mời. Họ cho tôi là: "một bậc kỳ tài" ẩn ở núi non, còn cái nghề làm thuốc của tôi thì chẳng qua là chút nghề mọn không đáng kể. Vì vậy con các quan, các bậc nho học ngày nào cũng kéo nhau đến hỏi thăm, nói hết chuyện cổ, kim bàn lễ thấp cao trong y đạo. Thật là; trà không cạn chén, khách khứa đầy giường. Những hôm này tôi rất bận rộn, phải lo thù tiếp luôn.

Một hôm, có bốn người đến. Một người tên là Bạt Trục, người An Toàn, làm Hình quan; một người tên Hằng, người Nộn liễu, Giám sinh; một người tên là Dự; một người tên là Vụ, cả hai anh em là người Đông lý, làm Huấn đạo. Bốn người này cùng mấy vị dật sĩ nữa,

một người quê ở Sơn Tây, Giám sinh hiệu là Thanh Hồ, một người thuộc thị xã Sơn Nam hiệu là Thuý Anh. Tất cả đều mang rượu và thức nhắm đến nhà trọ tôi cùng tôi đánh chén.

Họ hỏi tôi:

- Chúng tôi nghe nói cụ không những tinh thâm về cái học “tính” và “mệnh”, mà thơ lại có cái thi tứ của Lý Bạch, Đỗ Phủ. Chắc là cụ có nhiều bài. Xin cụ đừng tiếc lời vàng ngọc cho bọn hậu bối. chúng tôi xem với, không biết có được không?

Tôi đáp:

- “Thơ là để nói lên cái chí của mình”. Chí của con người như thế nào, thì thơ cũng như thế. Tôi có làm được đôi bài nhưng chẳng qua chỉ là lời lẽ quê mùa, đâu dám múa đũa qua mắt thợ để mua lấy tiếng cười!

- Cụ không nên khiêm tốn quá! Cùng ý hợp tâm đầu, cần gì phải khách sáo.

Tôi bèn lấy bài “Cảm hoài ở dọc đường khi phụng chỉ lên Kinh” đưa cho họ xem. Viên hình quan nói:

- Thơ này đậm mà có vị, hoà mà kiêu, không nói quý mà nói phú, thực là ý ở ngoài lời văn. Nghe ra hàm súc vô cùng.

Mấy người kia nói:

- Toàn khí vị khói mây, thực quả là một vị ẩn giả. Đến chiều tiệc tan, tất cả đều về. Hôm sau, họ đều cho người nhà đem thơ đến. Tôi giở ra xem thì đều là lối thơ thù tạc...

Lược bỏ mấy bài thơ hoạ chỉ giữ một bài. Bài thơ của quan Thiêm binh hoạ lại:

Hạnh làm, quất tình dương thiên chân,

Đáo để phương tri đạo vị bản,  
 Nhĩ mục bất cô huyền tạo dự,  
 Phát phu đi hạ tế quan thân.  
 Diệt thường nùng đam chỉ gian sắc,  
 Tiền thị Hy Hoàng di thượng nhân!  
 Thặng hỷ phong vân tao tế hội,  
 Cao, Quý vi tá, Thuấn vi quân.

Dịch: Rừng trồng hạnh, giếng chăm trồng quít,  
 Đạo chưa nghèo mới biết là đây;  
 Thông minh nào phụ cao đầy,  
 Tướng môn chính thực xưa nay con dòng.  
 Mùi thế vị, nhạt nồng ném trái,  
 Cối Hy Hoàng xưa hãy còn đây;  
 Mừng nay gặp hội gió mây,  
 Giúp vua Ngu Thuấn, sân đầy Quý, Cao<sup>(1)</sup>

Một hôm, Thị nội tả quan đi châu về đến nhà tôi nói chuyện ông nói:

- Cụ nức tiếng ở Kinh đô, không những người đến xin đơn thuốc, kẻ đến chữa bệnh mà cả đến hạng

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi: Rừng hạnh, giếng quít di dương tính trời (Rừng hạnh: Đồng phụng có thân phương chữa bệnh, bệnh nhân khỏi rồi, bệnh nặng trồng năm cây hạnh, bệnh nhẹ trồng một cây, về sau thành rừng hạnh). Giếng quít: Tô tiên sắp lên tiên nói với mẹ: sang năm sẽ có bệnh dịch, nên bảo người ta hái một ít lá quít với một bát nước múc ở giếng là khỏi. Sau quả thế. Rừng hạnh giếng quít là điển cố chỉ thấy thuốc).

Đến đó mới hay đạo chưa là nghèo  
 Không phụ ơn trời đất đã phú cho tai mắt thông minh  
 Quả thật là di thể của quan tế tướng xưa  
 Mùi đời mạn lạt đã từng lán lượt ném rồi  
 Quả là người thời Phục Hy trở về trước (Đào Tiềm ở ẩn đời Tấn tự gọi mình là người đời trước vua Phục Hy)  
 Mừng nay gặp hội gió mây  
 Cụ cũng như Cao Dao và Hậu Quý là những tôi hiền ngày xưa đã giúp vua Thuấn.

con cái các quan có danh tiếng, không ai là không quý mến cái phong thái cao thượng của cụ. Nhiều người muốn yết kiến. Hôm nọ, trong dinh Tiền hùng tả quan, người ta nói thơ của cụ xem ai cũng phải khen là hay. Tôi tuy là quan võ, không có học nhưng biết lạy làm thích, nên cũng xin hoạ một bài để mua vui.

Phú dữ nguyên lai đặc tính chân,  
Đạo sung vì phú bất vì bán.  
Huyền hoàng tiết ngao thư song nhân,  
Thương xích an nguy hệ nhất thân.  
Chỉ vị luân âm vinh dã sắc,  
Nan tương lãnh nhân khán thời nhân.  
Hành tàng dụng xả tu như thử,  
Đáo để phương tri ngã diệc quân.

Dịch: *Thật thà bẩm tính từ lâu,  
Giàu vì đức đạo, cụ đâu có nghèo,  
Kiến khốn cấp mắt ngêu ngao,  
Một mình, tính mạng đồng bào cậy trông.  
Thôn quê, vắng chiếu bề rồng,  
Với đời lơ lảo cảm lòng sao đang?  
Cho hay “dụng xả hàng tàng”<sup>(1)</sup>,  
Hai ta rốt cục một phường như nhau<sup>(2)</sup>.*

---

<sup>(1)</sup> Dụng xả: hành tàng. Dùng chữ “Luận ngữ”: dùng thì ra làm, nếu không dùng thì ở ẩn.

(2) Diễn xuôi:  
*Vốn được tính chân thật tự trời cho,  
Đạo đức đầy đủ, ấy là giàu, cụ nào có nghèo dẫu.  
Hai con mắt ngênh ngang giữa trời đất,  
Tính mạng nhân dân quan hệ ở mình cụ.  
Chỉ vì chiếu vua làm cho đóng nội được vẻ vang,  
Lẽ nào lơ lảo dối với người đời?  
Dùng thì làm, bỏ thì ở ẩn vốn như thế cả,  
Rốt cục mới hay tôi cũng như cụ.*

Tôi đọc đi đọc lại bài thơ và nói:

- Không ngờ Quận hầu thơ hay như thế này! Từ nay, tôi học thêm được một cái phép làm thơ.

Đang nói chuyện, thì thấy Hùng tả quân đẩy cửa vào, cười và nói:

- Hai vị ngâm nga thực là cao hứng! Tôi cũng có một bài xin mua vui. Bèn lấy trong ống tay áo ra một bài thơ. Hàm xuyên hầu cầm lấy xem trước.

Nguyên Hùng tả quân là con nuôi Ngô hoàng giáp người Lai Thạch, làm Thư trấn ở Lạng Sơn vừa mới qua đời. Khi tôi còn ở Hoan Châu, ông có thư từ qua lại với tôi mấy lần, nhưng chưa bao giờ gặp nhau. Ông đã đi thi, được đỗ giám sinh trường Quốc tử giám. Sau có việc tâu lên được vừa ý, nên đặc ban cho chức Hùng tả quân. Lúc tôi lên Kinh, tôi đã có đến tìm nhưng ông đó việc quan phải đi, đến nay ông mới lại. Hàm xuyên hầu xem thơ xong, khen nức nở. Tôi cầm bài thơ xem, thấy lời dẫn và bài thơ thì giật mình:

- Ông thấy bài thơ của tôi ở đâu?

Hùng tả quân cười:

- Tiếng tăm của tôn thúc lừng lẫy cả trong triều ngoài nội, tré con ở Kinh đô còn thuộc bài thơ ấy nữa là tôi.

Vì tôi với cụ Hoàng Giáp là chỗ quen biết nên ông gọi tôi là “tôn thúc”, tôi cười:

- Quận hầu nói thế làm tôi đâm thẹn.

Tôi nghĩ bụng: ông này có tiếng hay thơ, cho nên lời lẽ thanh tao, mới mẻ, thật là có phong vị bài thơ.

Sau khi câu chuyện đã vãn, ấm trà đã cạn, lò hương đã nguội, khách đều ra về... Tôi chép lại bài thơ.

Bài thơ của Hùng tả quân họa:



Lời dẫn: từ khi cách biệt chân trời góc biển, hơn hai mươi năm nay trong lòng mong nhớ không lúc nào khuây, nhưng đường xá cách trở không sao được gặp, xin theo nguyên văn họa lại.

Tự thiếu thân giao ý khí chân,  
Niên lai đồng bệnh hựu đồng bản.  
U hoài chỉ giải thâu nhân xứ,  
Hoạ bính ninh chi ngộ thử thân.  
Tường nhận lâm huy công thị phượng,  
Thừa hiên thiết lộc ngà như nhân.  
Hà duyên trùng đỉnh Hương Sơn hội,  
Thần tịch tương tương chúc thánh quân.

Dịch: Tuổi xanh ý khí thân giao,  
Hai ta vừa bệnh vừa nghèo bấy nay.  
Tìm nhân được ẩn là may,  
Hư danh khéo để thân này dở dang,  
Lượn cao, cụ tượng phượng hoàng,  
Tôi như chim hạc kiếm lương theo người.  
Hương Sơn ước kết hội chơi,  
Cùng nhau chúc thánh, hôm mai một niềm<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Diên Xuôi: Từ lúc trẻ, thân giao ý khí chân thật,  
Mấy lâu nay cả hai đều nghèo nàn bệnh hoạn như nhau.  
Lòng ra ở ẩn chỉ biết tìm nhân,  
Biết đâu hư danh như bánh vẽ (không thể ăn được) làm  
cho thân này mang lụy.

Cụ như chim phượng hoàng lượn trên nghìn tầng xem có  
nơi nào dức sáng thì xuống đỗ (đời xưa ví người quân tử như chim phượng  
hoàng lượn trên nghìn tầng trông có mình quân dức sáng thì mới xuống đỗ).

Tôi như con hạc đi xe kiếm lương ăn như mọi người (Vệ Ý  
công đời, Xuân thu thích hạc, cho hạc đi xe, ăn lương).

Duyên gì được kết hội Hương - sơn (Bạch Cư Dị đời Đường  
khi về hưu, nhóm họp được chín vị lão thành làm hội ở Hương Sơn làm thơ  
uống rượu. Vị Lâm Ông huyện Hương Sơn mà Hùng Tá Quân cũng là người  
Hoan Châu nên dùng điển này). Sớm hôm cùng nhau chúc thọ thánh quân

Một hôm, có người ở quê nhà hiện làm huấn đạo ở Hà hoa. Nhân tiện, tôi nhờ ông đem về hộ một phong thư và ít món quà ở Kinh thành. Ông nói:

- Tôi là một chức quan nhỏ, tháng ngày lặn dạn, lúc về tiền nong hết nhẵn cả.

Ông hỏi vay tôi, tôi cho vay vài chục quan tiền. Ông mừng rỡ cảm ơn khôn xiết.

Đêm hôm ấy, tôi ngồi một mình buồn bã. Lòng lại nhớ đến vầng trăng sáng ở quê nhà nên tôi ngồi ở cửa sổ mà vẫn boăn khoăn, không sao nguôi trong tác dạ. Đêm đã khuya. Tôi mỗi một nằm ở phía trong cửa sổ nhưng vẫn không sao ngủ được. Nghe tiếng chim bay, đột nhiên tôi tỉnh dậy thì ngọn đèn tàn vẫn còn tro trên vách. Tôi bảo tiểu đồng cầm đèn lại. Tôi lên dây rồi gảy đàn một hồi lâu. Thấy tiếng đàn lạnh lẽo, tôi lại dừng lại. Sai tiểu đồng pha trà uống, nhưng uống được vài chén lại cảm thấy nhạt thếch.

Tôi ra trước sân đi bách bộ, ngâm gượng hai bài thơ để tự an ủi.

Tĩnh hậu vị qui khứ,  
Giai tiền, nguyệt hựu sinh.  
Bình hồ khởi thu sắc,  
Độc điệu tác ly thanh.  
Mỗi đắc du sơn mộng,  
Y nhiên tại đế thành.  
Nhược ngu nguyên thả trí,  
Hà ngã lộng hư danh!

Dịch: *Tĩnh giác dậy đi về chưa toại,  
Trước thềm nhà trăng lại mọc ngay;  
Hồ bằng thu sắc rạng đầy,  
Một chìm réo rắt tiếng bay lià đàn.  
Chơi núi cũng mơ màng nằm thấy,*

Nơi để thành mình hãy còn đây!  
Kìa ai khôn giả làm ngây,  
Hư danh quấy mãi thân này làm chi.<sup>(1)</sup>

Dạ toạ thiên sấm tịch,  
Vân biên thánh nhận qua.  
Hổ minh thâm đặc nguyệt,  
Thụ cổ cường khai hoa.  
Trà hiết, thi hoài thiếu,  
Cầm dư khách tứ đa.  
Lân kê minh thất độ,  
Tinh đầu mãn quan hà.

Dịch: Đêm ngồi vắng vẻ xiết bao!  
Xa nghe tiếng nhận bay vào bên mây.  
Hổ quang gương tỏ rạng đầy.  
Cây xưa nay cũng có ngày trở hoa.  
Hết trà, thơ nghĩ không ra.  
Buông đàn nỗi khách lại là chứa chan!  
Gà ai bên xóm gáy cần,  
Quan hà trông vẫn đầy tràn bóng sao.<sup>(2)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi: Sau khi tỉnh, chưa được về,  
Trước thềm nhà mặt trăng lại mọc.  
Mặt hồ phẳng sắc thu hiện lên,  
Một con chim lẻ loi kêu tiếng lìa đàn.  
Thường năm thấy chiêm bao chơi nơi núi cũ,  
Nhưng người vẫn còn ở Kinh đô  
Những người xem như ngu nhưng thực ra là khôn,  
Sao ta lại bị cái hư danh quấy rối?

<sup>(2)</sup> Diễn xuôi: Đêm ngồi một mình vắng vẻ,  
Nghe tiếng nhận qua bên mây.  
Hổ sáng bóng trăng chiếu đầy,  
Cây già miễn cưỡng ra hoa.  
Trà hết, thi tứ cũng ít,  
Buông đàn, lòng khách man mác.  
Gà bên xóm gáy mất chừng,  
Sao đây quan hà.

Một hôm, đã đến canh hai, tôi vừa đi nghỉ thì lính hầu vào báo:

- Ngoài cửa có hai đèn lồng đưa một cái vông rất sang đến đây, không biết có vị quan nào.

Tôi vội vàng đứng dậy đợi. Thì ra Quận hầu. Tôi giật mình mời ngồi, hỏi:

- Đêm hôm như thế, Quận hầu đến chơi có việc gì?

- Thấy tôi cho tôi đến hỏi cụ một vị thuốc. Ban ngày có mười người dâng lên một đơn thuốc ở trong có vị “thần thảo”<sup>(1)</sup>. Thấy tôi không biết khí vị nó như thế nào nên đã cho tra khắp các sách bản thảo mà vẫn không thấy. Vì vậy, thấy tôi cho tôi đến để hỏi cụ biết cách về bào chế.

Tôi bèn lấy giấy bút viết cặn kẽ rồi đưa cho Quận hầu. Quận hầu cầm giấy, không kịp uống nước, cáo từ ra về. Tôi nghĩ bụng: “từ khi mình lên Kinh đến nay, lần nào vào yết kiến quan Chánh đường thì ông ấy cũng lấy lễ đối đãi với mình. Hỏi một vị thuốc là việc nhỏ, thế mà ông ta bắt con đối đãi với mình một cách kính trọng như thế. Xem thế đủ thấy không biết đến bao giờ mình mới được về!

Tôi bèn đưa hai bài thơ tôi mới làm cho Quận hầu xem để Quận hầu biết nỗi lòng của người lữ khách nhớ quê hương, may ra Quận hầu có nói hộ giúp tôi được chăng. Nguyên từ khi tôi được phép ra ở nhà trọ để chờ mệnh, thì tôi thường nhờ Quận hầu nói với quan

---

<sup>(1)</sup>Thần thảo: tức là nhân sâm vì kiêng húy Trịnh Sâm, nên phải gọi là Thần thảo

Chánh đường giúp. Quận hầu cũng cố hết sức tìm mọi cách để giúp mà không được.

Quận hầu đem những bài thơ của tôi trình quan Chánh đường và cố xin một lần nữa. Quan Chánh đường cầm thơ xem đi xem lại rồi chỉ mỉm cười.

Bấy giờ đến tháng năm. Nhà tôi có giỗ thầy tôi. Tôi xin phép về làng, nhưng vẫn không được bởi vì lúc này tuy đơn thuốc của tôi không được dùng, nhưng khi thế tử dùng đơn thuốc nào cũng giao cho tôi xem xét. Độ này, bệnh thế tử lại nặng thêm, tôi không thể rời khỏi nhà trọ để đi đâu cả. Tôi đành phải sấm sửa hương đèn, làm lễ cúng ở nhà trọ.

Một hôm, Có một bà chúa mắc bệnh lậu thai. Người chồng là phò mã cung, con Quán quận công, là người cùng huyện. Bà cho người mời tôi vào lại kể tình cảm xóm giềng. Tôi xem mạch. Bà có ý muốn giữ tôi lại vài ngày để chữa. Tôi nói:

- Quan Chánh đường có ra lệnh cho tôi không được rời nhà trọ để chờ thánh chỉ triệu vào. Tôi nói vậy nên bà cũng đành chịu, không nói sao được. Quận chúa bèn ngầm sai một thị tỳ vào phủ xin phép cho tôi ở lại chữa bệnh cho bà. Ngự phán: “người này già yếu không dùng được”. Chúa bèn sai ông Tán làm Hữu viện thủ phiên đến chữa. Phò mã đem việc này nói thực với tôi. Tôi nghe vậy biết rằng quan Chánh đường đã đem lời mình tâu lên rồi; nhưng vì ông ta vốn lắm bệnh, không muốn thả mình ra nên mượn việc công để giữ mình lại đó thôi. Tôi liền đến nhà Quận hầu, kể lại đầu đuôi câu chuyện, Quận hầu nói:

- Thấy tôi vốn lấy lòng thành đối đãi với mọi người, chứ không có gì khác. Thấy tôi quý mến cụ hết

sức, cho nên không nở rời đây thôi. Nay cụ đã không có bụng ở lại, lẽ nào thấy tôi chẳng nghe? Những bài thơ cụ làm hôm nọ, thấy tôi tuy ngoài miệng không nói ra, nhưng trong bụng vẫn có ý tiếc. Việc cụ về nhà nhất định là xong. Tôi mừng rỡ nói:

- Người xưa ngâm thơ kinh động đến quỷ thần. Thơ của tôi ngày nay cũng làm cho bậc vương hầu cảm động. Thì ra thơ có ích thực chứ không phải chơi.

Tôi bèn đem bài thơ “Nhà trọ đêm mưa cảm hoài” tôi cùng làm với ông bạn Viên hình quan và bài “Thấy trăng nhớ nhà” đọc cho Quận hầu nghe. Cả hai ngâm nga, bộc lộ cái chí của mình. Giờ đây tôi như say như dại, Quận hầu có biết mà thương đến cho chăng?

### NHÀ TRỌ ĐÊM MƯA CẢM HOÀI

Cuồng phong sâu vũ hốt nhiên sinh,  
Khách xá tiêu tiêu vạn lữ tình.  
Viễn thụ hàm yên vân ngoại ám,  
Bình hồ suy lãng thủy trung minh.  
Qui sào mộ diều phản quán khứ,  
Hà xứ sơ chung báo hiệu minh.  
Bất vị khổ trà năng khước thuy,  
Ứng tri thử dạ mộng nan thành.

Dịch: Mưa xa gió tấp thành linh,  
 Đều hiu quán trọ mối tình ngổn ngang.  
 Cây xa, mây khói mơ màng,  
 Hồ bằng, mặt nước sáng choang sông rôi.  
 Chim chiều về tổ loi thôi,  
 Chuông mai vắng vắng mấy hồi nghe xa.  
 Đừng rằng: không ngủ vì trà!  
 Cái đêm như vậy khó mà ngủ ngon<sup>(1)</sup>.

### THAY TRĂNG NHỚ NHÀ

Nhận đặc Hương Sơn nhất phiến nguyệt,  
 Như hà dạ dạ chiếu thần kinh?  
 Ý lâu ca quán thiên hồi tụy,  
 Cạn thủy đình đài vạn sát sinh.  
 Dân giác thanh thêm diên thượng khúc,  
 Ưng tri đạm bức lữ trung tình.  
 “Đi chân đường” thượng kim tiêu hội,

- (1) Diễn xuôi: Gió bỗng chốc thổi mạnh, mưa rơi ào ào,  
 Nhà trọ đều hiu, mối tình man mác.  
 Cây xa, khói lóng ngoài mây trông mờ mờ,  
 Hồ phẳng, sóng gợn mặt nước sáng.  
 Chim buổi chiều về tổ, lìa bạn đi,  
 Tiếng chuông thưa ở nơi nào báo buổi sáng.  
 Đừng nói rằng trà đắng làm cho không ngủ được,  
 Nên biết rằng cái đêm như vậy ngủ không yên giấc được.
- (2) Diễn xuôi: Nhận ra một mảnh trăng Hương Sơn (tức huyện Hương Sơn quê  
 ngụ của Lân Ông).

Tại sao đêm nào nó cũng chiếu ở Kinh đô?  
 Ca hát, đàn sáo, nương lâu say một nghìn lần,  
 Các đình đài gần bên nước sinh ra muôn vẻ  
 Chỉ biết mặt trăng thanh thời đàn hát ở trên tiệc thêm thú  
 Nên biết mặt trăng nhạt làm cho người khách lữ thứ tình thêm thốn thứt.  
 Trên nhà Đi chân đêm nay hội khách,  
 Đừng gảy đàn cảm làm tiếng ai oán

**Mạc cổ giao cầm tác oán thanh.**

Dịch: Ấy mảnh nguyệt Hương Sơn đó thật,  
Sao đêm đêm soi đất thần kinh?  
Nương lấu đàn hát rập rình,  
Muôn vàn màu sắc, dài đình gần sông.  
Ca trên tiệc, trắng trong càng dướm,  
Tình khách xa trong đậm càng gây.  
"Di chân đường" hội đêm nay,  
Khúc cầm ai oán ngừng ngay mới là <sup>(2)</sup>!

- Quận hầu hỏi:

- Nhà "Di chân đường" ở đâu?

- Đó là một cái nhà của tôi. Ở đây cây cối um tùm rất mát mẻ, nhàn hạ. Khi nào trăng sáng, tôi họp con cháu ở đây, uống rượu, chơi đàn.

Quận hầu cười:

- Người xưa có kể nhớ đến rau nhút, cá vược nên bỏ quan về nhà. Nay cái thú thanh nhàn vui sướng của cụ còn gấp rau nhút, cá vược đến mấy mươi lần.

Thảo nào cụ cứ nằng nặc đòi về! Lại nói:

- Cụ nên viết tình hai bài thơ này, cho tiểu đồng đem đến cho tôi. Khi nào tiện tôi sẽ trình lên, tôi bèn từ giã về nhà trọ, vội vàng lấy bút viết, rồi đưa cho tiểu đồng đưa đến cho Quận hầu.

Tôi có người anh làm Thự trấn Lạng Sơn, người em con chú làm Đốc đồng ở Lạng Sơn. Hai người đều hẹn với tôi là sẽ gặp nhau ở quê nhà nhưng đã lâu không được gặp mặt. Cả hai đều phải về nhà sửa lại nhà thờ, nên chưa lên Kinh. Hôm ấy cả hai đều lên Kinh tìm tôi. Lại có anh em con cháu cũng lên chầu. Anh tôi thấy trên bàn có mấy tập thơ, nên cùng ông Đốc đồng xem. Xem một hồi lâu, anh tôi nói:



- Thực là một cuộc gặp gỡ vui thú! Lẽ nào chúng mình lại không có câu gì sao?

Những người cháu họ của tôi cũng đều xin hoạ nguyên vận. Mọi người về nhà trọ. Vài hôm sau, họ đóng thành tập đưa cho tôi. Tôi cầm xem sung sướng vô cùng... (Lược mấy bài thơ hoạ).

Người vợ Quận hầu có bệnh mời tôi lên xem mạch. Tôi đoán là có mang con trai đã 3 tháng. Tôi bốc vài chén thì yên. Từ đó cả nhà quan Chánh đường ai cũng xin thuốc của tôi. Trong số này có người làm Thư trấn Quảng Yên. Ông ta với tôi là chỗ rất thân tình. Mẹ và con gái ông có bệnh, tôi hết sức cứu chữa nên đều khỏi. Các quan như Tiền ninh, Hậu dũng, Nhượng trung đều có đi lại chơi bởi xin thuốc men, xong đó là chuyện thường không kể ở đây.

Một hôm tôi hỏi Quận hầu:

- Bao giờ tôi về được?

- Sắp có cơ hội rồi đấy!

- Tôi đã đệ trình hai bài thơ ấy lên rồi, không biết cụ lớn có thương cho không?

- Thấy tôi xem đi xem lại hai ba lần cứ khen mãi nói: lòng sở thích của cụ thực không phụ với lời thề ước cũ ở chốn núi rừng. Cũng không nên ép người ta nữa. Rồi ta sẽ liệu.

Tôi nghe cậu ấy như người bắt được của bán, nở mày nở mặt. Bèn cùng uống trà với Quận hầu.

Bỗng thấy có một người áo mũ chỉnh tề, đứng bên cạnh tôi, mắt cứ nhìn tôi chòng chọc. Quận hầu cả cười lấy tay vỗ vào anh ta, rồi lại lấy tay chỉ vào tôi, rồi lại lấy tay đặt lên trán. Anh ta cũng lấy tay chỉ vào tôi rồi đặt lên trán, hai tay đập phành phạch như con chim

vừa bay vừa kêu, hai chân nhảy nhót như ngựa. Tôi giạt mình hỏi:

- Tại sao người này chẳng khác gì người ngây!

- Anh ta câm. Sấm đánh không nghe, chữ nhất cũng không biết, không biết nói một tiếng nào, mà cũng không biết viết một chữ nào. Không hiểu có triệu mệnh gì mà anh ta lại đến đây.

- Anh ta hoa tay như thế nghĩa là thế nào?

- Anh ta chỉ tay lên trán là nói vua, chỉ vào miệng là nói triệu, tay hoa lên là nói đến, chân tay nhảy tót là đi đấy.

Tôi nghe vậy cười vang.

Bấy giờ có tri huyện Cẩm Giàng cũng ngồi ở đấy. Quận hầu bảo ông ta cùng làm với tôi một bài thơ để ghi chuyện này. Tôi nhân lúc cao hứng, không cần nghĩ ngợi, làm ngay một bài thơ:

Tạo vật dữ nhân phú dĩ tuyên (toàn).

Như hà thử bối đắc kỳ thiên?

Khả đồng Dự Nhượng trung quán nhật,

Hà dị Hàn hầu dân thọ niên.

Vạn lý lời đình tâm tự nhược,

Bách ban thế sự ý nhưng thiên.

Thử sinh nhất mục vô dư sự,

Thử chỉ di truyền bí chỉ tuyên.

Dịch: Tạo vật sinh người cho đầy đủ,

Sao mà lũ mây lại bất cụ.

Cũng như Dự Nhượng lúc trung quán,

Nào khác Hàn hầu khi lên thọ.

Sấm sét muôn dặm, trong bụng nhân,

Cối đời trăm sự, ngoài tay bỏ.

Cả đời chỉ cần liếc mắt xem,

*Trở tay, nhếch mép, bí mật lộ<sup>(1)</sup>.*

Tri huyện Cẩm Giàng nói:

- Tài làm thơ của cụ thật là nhanh, không mấy ai sánh kịp. Tôi không dám múa đũa qua mắt thợ.

Quận hầu cũng im lặng. Mọi người đều khen ngợi.

Một lát tiểu đồng vào nói nhỏ:

- Có một ông gọi là quan Tri phủ, cùng hơn mười người tùy tùng đến nhà trọ đợi cụ đã lâu.

Tôi bèn từ biệt về nhà.

Lúc mới nhìn, tôi chưa nhận ra là ai. Sau mới biết là người quen biết từ lâu. Tôi mời vào cùng ngồi kể chuyện tâm sự. Ông nói:

- Tôi có một chứng bệnh mắc đã lâu, muốn nhờ cụ cho thuốc. Tôi hỏi tường tận, bốc cho mấy thang và nói:

- Bệnh này còn dở chứng, uống thử ít chén xem thế nào, sau sẽ điều bổ. Nói chuyện, cười nói mãi đến chiều mới về. Nguyên ông ta là cậu của nhà tôi. Người Nguyễn Xá huyện Hoài an, làm tri phủ Tiên hưng. Tôi với ông ta là bạn kính yêu nhau từ thuở còn nhỏ. Mấy hôm sau, ông cho người nhà đem một bài thơ đến và bảo:

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi: Tạo hoá cho con người đầy đủ tất cả, tại sao lũ này lại bị tàn tật?

Cũng như Dư Nhượng khi chung với chúa (Dư nhượng ngậm than già làm càm mưu giết Triệu Tương Tử để trả thù cho chú là Trí bá)

Nào khác Hàn hầu khi lên thọ (Hàn hầu: điểm chưa rõ)

Muốn dạm sấm sét, trong bụng vẫn tự nhiên,

Trăm sự trên đời, ý vẫn bình tĩnh.

Suốt đời chỉ cần lấy con mắt xem,

Trở tay, nhếch mép đủ tỏ những điều bí mật

- Uống được mấy chén thì mười phần đã bớt được đến tám, chín nhưng còn chưa ăn được. Xin cho thuốc để bổ.

- Tôi bèn kê cho đơn làm cao hoàn và phép sao chế.

Một hôm, có hai người lính đến phòng ngoài của nhà tôi ở trọ, hỏi những người lính hầu:

- Các bác có biết có “cụ lang” người Nghệ, phụng chỉ lên Kinh, nay trọ ở đâu không? Tôi nghe vậy, gọi đến hỏi:

- Các anh ở đâu đến?

- Chúng tôi lính Cẩm y vệ, vâng lệnh quan lớn chúng tôi hỏi thăm “cụ lang Nghệ”, không biết cụ ở đâu?

Tôi cười:

- Ông lang ấy là tôi đây. Nhưng không biết quan lớn về đây đã bao lâu?

- Đã được năm hôm nay

- Nhờ các ông về bẩm lại với quan lớn rằng “ông lang” mời quan lớn đến chơi ngay.

Họ vâng dạ ra về. Ông quan này chính là bạn chí thân của tôi từ khi còn nhỏ. Đến nay xa cách, đã ba mươi năm, chưa gặp mặt. Lúc tôi lên Kinh, tôi đã cho người đến tìm hỏi nhưng ông có việc quan phải đi nơi khác chưa về. Nay ông về Kinh, nghe tin tôi nên cho người đi hỏi khắp.

Mấy người lính đi được một lát. Tôi ra cửa đón, dắt vào nhà. Ông hơn tôi một tuổi, tuy tóc đã bạc mất một nửa, răng đã rụng hết, nhưng tinh thần vẫn tráng kiện. Chúng tôi tâm sự, hàn huyên, mừng mừng tủi tủi, tình cảm chứa chan không kể xiết. Hỏi đến những việc

ngày xưa thì mười phần đã thay đổi đến tám, chín. Người xưa có câu:

“ Anh hùng bất lệ ly biệt gian, nại ư tử sinh hà”?

(Anh hùng khi biệt ly không rơi nước mắt nhưng đến chỗ tử sinh thì như thế nào?)

Cả hai đều sùi sụt, thực là buồn bã vô cùng! Tôi đem những bài thơ vịnh ở dọc đường và những bài thơ bạn bè hoạ lại đọc cho ông nghe để giải buồn.

Đêm ấy, hai chúng tôi ngồi bên ngọn đèn tàn, uống mấy chén trà, bàn chuyện xưa nay mãi đến gà gáy sáng mới được nhắm mắt. Sáng sớm ông dậy nói:

Tôi làm Quan quân ở vệ nên có lệ phải vào châu.

- Bèn từ biệt ra đi. Đến chiều ông cho đem thức nhắm đến và một phong thơ. Mở ra, đó là bài hoạ bài lên Kinh của tôi.

Từ đó, có khi ông đến nhà tôi chơi, có khi tôi đến đình ông ta. Hai bên người nhà đi lại, thường biếu nhau đồ ăn thức nhắm.

## LÀM THUỐC VÀ LÀM THƠ

Một hôm, từ sáng sớm đã thấy Tri huyện Cẩm Giàng cùng mấy người tùy tùng đến nhà tôi trọ nói:

- Có vị khiêm công, người Hoan Châu, làm quan Hiến sứ ở Kinh Bắc, nhân về Kinh nghe tiếng cụ, muốn đến hầu cụ ở đây. Nhưng sợ quấy cụ ở nơi nhà trọ, cho nên tôi đưa tùy tùng đến để đưa cụ về nhà chơi. Lại có một bài thơ xin đệ trình cụ.

Bài thơ như sau:

Lương y đối lương tướng,  
Dung dị khởi tu lai.

Dĩ chúc có cựu thỉnh,  
 Thử ý khởi tương xai?  
 Giang sơn hữu "Chuyết ông",  
 Sài phi bất hư khai.  
 Hải thượng hữu Lân ông,  
 Hạc giá dữ loan hài.  
 Lân lai diệc Chuyết thỉnh,  
 Âm trắc đô an bài.

Dịch: Lương y sánh lương tướng,  
 Đầu dăm khinh dễ mời!  
 Đã nhờ người giới thiệu,  
 Chừng cụ đã rõ rồi.  
 Giang sơn có "Chuyết ông"<sup>(1)</sup>  
 Cửa chống vẫn thường cài.  
 Hải thượng có "Lân ông",  
 Cùng loan hạc đùa chơi.  
 "Chuyết" mời, "Lân" sẽ đến,  
 Tiên định hẳn không sai<sup>(1)</sup>  
 Ông Cẩm Giàng lại nói:  
 - Quan tôi có nói: xin cụ nghĩ tình đồng quận đến  
 chơi, chứ đừng ngại.

(1) Giang sơn Chuyết ông: hiệu ông Huy Khiêm(?)

(1) Diễn xuôi: Địa vị của người lương y cũng ngang với người lương tướng,  
 Đầu dăm mời một cách dễ dàng  
 Đã nhờ một người giới thiệu mời,  
 Ý này chừng cụ đã rõ cho.  
 Giang sơn có ông "Chuyết ông",  
 Cửa chống thường không mở cho khách tầm thường vào.  
 Hải thượng có "Lân ông",  
 Vui chơi với loan, hạc  
 Lân tới vì Chuyết mời,  
 Tiên định đã xếp đặt sẵn.

- Quan lớn đã là người đồng quận, chỗ ở của tôi cũng không xa gì nhưng chưa có dịp yết kiến. Nay quan lớn đã hạ cố, tôi xin vâng. Tôi bèn cùng đi với Tri huyện Cẩm Giàng. Đến cửa, đã thấy ông chấp tay ở sân đón tiếp. Tôi vội vàng xuống cáng, cúi mình đi vào. Ông ta ngồi ghế chủ, tôi và ông Cẩm Giàng ngồi ghế khách ở hai bên. Ông nói:

- Tôi có một cái bệnh từ lâu, chữa khắp các thầy vẫn không khỏi. Tuy tôi với cụ là chỗ đồng quận, xưa nay tôi vẫn nghe tiếng cụ, nhưng không được may mắn gặp cụ. May sao ý trời run rủi, tôi được gặp cụ ở đây. Chẳng phải tất cả mọi việc cho đến cả việc ăn, việc uống, cũng là do tiền định cả đó sao!

- Tôi là kẻ quê mùa dốt nát ở chốn núi non, chẳng qua biết chút ít nghề mọn, đâu dám nhận những lời khen quá đáng như vậy?

Một lát sau, dưới bếp bưng cơm lên. Tiểu đồng pha trà uống. Uống trà xong, tôi xem mạch. Tôi thấy mạch của ông sao bộ như tơ, hai bộ xích như không có, trong lòng kinh sợ, nghĩ: đáng tiếc! Ông này khó lòng sống lâu! Tôi bèn căn cứ theo mạch mà đoán bệnh. Cũng may, tôi nói đúng hết. Ông thở dài, than:

- Thực là danh bất hư truyền! Tiếc thay, gặp nhau quá muộn. Ông hỏi xin đơn. Tôi nói:

- Viết đơn, thì phải suy nghĩ cho chín mới được. Bây giờ đang vội. Sáng mai tôi xin đưa.

Ông Cẩm Giàng nói:

- Hôm trước, tôi đến lấy thuốc, cụ cũng xem mạch hai, ba lần rồi mới bốc. Làm cẩn thận như thế không trách mà thuốc hay!

Bỗng có Hoàng giáp Đỗ lâm Nam Sơn cai đạo đến. Mọi người đứng dậy chào và mời ngồi. Hoàng giáp Đỗ hỏi:

- Vị này là ai?

Quan Hiến sứ nói:

- Hương Sơn ẩn giả là cụ này đây!

Hoàng giáp Đỗ nói:

- Tôi vẫn nghe danh cụ nhưng chưa được gặp, tôi bị một chứng nguy hiểm, muốn cho người đến mời cụ, nhưng sợ cụ không chịu đi xa. Nay may mắn được gặp cụ ở đây. Xin cụ kê cho một bài thuốc để điều bổ:

- Thấy thuốc thì phải lo đến tính mạng người ta. Sự khó nhọc trong việc làm là cái không thể nào từ chối được. Dám đâu nói chuyện trẻ nài.

Ông Cẩm Giàng cũng nói:

Ông cụ thân sinh tôi lâu nay mắc một chứng bệnh, nhưng tôi không dám quấy cụ. Nay nhà tôi ở liền bên trái đây nếu cụ hạ cố sang chơi thì may mắn quá.

Mọi người đều cáo từ ra về. Tôi sang nhà ông Cẩm Giàng. Cha ông làm Tả bình quan sĩ doan, bấy giờ đã về hưu, còn ở lại trong Kinh thành. Tôi xem mạch xong, những người con mời tôi ra chơi nhà thủy tạ bên bờ hồ để uống trà, chuyện tán. Trông ra, hồ rộng ước nghìn mẫu. Những con chim đang nô rồn trên nước. Cá đang tung tăng dớp những lá rụng dưới nước. Lòng hồ sóng gió rau bợ nổi lên, bên bãi hoa nở suốt ngày đêm. Trước hồ đắp con đê hình bán nguyệt. Trong đê trồng độc một thứ sen trắng. Bên đê cổ thụ um tùm, danh hoa đua thắm. Trước sân nhà thủy tạ, mấy cây mai già nghiêng mình trên nghế đá. Ngoài cửa sổ, mấy hàng trúc xanh, bóng rợp cả vào án sách, con đã hạc đứng một



mình. Trăm hoa như đang to nhỏ cùng nhau thì thắm. Càng ngắm càng xinh, nói không sao hết cái thú thanh u nhàn hạ ở đây. Các công tử đến mời tôi làm thơ. Tôi nói:

- Các ông xuống lên trước, tôi xin họa sau.

Không ai chịu làm trước. Tôi bèn cầm bút đề một bài thơ.

Lão tướng sùng lương cảnh,  
Đình đài hương thủy biêu.  
Song minh đa đặc nguyệt,  
Thu lão thượng khai liên.  
Diệp lạc du ngư được,  
Danh trà yên khách ẩm.  
Đàm tiêu xuất hương yên.

Dịch: *Tướng công cảnh mát thích tình,  
Kê ngay bên nước, dựng đình đài chơi.  
Song thưa, trăng dọi sáng ngời,  
Thu già, sen vẫn hoa tươi khoe màu.  
Lá rơi, lá nhảy lao sao,  
Lùm hoa, hạc nội ghé vào ngủ say.  
Trà ngon mời khách chén đầy,  
Nói cười thoảng có hương bay ít nhiều<sup>(1)</sup>.*

Bản y. họ Lê hiệu Hải Thượng Lân Ông đề

Đề xong, vị hữu quan cho người lấy vào. Cụ xem xong nói?<sup>(1)</sup>

- Thật là thanh lịch, mới mẻ, đầy hứng thú.

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi: Vị lão tướng ưa cảnh mát,

Làm đình đài ở bên nước.

Cửa sổ sáng, được bóng trăng soi nhiều.

Mùa thu già, hoa sen còn nở.

Cá bơi nhảy nơi lá rụng,

Chim hạc nội ngủ nơi lùm hoa.

Mời khách uống thứ trà ngon,

Nói cười thoảng hương bay.

Rồi sai dán ở vách nhà thủy tạ.

Ông Cẩm Giàng cũng họa một bài và viết mấy lời dẫn:

Tiên sinh là bậc cao tuổi, đức dày, có cái tài làm thuốc của Hiên Viên, Kỳ Bá, có cái tài làm thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ. Lại có cái trí nhân vật, cái tình phong nhã của bậc cao sĩ. Bao nhiêu văn nhân tài tử muốn xin theo hầu. Tạng này làm quan ở một ấp xa, đến yết kiến tiên sinh quá muộn. May tiên sinh rủ lòng thương, nào tặng thơ, nào cho bài thuốc, nghĩa sâu tình nặng, ơn đức đâu dám quên. Vậy xin thuật mấy lời quê mùa để họa lại:

Chiều yêu văn hạc lữ,  
Nhân thích thủy vân biên.  
Hào khách thủy thanh nhân,  
Trường ba thưởng bạch liên.  
Kỳ phương điển tích dạng,  
Hào cú khởi cao miên,  
Nhã ấp xuân phong toạ.  
Thu sinh ngũ sắc yên,

Dịch:

Bạn bè cùng hạc mây chơi.  
Nước mây hứng thích những nơi êm dềm.  
Mát xanh, với khách tri âm,  
Ngắm hoa sen trắng giữa đầm nước trong.  
Cứu người sẵn thuốc thần thông,  
Nghe câu tuyết xướng, khó lòng ngủ say.  
Gió xuân hầu tiếp những ngày,  
Khởi lòng năm sắc, trong đây vẽ thu<sup>(1)</sup>:

Văn sinh Tăng, bái phục.

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi:

Làm bạn với mây và hạc mà chơi  
Nhân thích bên nước mây.  
Đưa mát xanh đôi với khách quý,  
Chơi sen trắng giữa dòng nước trong.  
Có thuốc hay điều trị bệnh kinh niên.  
Có câu thơ hay làm cho người ngủ say vùng đây.  
Từng được hầu tiếp nơi gió xuân.  
Mùa thu sinh mây năm sắc.

Đến chiều, tôi từ già về nhà trọ. Các công tử đưa tôi ra cổng có ý tần ngần không nỡ chia tay. Một hôm, quan Trung hùng cho người đến xin tôi một bài thơ, và nói:

- Quan tôi có một cái thuyền nhẹ, đi trên nước nhanh như ngựa chạy, nhưng hễ bước lên thì nó chòng chành như người say. Quan tôi thích cái vẻ lắc lư của nó nên đặt tên là “Tuý ông thuyền” (thuyền người say). Trước kia đã được một nhà thơ vịnh cho một bài. Nay lại xin cụ một bài nữa. Anh ta đưa bài thơ ấy cho tôi xem. Bài thơ như sau:

Nhiệm thị cử gia đảo dữ diên,  
Tuý nhi bất tuý ái ngô thuyền.  
Thị gian khảng hứa thời nhân hội,  
Thủy thượng tàng linh tục vật thiên.  
Mỗi đắc thú thời kham tái nguyệt,  
Ư cuồng ngâm nhật khả vi tiên.  
Ngang tàng tự hữu thao tri xứ,  
Hà bả phong cuồng sậu vũ niên.

Dịch: *Mặc kệ nhà ai đảo đảo điên,  
Dờ say dờ không thích thuyền tôi.  
Buổi chợ không cho người thường họp,  
Trên sông từng khiến kẻ tục đời.  
Lúc đắc thú, hay chờ nguyệt sẵn,  
Khi cuồng ngâm, khá làm tiên chơi.  
Ngang tàng dẫu vậy gìn giữ vững,  
Gió táp mưa sa cũng kệ đời<sup>(1)</sup>;*

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi: Mặc kệ ai đảo cùng điên,  
Say mà không say ta ưa cái thuyền của ta!  
Buổi chợ không cho người thường họp,  
Trên sông từng khiến tục khách đời.  
Lúc được thú có thể chờ mặt trăng,  
Khi cuồng ngâm có thể làm tiên được,  
Mặc dầu ngang tàng, nhưng vẫn có chỗ gìn giữ,  
Không sợ gì khi gió táp mưa sa.

Tôi xem xong hỏi người đó:

- Thưa cụ ông Đỗ giám sinh ở Kinh Bắc.

- Thơ này chưa nói rõ được cái ý chính của chiếc thuyền.

- Quan tôi cũng bảo nó chưa tả được cái tên của thuyền nên lạc mất chủ ý của đầu đề.

Nhưng lúc bấy giờ tôi không có hứng nên nói:

- Anh về nói với quan, hôm nào thư thả tôi xin đưa lại.

Vài hôm sau tôi làm xong, sai tiểu đồng đưa đến bài thơ như sau:

Bất vị cuồng tan tác đảo điên,  
Tuý ông ngò dĩ mệnh ngô thuyền.  
Truyền bôi phiếm dật chung nan mãn,  
Khởi vũ sa đà bộ lữ thiên.  
Trọng tài chỉ kham giang thượng nguyệt,  
Giao ngâm hà phụ tử trung tiên.  
Ngang tàng tự thị sơ thời tháo,  
Thạch trụ hồi khan tại vân niên.

Dịch      Nào bởi sóng cồn điên đảo hoài,  
Tuý ông tôi gọi cái thuyền tôi.  
Chén chưa ắp nắp đầy là khó;  
Múa dật thung thăng bước những đời.  
Trăng giữa dòng sông đành chờ nặng,  
Tiên trong tiệc rượu cứ ngâm chơi.  
Lúc đầy ra bộ ngang tàng vậy,  
Trụ thạch sau này sẽ thử coi.<sup>(1)</sup>

---

(1) Diễn xuôi: Không phải bởi sóng dữ mà nghiêng ngã hoài,  
Tuý ông tôi gọi cái thuyền tôi.  
Thuyền rượu rót đầy rồi cục cũng khó đầy được,  
Dậy múa thung thăng phải đời bước luôn.  
Chỉ có thể chờ nặng trăng trên sông trôi,  
Tiên trong tiệc rượu thu hồ ngâm.

Vài hôm sau có Đặng tiểu thư đến chơi. Thấy trên bàn có bài thơ, cô ta hỏi:

- Thơ của bậc nói rõ được chủ ý của đầu đề, thật là mới mẻ và thanh tao, phóng khoáng không ai bằng. Những cái thuyền và cái nhà đều là những đồ vật dễ người ta ở mà lại đem so sánh với sự điên đảo thì cháu sợ không tốt. Cháu xin họa một bài có được không? Tôi nói:

- Cháu thử làm xem.

Trong chớp mắt cô ta làm xong một bài thơ và đưa tôi xem<sup>(1)</sup>.

Tôi nói:

- Bài thơ của cháu thật là hay. Thật không phụ cái công dạy dỗ của thầy cháu:

Nguyên Đặng tiểu thư là con gái Hậu mã công. Lúc ông ta còn sống ông ta với Trung công chính và tôi ba người kết nghĩa với nhau làm anh em khác họ. Sau Trung công đi bình nam bị giết, Hậu mã công mắc bệnh mất ở Kinh. Khi tôi lên Kinh tôi có đến chỗ hai anh ở rót chén rượu nhạt và khóc để tỏ mối tình. Cô ta xem tôi như cha. Ngày đi ngày lại, chăm nom rất chân tình. Một hôm, Hàm xuyên hầu đến nhà tôi chơi. Trong lúc nói chuyện, tôi thấy ông ta có ý ngán ngại, hai ba lần định nói chuyện gì nhưng rồi lại thôi. Tôi kinh ngạc hỏi:

- Quận hầu với tôi càng ngày càng thân, tình nghĩa trước sau, cố sao lại có vẻ ngại ngùng như thế? Hay

---

Chỉ có lúc đầu xem ra ngang tàng vậy thôi,  
Thử xem sau này sẽ vững vàng như cột đá.

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ.

là tôi có phạm điều gì trái, mà Quận hầu không nổi nói chẳng?

- Làm gì có việc ấy! Tôi được cái may mắn giao du với cụ, thường vẫn giữ cái lễ của con em, đã có điều gì trái đạo lý, lễ nghĩa ở đâu? Chỉ hiếm một nỗi phòng này là phòng riêng của anh tôi, nhân có việc về quê nên tôi bỏ trống. Vì vậy tôi mời cụ đến tạm ở đây cho tiện đường khi nào có phải vào châu. Sau thấy cụ chắc chắn không về quê, chỉ trong một thời gian thì sẽ được ban cấp binh dân, bây giờ sẽ xin đất làm nhà. Đã hơn tháng nay, tôi cho dựng một cái nhà riêng ở khoảng đất trống gần hồ trước nhà tôi. Tôi định làm xong nhà rồi sẽ mời cụ sang đây nghỉ và mời anh tôi về ở nhà cũ. Không ngờ, tôi lại có lệnh đi giám khảo việc quân sĩ thi bắn. Công việc rất bận rộn. Không có thì giờ rảnh nên không thể nào làm xong nhà, bây giờ cái nhà ngoài của tôi cũng rộng rãi. Xin mời cụ sang đó đợi cái nhà mới bên hồ vài ngày nữa xong thì sẽ sang. Nếu không thì dinh quan An quảng cũng rất yên tĩnh, không biết ý cụ như thế nào?

Tôi cười mà rằng:

- Đại trượng phu đối đãi với nhau, có kể gì cái nhỏ nhặt ấy. Để tôi sẽ liệu. Xin ông đừng ngại.

Ông ta nghe vậy mới có vẻ mừng rỡ.

Tôi nghĩ bụng: Nhà ngoài của ông ta thì lính tráng đi qua lại rầm rập không thể ở được. Còn dinh An quảng thì có đủ nhà trong, nhà ngoài, nhưng một người mới quen là ông Hậu trạch quan, ông ta có mấy ngôi nhà ở liền nhau cạnh bờ hồ. Chỗ ấy cao ráo, nước trong. Ta phải báo tin gấp cho ông ta để ta dọn một chỗ ở và ta dọn sang đây. Tôi bèn viết một bức thư từ già Hàm

Xuyên hầu. Hàm Xuyên hầu thấy thế lấy làm áy náy vô cùng, cho người đưa lại tôi một bức thư và một bài thơ:

Bức thư nói: “Đã lâu nghe danh tiên sinh như sấm động bên tai, vẫn lấy việc không được gặp mặt làm ân hận, bỗng đâu tiên sinh hạ cố đến đây, làm cho tôi được nghe những lời dạy dỗ, thực là may lắm. Tôi vẫn mong sớm chiều được đón tiếp gió xuân, để khỏi phụ cái duyên gặp gỡ, dầu tôi còn kém tuổi cụ nhiều. Hôm nọ anh tôi đi vắng có để lại một cái nhà tranh ở đây, có thể tạm làm nơi cho phượng đậu. Tiên sinh không chê nên tôi cũng được ở với tiên sinh, tình nghĩa thật là thấm thiết. Chỉ vì nay tôi về Kinh, tôi không biết nói sao. Tiên sinh muốn dọn đi, thực không phải lòng tôi muốn thế, trong lòng cứ canh cánh không sao xa tiên sinh được. Nếu như ở An quảng trống trải không tiện, thì xin rời đến ở nhà ngoài của tôi. Đó cũng có thể là nơi trú chân. Cẩn gì phải vượt qua cái hồ sen kia khiến lòng tôi bàng hoàng như ngầy như dại, đó là tôi nói thực tình. Tiên sinh nghĩ lại một chút, trong hai nhà này tạm chọn lấy một tạm chờ ít hôm. Trong tuần nhật tôi sẽ làm xong cái nhà mới để tiên sinh nghỉ. Nói không hết, mượn lời thơ để tả nỗi lòng thành”<sup>(1)</sup>.

Tôi xem cũng động lòng, ra đi không rút. Vả chăng việc này là bất đắc dĩ, chứ không phải là do bản tâm của ông ta. Tôi bèn viết một bức thư và hoạ lại bài thơ: “Lần tôi được triệu vào Kinh, nửa gánh hành lý nay quảy nơi này mai quảy đi chỗ khác. May sao được Quận hầu lấy lòng thành đối đãi. Đã được hơn mười tuần nay,

---

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ.

gió che mưa chở đã nhiều, Lăn tôi tưởng đâu nay mai sẽ  
xong việc, lại mang đàn mang kiếm quay về núi. Ngờ  
đâu cứ bị ràng buộc mãi đến nay. Lăn này tuy cách  
nhau chỉ trong gang tấc mà tôn hầu lại hoãn hoãn khôn  
xiết, biểu lộ trong lời thơ khiến Lăn tôi càng thêm cảm  
thán. Vậy xin có một bài thơ để đáp lại:

Thâm tình cao nghị xuất thiên chân,  
Hàm kết vo đo chí dữ bán.  
Mộ cổ thần chung thời lữ mộng,  
Đồng kiều tây ngụ luy nhân thân.  
Thanh sơn cựu ước hà vô phận,  
Tứ các tiền trình khổ cáo nhân.  
Tứ hải tân bằng tuy mãn toạ,  
Tâm tri hoàn hữu kỷ như quán.

Dịch: Tình sâu nghĩa nặng chân thành,  
Để mà kết cỏ ngậm vành được nao!  
Hồn quê chuông sớm, trống chiều,  
Thân nhân trở lại bọt bèo lênh đênh.  
Nguyên xưa phụ với non xanh,  
Bước đường gác tía tỏ tình với ai?  
Bạn bè bốn bể khắp nơi,  
Tri âm dễ được mấy người như ông<sup>(1)</sup>?

Ở sát vách nhà trọ tôi là dinh quan Trạch ưu Hữu.  
Ông ta mắc chứng lạnh bụng, tôi chữa đã sắp khỏi. Bà  
vợ cũng mắc một cái cố tật đã mười năm nay, tôi chữa

(1) Diễn xuôi: Tình sâu, nghĩa cao, do lòng chân thật mà ra,  
Không thể nào kết cỏ ngậm vành, chỉ càng thấy nhạt.  
Trống chiều, chuông sớm giục giấc chiêm bao người lữ thứ,  
Ký ngụ nay đây mai đó, làm lụy cho thân nhân.  
Ước cũ với non xanh sao mà vô duyên thế!  
Bước đường đi đến chỗ giàu sang, khó mà bày tỏ với người ta,  
Bạn bè trong bốn bể tuy đầy cả chỗ ngồi,  
Nhưng ít có người biết lòng ta như ông.



sau hai tháng lành. Ông ta nghe nói tôi tìm chỗ trọ thì hỏi lại Hàm xuyên hầu rồi không nói gì cho tôi biết trước, cứ lảng lảng dọn dẹp luôn ba gian nhà giữa, nhà này mái ngói tường vôi. Ông ta sai kê giường, đặt ghế gọn gàng đầu vào đó. Trước sân cây kỳ, đá lạ, hoa cỏ tốt tươi thơm ngát. Ngoài ba gian nhà khách, một gian nhà bếp quét dọn sạch sẽ, bốn phía ngăn lại làm cửa trong, cửa ngoài để ra vào cho tiện. Ông ta thu xếp đầu vào đấy rồi cho người đến mời. Tôi cũng không hiểu sao, cứ sợ quấy nhiễu người ta, chỉ cảm ơn mà không đến ở. Hai vợ chồng nản nỉ mãi:

- Thật là cụ không nghĩ đến lòng thành thực của vợ chồng tôi. Xin cụ quá bộ qua xem.

Tôi đến. Quả thấy nhà cửa trong nhà đã chỉnh đốn rồi. Tôi nghĩ: vợ chồng người ta tốt với mình như thế mình từ chối sao nên. Bèn rời sang ở. Hàm xuyên hầu biết chuyện ấy mừng lắm cũng sang chơi. Nguyên quan Trạch Ưu là ông chú họ của Hàm Xuyên hầu. Tiên triều ban cho một khu đất công nên cả họ đều ở đấy, hai dinh liền nhau. Trạch Ưu quan lại trở một cái cửa nhỏ để Hàm xuyên hầu qua lại cho tiện. Tình ăn ở của tôi với hai người mỗi ngày một sâu sắc, sáng đào tối mặn, thật là thân thiết. Trạch Ưu quan cấm ngặt người nhà không ai được bén mảng đến chỗ tôi ở trọ đủ biết ông đối đãi với tôi kính cẩn như thế nào.

Từ khi tôi được chỗ này, tôi lấy làm vừa ý.

Một tối, trăng chiếu ngoài hiên, trông ra gió đưa cành trúc, bóng nhạt lơ thơ, sương đọng trên hoa, hương đưa thoang thoảng, thật là một cảnh đáng yêu. Tiểu đồng pha trà. Tôi ngồi tựa bao lơn uống trà một mình. Bỗng có người em rể là quan Viên hình công đến nói

mấy chuyện tâm sự. Tôi mừng quá, hai người cùng uống trà vui vẻ. Viên hình công nói:

- Đêm trăng trong gió mát đẹp dễ như thế này, có phụ gì với chúng ta! Chúng ta nở lòng nào lại phụ lại.

Tôi nói:

- Ông nói phải lắm. Tôi với ông, chúng ta cùng làm thơ chơi. Bền lấy là “Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ”, lấy vần “canh, thanh, nhanh, kinh”. Tôi xướng lên trước...<sup>(1)</sup>. Ông Viên hình họa lại...<sup>(2)</sup>. Ngâm xong, chúng tôi đem ngâm những bài thơ cổ. Rồi bình thơ mãi đến khuya. Sáng hôm sau, ông Viên hình có việc phải đi. Ông ta vừa ra thì ông giám sinh người Nộn Liêu đến chào để về Hoan Châu. Tôi nói:

- Ông với tôi đều là khách lạ ở đất Kinh đô này, ông thì vào Nam ra Bắc, mà tôi thì như con chim trong lồng, cất mình không nổi, nay kẻ về người ở, thương nhớ biết bao.

Tôi bèn ngâm một bài thơ để tặng. Ông cũng cầm giấy bút đến ngồi họa ngay...<sup>(1)</sup>. Hai chúng tôi cầm bài thơ của nhau mà xem đi xem lại ba bốn lần hết sức cảm động. Tuy trong khi nói chuyện cũng gượng làm vui, nhưng cái lòng buồn rầu chan chứa lộ ra cả bên ngoài. Uống vài chén trà xong, ông ta cáo từ.

Một hôm, ông Viên hình lại đến. Là trợ lý nói chuyện thuốc men trò chuyện một lát, rồi ông ta nói:

---

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ.

<sup>(2)</sup> Lược bài thơ.

<sup>(1),(2)</sup> Lược bài thơ.

- Hôm nọ tôi bị bệnh, không có hứng nên bài thơ hoạ làm qua quýt cho xong, xin cụ đừng cười.

- Thơ của ông liền nhau như dãy núi không chỗ nào đứt, mới mẻ như vầng trăng trên không, thực là có cái hay kín đáo của bậc thi gia, tôi còn còn nói vào đâu được.

- Xin cụ đừng quá khen. Xin cụ làm lại một bài nữa.

- Lấy gì làm đầu bài bây giờ? Tôi xin lấy cái ý của bài thơ hoạ của bác để làm đầu bài. Và tôi đọc...<sup>(2)</sup>. Ông Viên hình xem xong nói:

- Thơ cụ thực là có cái khí vị của nơi rừng suối, trong thơ thấy ngàn dặm khói mây, càng xem càng lạ.

Vừa lúc ấy thấy một nho sinh, xinh đẹp như ngọc, áo mũ dịu dàng, mang theo một người tùy tùng mang một cái quả và một bài thơ đưa cho tôi. Tôi hỏi thì nho sinh nói:

- Tôi là con quan Tri phủ Hạ Hồng người Đông ngạn, phủ Từ Sơn ở Kinh bắc. Phụ thân tôi vì có bệnh nên thôi làm quan về nhà làm thuốc. Nhân có tìm được một vài quyển "*Tâm lĩnh*" của cụ mà biết được cái nguồn gốc sâu xa của đạo lý. Phụ thân tôi vẫn mong đến tận nơi để thăm cụ nhưng chưa tiện đường. Mới đây, được tin cụ lên Kinh, phụ thân tôi lấy làm mừng lắm. Đã mấy lần định ra yết kiến, không ngờ bà nội tôi đau nặng cho nên không dám đi xa. Vì vậy, có cho tôi đem đến chút vật mọn gọi là thay mặt ra yết kiến trước, còn thấy tôi thì xin sẽ ra sau.

Tôi giật mình, nghĩ thầm: ta với ông ta thực chưa quen biết nhau bao giờ! Cách xa nhau hàng ngàn dặm,

thế thì sách của mình soạn ra đi lối nào mà đến tay ông ta được? Việc này phải chờ đợi khi nào gặp mặt sẽ hay.

Tôi giờ thơ ra xem và đưa cho ông Viên hình cùng xem. Đại khái thơ cũng nói như ý nho sinh, lại có ý mừng cho tôi tôi được gặp thời tốt và gặp được vua hiền...

Ông Viên hình xem xong chỉ cười, không nói gì.

Tôi nói:

- Thơ này ý tứ thật là cao xa, phải không ông?

Ông Viên hình biết ý nói:

- Thực là như bóng trăng lồng nước, hoa chiếu trong gương, đáng yêu làm sao!

Tôi biết ông ta chê toàn nói những lời vu vơ.

Tôi cũng cười với ông ta và nói.

- Nhờ ông trả lời hộ tôi có được không?

- Lại còn bắt tôi múa rìu qua mắt thợ để mua lấy tiếng cười sao?

Tôi bảo nho sinh hãy về nhà trọ, sáng mai đến, tôi sẽ có lời thưa lại. Nho sinh về, ông Viên hình nói.

- Tục như thế thì còn biết thơ với thần gì nữa!

- Nhân phẩm có người hay, kẻ dở, chứ có phải ai cũng như chúng mình cả đâu?

Ngày hôm sau, nho sĩ đến, tôi gửi bài thơ họa, và mấy lời khiêm tốn đáp lại

## ĐI LẠI VỚI CÁC CÔNG KHANH

Một hôm, có hai người đem nhiều lính tùy tùng đến. Hỏi ra, thì một người làm trợ giáo trường Quốc tử giám, một người trước kia làm tri phủ Tiên Hưng. Hai người nói:

- Quan Tham tụng tả binh cho chúng tôi đến mời cụ.

Tôi mời vào trong nhà khách ngồi. Hai người nói:

- Cụ lớn tôi mắc bệnh nặng, đã hơn một tháng nay, mời khắp các thầy vẫn không khỏi. Bệnh bây giờ nguy cấp lắm, xin cụ nghĩ tình bạn đồng niên mà đến thăm (ông ta là bạn đồng khoa với anh tôi làm Thự trấn Lạng Sơn). Tôi nói:

- Cụ lớn với anh tôi là chỗ đồng khoa tôi đâu dám từ chối.

Tôi liền mặc áo lên vớng đi. Đến nhà ngoài, đã thấy quan Tham nghị Hải Dương ra mời vào nhà trong cùng ngồi.

Ông kể đầu đuôi chứng bệnh cho tôi nghe. Được một lát, Ông mời tôi vào phòng ngủ. Tôi thấy ông ta nằm trên vớng. Người nhà vực xuống giường. Xem mạch thì thấy “tam bộ” bên tả rất yếu, “hữu xích” như muốn đứt, “tam bộ” bên hữu còn vượng, nhưng nhấn tay thì tán, nhấn mạnh nữa thì toàn không có mạch. Đến gần bên thì hơi nóng xông ra cả người. Sờ thì chỉ hơi âm ẩm. Hai chân lạnh. Thỉnh thoảng ợ hơi lên: Hỏi ra, thì nói rằng mình như ngồi trong đám khói đặc, mắt cay lắm cứ phải nhắm nghiền, trong ngực nhiệt uất lại nên

phải ợ hơi ra. Đại tiện táo kết. Tiểu tiện đỏ và hồng tấy, ăn không được. Cụ bảo:

- Tôi với ông là chỗ bạn bè một lứa, một nhà, số mệnh của tôi không biết sớm tối ra sao. Nếu tôi mà qua được thì cái ơn tái sinh này tôi xin khắc vào xương. Tôi từ tạ.

- Bệnh này là bệnh thường, không có gì đáng ngại. Xin cụ cứ yên lòng trong tuần nhật có thể khỏi. Cụ nghe nói mừng lắm. Tôi xin phép ra ngoài. Quan Tham nghị hỏi khê:

- Bệnh cụ lớn ra sao?

- Chân âm ở trong đã kiệt, dương không còn biết dựa vào đâu để thoát..., cũng đến ngày rồi.

Tôi hỏi xem những bài thuốc đã uống. Ông Tham nghị lấy sổ đưa cho tôi xem thấy toàn dùng những thứ thanh hoá, hoá đả và trừ thấp. Vả lại, cụ đã nhiều tuổi mà cô hầu thì nhan nhản. Người già thì cái chân âm đã hao tổn rồi. Lại thêm bệnh háo sắc nữa thì tính khí mất đi thì chân âm phải kiệt. Đã thế, lại không biết dùng thuốc để bổ mà lại cứ lo dùng thuốc tiêu thế thì không nguy sao được? Tôi nghĩ bụng: Mạch còn hoà hoãn là nhờ vị khí chưa mất, cái này quả là do thuốc gây ra chứ không phải do bệnh gây ra. Ta phải đem hết tâm lực cứu chữa thì may mới gỡ được. Tôi bèn nói với quan Tham nghị:

- Nguy lắm rồi, tôi không dám chắc, nhưng cũng xin bốc một thang. Hay dở thế nào, tôi không dám nói trước, nhưng có một điều tâm sự, cụ lớn có ưng thuận thì tôi mới dám bốc.

- Có việc gì xin cụ cứ nói. Lẽ nào cụ lớn tôi lại không nghe.

Vì tôi già yếu, không thể vào châu, nên đã nhiều lần dằng phải xin cáo về nhà mới được ra ở ngoài lo thuốc thang. Các nhà giàu có và các quan có việc đến tìm, tôi đều chối từ là già yếu. Nay cụ lớn là chỗ đồng khoa với anh tôi, tôi đâu dám từ chối. Nếu Thánh thượng ngày nào cũng cho quan đến hỏi thăm sức khỏe của cụ lớn. Nếu Thánh thượng hỏi ai chữa thì xin giấu họ tên tôi, nói tên người khác.

Quan Tham nghị vào bẩm. Cụ sai trợ giáo ra nói:

- Xin cụ cứ hết lòng điều trị. Việc ấy tôi đã liệu rồi, không phải lo ngại.

Tôi bèn bốc một “dại tể tư âm”, dùng thực địa với ban long, mỗi vị đến ba bốn lạng, dặn sắc đặc uống cho kỳ hết. Rồi tôi cáo từ ra về.

Sáng hôm sau, thấy trợ giáo đến, mặt mày hớn hớ:

- Thật là thuốc thần! Uống một nước là thấy mát ngay! Uống hai nước thì các chứng mười phần giảm đến ba bốn. Cả nhà mừng rỡ. Cụ lớn cho tôi đến xin thuốc.

Tôi cứ theo đơn ấy mà gia thêm nhân sâm. Hôm sau, cụ lại cho mời tôi đến thăm mạch lại. Hỏi ra, thì mười phần đã giảm đến bảy tám. Đến bữa cơm cụ đãi tôi rất hậu, cảm tay tôi mà rằng:

- Tôi thật vô duyên bị bọn thầy thuốc tôi làm khổ, suýt nữa gỡ không được. Chỉ giận cái bác Lạng trấn thường vẫn đến thăm mà không nói đến cụ.

- Chỗ anh em, nói ra không tiện, xin cụ miễn thứ cho.

- Khi cử người hiền, cha cử con cũng được nữa là anh cử em.

Hai người cùng cười. Tôi bèn xin ra ngoài để chế thuốc. Tôi thấy bệnh cụ hư hoả còn thịnh, nên vẫn tiếp tục dùng thang bổ hoả, dẫn hoả và gia những thứ thuốc vị khí. Cụ biểu tôi rất hậu. Từ đó, qua lại biểu xén không biết bao nhiêu mà kể.

Được độ mười ngày, các bệnh lại tái phát. Tôi nghe nói, không hiểu vì sao. Hỏi ra, thì người kia nói:

- “Ngộ phòng” chứ chẳng có gì khác!

Tôi đến thăm, dặn:

- Mắc bệnh nặng lâu ngày thì khí huyết khô kiệt. Sơ suất một chút là bệnh lại phát. Xin cụ lớn chú ý đến điều đó để giữ cái thân ngàn vàng.

- Từ nay, nhất nhất xin tuân theo y huấn, không dám sai trái.

Tôi lại bốc các vị thuốc cứu bản điều bổ. Các chứng lại đỡ. Lúc về nhà trọ có người bảo:

- Đừng mất công chữa cho ông ta! Ông ta khỏi bệnh chỉ tổ “tổn âm đức”!

Trong bốn, năm ngày, mấy người cùng nói với tôi như thế. Tôi cho đó là thói thường trong việc ân oán. Ông ta thì làm quan coi việc bổ quan. Mà họ thì không thấy cái lỗi của mình. Kể ra cũng nực cười!

Lại được nửa tháng, bệnh cụ lại phát ra như trước. Cụ lại cho người đến mời. Tôi hỏi ra, thì là vì ăn cơm nếp mà hoá ra như thế. Trợ giáo nói thăm:

- Vị tất đã vì ăn cơm nếp! Bệnh phát ra, không cho mời cụ ngay, lại cứ nghe nói ông này nào “thần y” thì uống thử một chén, ông kia nào “thuốc giỏi” lại uống thử một chén. Mới một ngày một đêm mà đã thay đổi đến bốn năm ông lang! Có lẽ là nhầm thuốc cũng nên. Xin cụ để ý điều trị cho.



Tôi chữa được một, hai ngày, bệnh tuy giảm một phần nhưng lại biến sang chứng tiết tả. Tôi sợ nó biến ra chứng khí thoát, nên phải giữ ngay lấy vị khí. Kết quả là ngăn được chứng tiết tả, nhưng lại chuyển sang chứng phiên táo. Tôi cắt bài "tư âm" để cho nhuận. Bấy giờ bệnh mới đỡ. Tôi về nhà trọ năm, sáu ngày không thấy cụ cho người ra lấy thuốc nữa. Hỏi người ngoài thì họ nói:

- Thánh thượng đã cho ngự y ra chữa. Đã mấy ngày rồi những chỗ g ăn thua gì. Nay mời tất cả thầy đến họp nhau để cùng chữa.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại than rằng: Ông này muốn lấy thân làm vật thí nghiệm cho các vị thuốc, các thầy lang lại muốn lập dị để tranh công. Số mệnh đến nguy mất. Đó là vì con người không cẩn thận chứ có phải là tại số mệnh đã hết đâu!

Hôm sau, lại thấy trợ giáo đến mời. Rồi lại thấy quan Thâm nghị cũng cho con đến mời và tạ lỗi vì nghe người ngoài, cứ khẩn khoản nài xin tôi chữa cho kỳ được. Tôi nghĩ bụng: Hôm nay mình có chữa đỡ, thì ngày mai cũng đổi ngay mà thôi. Tôi không chịu đi. Họ cố mời mãi, tôi mới kê một bài "cứu - dương". Vài hôm sau nghe tin cụ qua đời. Tôi than tiếc mãi. Bèn nối câu thơ cổ làm thành một bài thơ:

Vô được khả y khanh tướng mệnh,  
Hữu tâm ưng đối quỷ thần tri.  
Thế gian duy hữu phương danh tại,  
Phú quý, phù vân bốn tự khi.

Dịch: Thuốc gì chữa được mạng khanh tướng

---

Lòng khá sâu lên với quý thần.  
Chỉ có tiếng thơm đời để mãi,  
Giàu sang giả dối vốn phù vân<sup>(1)</sup>.

Khi tôi ở núi, thường tưởng rằng ở Kinh đô có những bậc quốc y, quốc thủ, học thuật đầy đủ, tinh diệu nhập thần, tôi vẫn thường than rằng mình không có điều may mắn được gặp. Đến khi lên Kinh thấy các thầy thuốc trị bệnh không nói phong hoá, thì nói thấp đàm, còn như nói hư phải bổ thì chỉ nói khí huyết qua loa mà thôi. Còn đến chân thủy chân hoả, đến cái gốc của tính mệnh thì tuyệt nhiên không chú trọng chút nào. Sao mà y đạo lại khó như thế?

Tôi còn nhớ một bậc tiên chính ngày xưa có nói: Những người làm thuốc trong nước ra mà không tinh thông là vì hai cái bệnh: Một là bọn nho học ra làm thuốc, cầm quyển sách thuốc xem qua, từ đầu đến cuối không có chỗ nào mắc mứu, thì tưởng đâu rằng không có gì là khó cả. Một là bọn chữ nghĩa nhấp nhem, có học thuốc cũng không khỏi mơ hồ. Chẳng khác giương không nổi cung thì cho cung cứng. Nói như vậy thực đúng quá. Ôi! Không đủ cũng không được mà thừa lại cũng không xong, thế có khó không! Nhân ngâm một bài thơ:

Cổ văn dụng được như dụng binh,  
Sinh sát quan đầu hệ phỉ khinh.  
Quốc thủ do đa khuy pháp xứ,

---

<sup>(1)</sup> Diên xuôi:

Không có thuốc nào có thể chữa được mạng các vị khanh tướng.

Lòng này có quý thần biết cho.

Trong thế gian chỉ có tiếng thơm là để được lâu,

Phú quý do sự giả dối làm nên, thì cũng như đám mây nổi lên một chốc là tan.

**Lăn sư cô lậu lý nan minh.**

Dịch: *Xưa rằng: "dùng thuốc như dùng binh",  
Tính mạng con người trách nhiệm mình.  
Quốc thủ hãy còn nhiều thiếu sót,  
Hướng mình cô lậu lý khôn tình<sup>(1)</sup>.*

Một hôm, trời sắp tối, có một vị tân khoa tiến sĩ họ Vũ, người Hà Hoàng đến thăm. Nguyên ông ta là con quan Hiến phó. Khi tới đến Kinh ông vẫn lấy tình cháu nuôi đến thăm. Tôi hỏi:

- Trời tối, ông đến chơi có việc gì?  
- Cụ lớn quốc sư Tào quốc công bị bệnh ly cho tôi đến mời cụ.

Tôi đang hỏi chuyện thì thấy một bà người quê tôi là vợ quan Tri phủ Duy Tiên trước đến mời, bà ta có họ ngoại với tôi:

- Phu nhân quốc sư Nguyễn Thượng thư bị bệnh đã lâu, cho tôi đến mời cụ.

Tôi cười bảo hai người:

- Đại phạm địa vị thì có bên cao bên thấp, lẽ thì có kẻ trước người sau. Nay hai vị đều là bậc đại thần ở trong nước, tôi không biết đi bên nào trước bên nào sau. Xin ông tân khoa và bà phủ quyết định giúp.

Ài cũng bệnh cho chủ của mình. Tôi nói:

- Như thế không được! Nhà làm thuốc chỉ biết theo thứ tự gấp hay chậm. Hiện nay cụ Quận Tào bệnh tình trầm trọng, cần phải đi thăm trước. Còn phu nhân

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi:

Người xưa nói rằng lương y dùng thuốc như người tướng dùng binh,

Người ta sống chết là ở mình gánh không phải nhẹ,

Những bậc quốc thủ (thầy thuốc giỏi nhất nước) hãy còn nhiều chỗ thiếu sót,

Lăn này cô lậu khó lòng mà hiểu hết ý lý.

của Văn quốc sư bệnh tình dai dẳng đã lâu, còn có thể hoãn được. Sáng mai, tôi xin đến cụ Quận tào trước, ngày kia sẽ đến nhà Văn quốc sư.

Tôi lại bảo bà phủ:

- Bà về bấm lại đầu đuôi như thế chứ không phải tôi dám trễ nải gì đâu. .

- Thế thì ngày kia tôi sẽ cho lính mời cụ tới.

Bà từ biệt ra về. Tôi bảo ông tân khoa:

- Dinh của Quốc sư xa lắm, độ rày trời lại nóng nực, sáng mai phải đi từ gà gáy mới được.

Ông vâng lời đi ra định đến đêm đưa năm người nhà đến đón. Nói chưa dứt lời, đã thấy một nhân viên đem năm người lính tráng kiện cầm thẻ “quân phù đi đêm” đến rước tôi đi.

Tôi lên đường, đến Trấn Vũ, theo mé tả ngạn Hồ Tây mà đi. Gần đến trưa thì đến nơi. Lính canh vào bấm rồi, mời tôi vào phòng ngủ xem mạch. Tôi đoán Quốc sư ăn phải đồ lạnh nên mắc bệnh. Tôi biện chứng bốc thuốc. Quốc sư than:

- Cụ đoán bệnh thực không sai một ly. Bài thuốc rất thích đáng (cụ cũng biết thuốc). Quan Chánh đường thực là biết người, không phụ người mình đề cử. Cụ lang hiểu sâu y lý như thế, nay được cử trùng biết đến, thực cũng không phụ với điều mình đã học.

Tôi từ chối không dám nhận lời khen ấy. Người em là Kiên hữu quan mời tôi đến phòng riêng hậu đãi rồi tiễn về. Tôi xin vào cảm ơn thì cụ truyền cho được miễn. Bấy giờ người em họ là cụ Bàn quận công lại mời tôi đến hỏi thăm bệnh tình của anh. Tôi nói:

- Mạch không còn vị khí, tình thế này chẳng được lâu.

Cụ nghe tôi nói chỉ thở dài. Khi tôi về, thấy trước cửa đình có mấy chiếc thuyền công cắm ở bên Hồ Tây. Tôi nói với Bàn quân công.

- Hôm nay trời nóng lắm, đi bộ rất vất vả. Xin cho một chiếc thuyền công để về cho tiện.

Cụ sai lấy sáu người lính thủy chèo thuyền cho về. Tôi từ già cụ xuống thuyền. Thuyền ra khỏi cái núi đá ở giữa hồ. Trông ra, nước biếc trời xanh, long lanh sóng gợn. Từng đàn cò trắng bay lượn, uyển ương từng cặp rập rờn ở bên kia bờ. Ở mé đê bóng cây Ly Cung um tùm phát phơ, khi ẩn khi hiện. Trên cái bãi ở giữa hồ, một dãy lâu đài nổi lên. Chuông chùa vang lên giục mặt trời lặn. Tôi ngồi trong thuyền lấy làm khoan khoái vô cùng. Nhìn ra, điện các nguy nga, cây cối xanh tốt. Tôi cho thuyền chèo đến gần. Đó là chùa Trấn Quốc. Tôi bảo người lái cắm sào vào bờ.

Tôi lên bờ ngồi một mình dưới gốc cây cổ thụ, trên một phiến đá. Trông khắp mọi nơi, trong lòng thổn thức. Đột nhiên hai hàng nước mắt ròng ròng. Những người tùy tùng hỏi vì sao. Tôi đáp:

- Lúc còn bé, tôi ở trong Kinh cùng mấy anh em kết bạn thành một thị xã. Chúng tôi hẹn nhau mỗi năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu đến Hồ Tây, đem đủ rượu và đồ nhắm thuê ba bốn chiếc thuyền buông chèo ra giữa hồ du ngoạn. Tiếng đàn hát vang cả bốn phía đêm khuya, chúng tôi về chùa Trấn Vũ ngủ. Có khi chơi đến bốn năm ngày mới về. Than ôi! Tôi đau lòng nhớ đến các bạn tôi ngày nay đã là người thiên cổ. Ngày hôm nay ngắm cảnh, tôi bỗng sinh tình. Mấy cây cổ thụ kia ở phía tây, dãy bụi tre bên bờ nước, đằng trước là cái

hồ phẳng, đằng sau là cái gác chuông, vẫn y nguyên như cũ. Nay chợt trông thấy cảnh mà luống nghĩ đến người. Ruột gan tôi có là sắt đá đi nữa thì cũng phải mềm.

Nói xong, tôi gạt nước mắt bước xuống thuyền. Nhưng mối sầu vẫn đặc đặc không sao dứt được. Tôi ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

Tây hồ nhất biệt tam thập xuân,  
Phục khoá khinh thuyền quá lãng tần.  
Cách ngạn lâu đài sơn thượng lập,  
Thượng phương tiểu ngữ thủy trung vân.  
Ly cung thụ sắc phân tàn chiếu,  
Trấn Vũ chung thanh loạn xuất tần,  
Phong cảnh y tiền dạng tại.  
Không ta bất kiến cựu thời nhân.

Dịch: *Ba mươi năm Tây Hồ cách biệt,  
Nay thuyền con lại lướt sóng qua;  
Lâu đài trên núi mấy toà,  
Trong chùa, cười nói vang ra giữa dòng.  
Cây ban chiếu Ly - cung bóng rủ,  
Chuông từng hồi Trấn Vũ tiếng rền,  
Kìa phong cảnh cũ còn in,  
Người xưa chẳng thấy luống phiền lòng  
ta<sup>(1)</sup>!*

(1) Diễn xuôi:

Xa cách Tây-hồ đã ba mươi năm,  
Nay lại cười thuyền lướt qua sóng.  
Bên bờ lâu đài dựng trên núi,  
Tiếng cười nói trên chùa vang xuống dòng sông.  
Màu cây ở Ly-cung bóng chiếu tàn giọt vào,  
Tiếng chuông chùa Trấn Vũ điểm từng hồi.  
Phong cảnh vẫn còn in như cũ,  
Luống than không thấy người xưa.

Đến Trấn Vũ quán, tôi lên bộ về nhà. Hôm sau, từ sáng sớm, đã thấy Văn quốc sư cho người đến mời. Tôi bảo anh ta đi trước dẫn đường. Tôi đi qua mấy dinh cũ của thầy tôi và chú tôi ngày xưa. Thấy quang cảnh thế lương, tôi xuống võng xem. Núi hồ vẫn như cũ nhưng cỏ hoa ngày trước, nay đã thuộc về ai. Tôi bèn ngâm bốn câu thơ hoài cổ:

Phú quý giai vi huyễn,  
Huân danh bản tự chân.  
Bách niên lưu tính tự,  
Duy hữu khẩu bi văn.

Dịch: *Giàu sang đều giả dối,  
Công danh mới thật là.  
Trăm năm để tên họ,  
Bia miệng chữ không lo<sup>(1)</sup>.*

Đi độ một quãng đường đất nữa thì đến dinh Quốc sư. Lính vào bẩm. Cụ cho người con là Thiêm bình quan ra tiếp, mời vào nhà khách rồi mời vào phòng của phu nhân để xem mạch. Xem xong, ra ngoài yết kiến Quốc sư. Tôi kể căn nguyên của chứng bệnh. Cụ nghe rất vừa ý, tặng rất nhiều rồi cho về.

Một hôm, quan Thự trấn An Quảng đến nhà trọ mời tôi về làng thăm bệnh cho bà mẹ. Ông ta vốn có cố tật không thể về Kinh, nên đã mấy lần cho người đến mời tôi. Bấy giờ tôi đang bận chữa bệnh sản cho người cháu dâu ở Kinh. Tôi có nói thực với ông nên ông cũng không cho mời nữa. Đến nay, bệnh người cháu dâu của

---

(1) Diễn xuôi: *Giàu sang đều giả dối,  
Công danh mới là thật.  
Trăm năm để tên họ,  
Chỉ có cái bia ở cửa miệng người ta.*

tôi không chữa được nữa. Tôi giao cho người học trò trông nom hộ và báo tin cho ông biết (bấy giờ ông có việc lên Kinh, còn ở lại vài tháng nữa mới về trấn). Ông mừng lắm, vội vàng đến mời. Tôi nói:

- Đi thì cũng được, nhưng còn có một việc, không biết đi có được không.

Ông ngạc nhiên.

- Việc gì thế?

- Quan Chánh đường vẫn dặn tôi không được đi đâu xa. Tôi lên Kinh đã năm tháng nay, đường về quê chỉ mất nửa ngày, thế mà vẫn không được về thăm. Huống gì lần này vừa đi vừa về mất đến ba bốn ngày đường. Vậy ông phải đến nói với quan Chánh đường, mượn cớ là có việc gấp, van nài xem.

Ông bèn ra đi. Một hồi lâu, trở lại, vẻ mặt hớn hở nói:

- Xong rồi! Cụ lớn cho bốn ngày cả đi cả về. Mời cụ sắp đặt hành lý. Tôi đã cho em đem lính ở dinh đi theo hầu. Hiện nay, họ đang đợi ngoài cửa.

Tôi bèn dặn người nhà và học trò giữ nhà rồi từ giã ông lên đường. Sang đò Nhị Hà, đến bến Bát Tràng thì trời đã tối mịt, khó đi lắm. Sang canh hai, đến làng Kinh kỳ, lính tráng xem chừng đã mỏi mệt, tôi cho nghỉ lại, sáng mai lại đi. Đến trưa, đến Nha thôn. Trông ra, trong lòng bỗng nhiên đâm ra nghĩ ngợi: hình như mình quen biết nơi này đã từ lâu!

Tôi bảo tùy tùng dừng lại nghỉ. Tôi chống gậy nhìn quanh. Dân lành vẫn y như cũ. Trước đó, có một cái vọng lâu, trước vọng lâu là một một ụ đất lớn. Đó là nơi quân lính đóng đồn. Qua cái cầu bắc ngang ngòi, đến một cái cồn cao. Một con đường bắt đầu từ đầu cầu



chạy ngang qua. Đó là dấu vết thành lũy ngày xưa. Tôi hỏi các cụ già, các cụ đều bảo vậy.

Nguyên lúc trước, giặc Tàu sang làm loạn. Thân hữu của tôi phụng mệnh dẹp giặc, đóng quân ở đây. Đang đêm giặc đến bao vây thành. Thân hữu tôi nghĩ rằng: quân giặc thì đông và mạnh, quân mình thì ít lại yếu. Nhưng chúng ở xa đến chưa yên chỗ. Nó đang mệt, ta đang khoẻ, cần phải đánh ngay. Chậm một chút, thì một bên đông, một bên ít, khó lòng đánh lại. Ông bèn chia quân ra bốn ngả, nhân lúc trời tối đánh ập vào. Hai bên hỗn chiến. Chết và bị thương vô số.

Tôi nhớ ngày xưa đây là đồng cỏ, nay đã là chùa miếu huy hoàng. Trong làng, tiếng chó sủa, tiếng gà gáy ran. Tiếng hát những người nông dân vang bốn phía. Sao mà khôi phục lại chóng thật! Sức nhớ lại quê tôi bình lửa hai mươi năm trời, cảnh vật điêu tàn, nhân dân tan tác. Nghe đâu bây giờ cũng đã đông đúc hơn xưa. Tôi đứng một mình, cảm tình chan chứa không sao ngăn được. Bèn ngâm một bài thơ:

Úc tích Hồng - châu khởi chiến qua,  
Kim - đôi hồn dấu huyết thành hà.  
Đương niên bộc cốt lưu thanh trủng,  
Cổ lũy đôi ngàn xuất bạch sa.  
Oán qui nại thời vân dạ khốc,  
Hành nhân kim nhật thính nông ca.  
Cổ hương suy tỵ giai như thử,  
Duy hữu Văn - thôn bản ngã gia.

Dịch: Hồng - châu trước nổi binh đao,  
Kim - đôi chiến đấu máu đào thành sông!  
Xương vùi, mồ mả chập chồng,  
Lũy xưa cát trắng một vùng còn ghi.  
Xưa đêm quỷ khóc đòi khi,  
Nay nghe nông hát lúc đi qua đường.  
Xóm làng suy thịnh chẳng thường,  
Nhà ta chính ở góc làng Văn - thôn<sup>(1)</sup>.

Hôm ấy chúng tôi đi gặp. Đến canh tư, đến dinh quan Thự trấn Hàm Giang. Tôi còn nghỉ lại ngoài, sáng ngày mới vào dinh xem mạch. Tôi nghĩ đến tình quen biết nên lúc từ già có vào làm lễ chào phu nhân là vợ quan Thự trấn Hưng Hoá. Phu nhân từ chối không dám nhận và muốn giữ tôi lại. Tôi nói:

- Đi lần này có hạn, không dám lưu lại.

Phu nhân hậu tặng và cho về. Tôi từ già đi ra thì gặp người em họ của quan Thự trấn Hưng Hoá. Trước kia ông ta ở Vĩnh Dinh có biết tôi. Ông mừng rỡ, dắt tôi về nhà, nhất định không cho đi. Tôi nghỉ lại nhà ông một đêm. Sáng mai, tôi từ già về Kinh. Tôi bảo những người tùy tùng:

---

<sup>(1)</sup> Diên xuôi: Nhớ ngày xưa Hồng - châu nổi cuộc chiến tranh.  
Nơi vùng Kim - đôi đánh lộn nhau máu chảy thành sông.  
Xương phơi lúc bấy giờ còn để nơi mả xanh,  
Dấu tàn lũy xưa ở nơi cát trắng.  
Ngày xưa ban đêm nghe tiếng quỷ cầm hồn kêu khóc.  
Ngày nay người đi đường nghe tiếng hát của người nông phu.  
Nơi cố hương, khi suy, khi thịnh đều như thế cả.  
Chỉ có làng Văn - thôn gốc nhà ta ở đó.

- Hôm trước phải đi suốt ngày đêm là vì sợ bị triệu. Nay trở về thì cứ vừa đi vừa nghỉ, thông thả cũng được.

Họ nghe vậy mừng lắm, đi ung dung mất hai ngày về đến nhà trọ. Quan Thư trấn nghe tin, đến hỏi.

Tôi nói:

- Mạch của bà cụ hoà bình, dễ chữa, xin đừng lo.

Ông mừng lắm, bảo tôi:

- Cả nhà đều nhờ ở cụ. Nếu mẹ tôi chóng khỏi thì dù ngàn vàng cũng không thể giả ơn được. Tôi xin hết lòng hết sức báo cái ơn tri ngộ.

Nói cười với nhau một lúc rồi về.

Một hôm, tôi đến chơi nhà Đặng tiểu thư. Tôi thấy trong tráp của cô có một quyển thơ bằng quốc âm. Xem ra thì là ba mươi bài cung oán. Tôi hỏi:

- Ai làm những bài này?

- Quan Tiên ninh soạn đấy!

- Cháu xem thế nào?

- Lời và điệu cũng thanh nhã, kỳ lạ nhưng tứ thơ còn gò ép, chưa thực là hay

- Cháu nói đúng đấy. Thơ cốt ở ý, ý có sâu xa, thơ mới hay. Phải làm cho người đọc phải suy nghĩ mới hiểu được thì mới hay. Không phải bất cứ điều gì cũng phải nói ra bằng lời. Như thế mới là thơ có giá trị.

- Thế mà trong Kinh đã có nhiều người chép lại, thơ này đã được đưa vào nhạc phủ rồi đấy. Cháu xin bác nghĩ cho một bài thực là hay, thực là thú, không lẽ để cho họ hơn ta. Không biết thế có được không?

Tôi cười:

- Cũng chưa chắc! Nói thì dễ mà làm thì khó. Cháu xuống trước đi rồi bác hoạ.

Cô vâng lời, xướng lên một bài. Tôi nói:

- Thơ của cháu tú hay và tự nhiên, thực không  
thẹn là con một thi gia.

(Đáng tiếc bài thơ này lạc mất, nên không chép  
vào đây được).

Tôi cũng họa một bài:<sup>(1)</sup>

Sáu cung thăm thăm, lộn <sup>(2)</sup> ngày nhàn,

Một tiếng cảm ve nhật lại khoan.

Mây ruổi chẳng kinh vắng nhật xế,

Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.

Xiêm nghe luống buộc quên đường nhạc,

Khúc phụng ngừng tay lẫn dịp đàn.

Tự nghĩ thương dương mai mấy<sup>(3)</sup> tuyết,

Rạng còn mừng tượng vẽ dung nhan.

- Thơ của bác ý ở ngoài lời, có thể xem là gương  
mẫu của các nhà thơ. Ngày xưa thầy con thường nói thế.  
thực là đúng vậy.

- Chú nay tuy không được xướng họa với tiên  
huynh, nhưng được xướng họa với cháu, thì cũng khuấy  
khoả đôi phần tác lòng vĩnh biệt.

Tôi lại nói:

- Lúc thấy cháu còn sống, thấy cháu chán cái  
cảnh giàu sang quá mức, muốn bỏ quay về cày ruộng để  
được vui chơi nơi núi non, rừng suối, an dưỡng tuổi già.  
Thầy cháu có bảo chú làm mấy bài thơ. Để chú đọc cho  
cháu nghe.

Tôi bèn đọc:

---

(1) Bài này nguyên văn bằng quốc âm.

(2) Trộn

(3) Mấy: với

Tạm khước ô cân lý thảo hài  
 Mang huế cầm kiếm, cố sơn lai.  
 Bế môn chủng thái anh hùng thủ,  
 Điển nguyệt canh vân khoáng giết hoài.  
 Chúc tửu tri biên song nguyệt khuyến,  
 Phủ cầm song lạc, bách khoa khai  
 Kỵ lư mỗi quá tà dương linh.  
 Mục đích thời vân sương "lạc mai"

Dịch: Cát khăn thấm, dấp mồ chân xô  
 Mang gương, đàn, núi cũ về mau  
 Anh hùng cài cửa trông rau  
 Cày mây, câu nguyệt một bầu thanh cao  
 Chén bên ao, trăng mờ hai ngả  
 Đàn cạnh song, hoa nở trăm mầu  
 Cười lửa, ác xế ngàn dâu  
 "Lạc mai" khúc dịch nghe dàu từng hồi<sup>(1)</sup>

## II

Phàm sĩ các hữu chí  
 Tâm nhân thân tự vinh  
 Văn chương thiên cổ trọng  
 Khử tặc nhất thân khinh  
 Tửu mỹ hoa thiên sắc  
 Cầm tằng nguyệt hạ thanh

(1) Diễn xuôi: Tạm cởi khăn thấm, xô chân vào dấp mồ,  
 Vội cầm gương, đàn về nơi núi cũ.  
 Trai anh hùng đóng cửa trông rau,  
 Câu nguyệt, cày mây, thoả lòng khoáng đạt.  
 Rót rượu bên ao, hai vầng trăng khuyến ta uống rượu,  
 (Tiếp chú giải trang trước)  
 Gây đồn dưới song, trong khi trăm hoa đua nở.  
 Mỗi lúc cười lửa qua núi khi bóng xế,  
 Thỉnh thoảng nghe tiếng dịch người chân trâu thổi khúc "lạc  
 mai".

Ứng tri u dật thú  
Năng tạ thế gian danh

Dịch: *Chỉ kẻ sĩ mỗi người một khác  
Tâm thanh nhàn thân được vẻ vang  
Nghìn xưa trọng giá văn chương  
Một thân lui tới, đôi đường thành thơ  
Trước cảnh hoa càng tươi sắc rượu  
Dưới bóng trăng thêm dịu tiếng đàn  
Cho hay cái thú u nhàn  
Khiến cho danh lợi thế gian chẳng màng<sup>(1)</sup>*

Cô nói:

- Thừa bác, bác ở trong chốn lâm tuyền đã lâu trong lòng chứa chan cái khí vị của khói mây nên lời thơ thanh tao, nhàn dật, đẹp đẽ. Không hiểu thầy con hiện nay ở dưới suối vàng có biết hay không?

Hai chú cháu đang bình từng bài, cân nhắc từng vắn. Chợt thấy người nhà đến báo:

- Có quan Vũ hiến phó đưa đến nhà trọ một bài thơ.

Tôi cho người về lấy thì đó là một bài thơ tặng tôi.

Tôi đưa cho cô xem và nói.

- Cháu xem thử thế nào;

- Thơ phóng khoáng mềm mại.

---

(1) Diễn xuôi: Kẻ sĩ mỗi người có một chí khác nhau,  
Lòng nhàn, tự nhiên thân vinh.  
Nghìn xưa trọng cái giá của văn chương,  
Khi lui khi tới, một thân nhẹ nhàng.  
Trước cảnh hoa sắc rượu càng xinh,  
Dưới bóng trăng tiếng đàn thêm dịu.  
Mới biết cái thú u dật,  
Có thể làm cho người ta quên danh lợi trên đời.

Thực là một bài thơ lão luyện.

- Ta là một bậc danh nho ở đất Hoa Châu, thơ rất hay. Người con thứ tư vừa nói Đỗ tạo sĩ<sup>(1)</sup> nên lên Kinh đón con về vinh quy. Ông quen thân với quan chánh đường. Mỗi lần chú đến yết kiến quan chánh đường, chú thường cùng Quận hầu nói chuyện với ông. Vì vậy, ông gửi tặng chú bài thơ này.

Tôi lại bảo:

- Chú mấy lần nhờ quận hầu giúp sức làm sao để được về núi. Thế mà mãi đến nay vẫn chưa được. Nay ta cứ theo nguyên văn bài thơ này mà hoá một bài để gửi.

Tôi bèn đọc:

Hà nhật đắc quy yên thủy thôn  
Mang hài, trúc trượng xuất đồ môn.  
Thư hoài ngâm phá tam canh nguyệt,  
Nhập mộng, thời vân vạn lý ngôn.

Dịch    *Bao giờ về xóm nước mây  
Dép mo, gậy trúc ra ngay đô thành!  
Thơ ngâm vắng nguyệt ba canh,  
Mơ nghe muôn dặm dinh ninh những lời<sup>(2)</sup>  
Mới ngâm được vài câu, tôi bảo:*

- Chú cứ mơ ước cái thú khói mây, không ngờ nay phải lặn lội như thế này, thành ra mất hết hứng, chẳng còn nghĩ được gì nữa, cháu cứ theo vận này, làm nốt bốn câu nữa hộ chú.

---

<sup>(1)</sup> Tạo sĩ bên võ ngang hàng với tiến sĩ bên văn.

<sup>(2)</sup> Diễn xuôi:    *Bao giờ về xóm nước mây,  
Dép mo gậy trúc, ra khỏi cửa Kinh đô.  
Ngâm thơ tả tình trong lúc canh khuya trăng rạng  
Nằm chiêm bao thường nghe tiếng nói ở vạn dặm.*

Trước cô còn khiêm tốn chối từ, sau đọc nốt bốn câu.

Phương tiện tế nhân chu dũ tiếp  
Hàm hoàng tái tướng đức duy khôn  
Hàm hoàn kết thảo nan vi báo,  
Địa cửu thiên trường đại nghĩa tồn.

Dịch: *Nhờ thuyền phương tiện chở người  
Đức dày chở nặng thêm tày thể khôn  
Ngâm vành, kết cỏ tác son,  
Còn trời còn đất hãy còn ghi ơn<sup>(1)</sup>  
- Thơ của cháu lời và nghĩa gắn với nhau lắm.  
Bền bỏ vào phong bì đưa đến cho Quận hầu.*

## TÌNH CỜ GẶP NGƯỜI CŨ

Một hôm có hai bà sư già đến nhà trọ tôi nói:

- Chùa Huê Cầu có đúc một quả chuông to. Công quả vẫn chưa xong. Chúng tôi đến đây để khuyến hoá cụ.

Một bà nói mình trụ trì ở chùa Yên Tử Sơn, một bà nói mình là con gái quan Tả thừa tư ở Sơn Nam, người làng Huê Cầu. Tôi giật mình, mời vào nhà ngoài. Tôi hỏi nhỏ một ni cô nhỏ tuổi cùng đi theo. Thì ra bà sư già này chính là người có ước hẹn với tôi ngày trước. Tôi bèn nghĩ thầm: bà ta không biết mình nên đến đây. Việc

---

<sup>(1)</sup> Diên xuôi: *Nhờ phương tiện giúp người như thuyền cùng lái,  
Đức như quẻ khôn (tương với đất) rộng dung chở mọi vật.  
Ơn ấy kể cả ngâm vành khó mà trả được,  
Nghĩa lớn để mãi, trời đất lâu dài.*



thực là lạ. Ta thử nói rõ họ tên xem ý của bà như thế nào! Tôi bèn nói:

- Tôi là người ở Liêu Xá, tị loạn vào quê mẹ ở Hương Sơn, đất Hoan Châu. Chẳng may có chiếu triệu về Kinh tôi ở nhà trọ này cũng tiêu điều lắm, tuy có hàng tâm cũng không làm sao được.

Bà sư già chùa Huê Cầu có ý thẹn. Bảo bà sư chùa Yên Tử:

- Chúng ta đi thôi.

Tôi cố giữ lại nhưng bà không chịu. Tôi đưa ít tiền để cúng và hỏi:

- Hai vị sẽ nghỉ ở đâu?

Hai bà đáp:

- Chưa định nghỉ ở đâu cả.

Rồi từ giã ra đi. Tôi gọi một người nhà lanh lợi bảo anh ta đi theo và dặn:

- Anh đến chỗ các bà ấy trọ hỏi những người xung quanh xem các bà đến đây từ bao giờ, còn ở lại đây mấy ngày nữa. Nhưng phải giữ kín đừng cho các bà biết.

Người nhà vâng dạ ra đi. Hai giờ sau, anh ta trở về, nói:

- Hai bà ở trọ trong chùa Liên Tôn. Họ mới đến được vài hôm thôi, còn ở Kinh khuyên hoá lâu.

Hôm sau, tôi gọi một người học trò tên là Tài đến và bảo:

- Ta có một việc này lạ lắm, anh cố hết sức giúp ta

- Dem hết lòng hết sức của mình là bổn phận của kẻ học trò, con đâu dám từ.

- Lúc ta còn nhỏ, nhà có dạm cô con gái con quan Thừa tư tham chánh ở Sơn Nam. Đã làm lễ vấn danh và cho đồ rồi. Nhưng có việc trở ngại, ta phải từ hôn về ở luôn ở Hương Sơn. Năm, sáu năm sau, ta lên Kinh, nghe tin quan Thừa tư tham chánh đã qua đời. Còn người con gái thì đến nay ta vẫn làm lạ. Ta hỏi thăm, thì có người nói: Cô ta thật là kỳ! Nghe nói trước kia có một công tử nào đó đã hỏi, đã đủ lễ lẽ rồi nhưng sau không thành. Cô ta nói: Mình đã có người dạm hỏi, tức là đã có chồng. Nay vô duyên bị chồng bỏ, còn mặt mũi nào mà lấy chồng nữa. Bèn thề suốt đời không lấy ai. Ta nghe vậy trong lòng hoảng hốt nói: mình thu xếp công việc không chu đáo, có trước chẳng có sau, khiến cho cô ta ôm hận. Mình thực là người bạc hạnh! Tội này đeo đuổi lấy mình, không biết có cách nào gỡ được. Ta bèn chạy về làng Huê Cầu hỏi khắp. Thì trong mười người đã có tám, chín người kể lại câu chuyện xưa. Lại có người nói: khi người cha mất đi, người anh ép gả cho một anh đồ ở trong làng để lấy tiền lo tang lễ, nhưng cô không nghe. Có người nói: Con gái nhà quan khi đã lỡ lứa, trên không dòm xuống, dưới không với lên, cho nên đến nay cô vẫn ở vậy. Ta nghe thế, mới hơi yên lòng. Sau đó lại về Hoan Châu. Đến nay lại gặp nhau. Ta thấy bà cô độc, khổ sở như vậy, không biết bà còn tình nghĩa hay không; nhưng việc đến thế này chẳng phải ta gây ra đó sao? Nay chỉ còn một cách: nuôi dưỡng bà cho trọn tuổi trời, để mong chuộc cái tội ngày xưa. Hiện nay ta đang ở Kinh thì việc phụng dưỡng, chu cấp còn dễ. Nhưng nếu nay mai ta được trở về nơi núi cũ, thì đường xá xa xôi làm sao mà giúp đỡ được nữa. Ví bằng, bà bằng lòng về Hoan - châu với ta, thì trong vườn của ta cũng có một

nơi thanh u tịch mịch, có một ngôi chùa do anh ta dựng, có thể cung phụng đèn nhang. Còn việc lo lắng ăn mặc thì ta xin chịu hết. Như thế là một phần mong báo đáp cái tiết hạnh cao quý của bà, một phần để chuộc cái tội của ta. Anh hãy hỏi chuyện xưa rồi nói vậy xem bà có thuận không, để cho ta định liệu.

Anh ta vâng lời đi. Đến tối, anh ta trở về, nói:

- Con đã đến chùa Liên Tôn. Nhân lúc rảnh, con có thưa lại. Bà sụt sùi đáp: cảm ơn cụ có lòng tốt. Tôi không gặp được chồng, phải cô độc, khổ sở như thế này cũng là bởi cái số mệnh của tôi, chứ có dám trách ai đâu? Cái thân tàn này nào có tiếc gì! Chỉ hiềm một nỗi, nhìn quanh nhìn quẩn, thân thích chẳng còn ai, phần mộ của cha ông không có người coi sóc. Tôi đâu dám tìm đường ám nọ một mình, đi xa lánh quê người. Xin ông về thưa với cụ. Tôi chưa được ân huệ của người, nhưng tấm lòng của người đã hiểu cho như thế, cũng là đủ an ủi cái cảnh lênh đênh cô độc của tôi rồi.

Tôi thương cảm vô cùng, bèn làm một bài thơ để bày tỏ lòng mình:

Vô tâm sự xuất ngộ nhân đa!  
Kim nhật tương khan khổ tự ta.  
Nhất tiểu tình đa, lưu lãnh lệ,  
Song mâu xuân tận, hiện hình hoa.  
Thử sinh nguyên tác càn huynh muội,  
Tái thế ung đồ tổn thất gia.  
Ngã bất phụ nhân nhân phụ ngã,  
Túng nhiên như thử nại chi hà?

Dịch: *Lắm người, sự bởi vô tâm.  
 Nhìn nhau, nay những luống thối than.  
 Một cười giọt lệ chứa chan,  
 Mắt trông, xuân hết hoa tàn thương thay.  
 Anh em kết nghĩa kiếp này,  
 Kiếp sau cảm sắt bén dây hoa là.  
 Chót vì người phụ lòng ta,  
 Ôi thôi, đành vậy, biết là làm sao?<sup>(1)</sup>*

Từ đó, chúng tôi thường đi lại hỏi thăm nhau. Bà có nói: nghe nói trong Nghệ có nhiều cổ áo quan tốt, muốn mua một cổ. Tôi cho đi tìm nhưng chưa đi được. Lúc tôi được về làng, tôi có gửi năm quan tiền để mua hộ một cổ áo quan tặng bà. Nhưng đó là việc sau, ở đây không nói đến.

## NGÂM THƠ, THƯỜNG NGUYỆT

Một đêm, nhân lúc rảnh, tôi bày một tiệc rượu cùng học trò uống rượu. Trên không, vầng trăng chiếu sáng như bạc, hoa cỏ trước sân hạt sương trĩu nặng, hương đua ngào ngạt. Tôi tuy tuổi lượng không cao, cũng uống mấy chén để thêm hứng, rượu đã ngà ngà say, tôi

---

<sup>(1)</sup> Diên xuôi: *Thường vì vô tâm mà làm thiệt hại cho người ta,  
 Ngày nay trông nhau luống thối than một mình.  
 Một nụ cười da tỉnh chảy nước mắt.  
 Trông trong cặp mắt mùa xuân đã hết, đến lúc hoa tàn.  
 Kiếp này xin làm anh em kết nghĩa,  
 Kiếp sau sẽ đẹp duyên vợ chồng  
 Ta không phụ người, người phụ ta  
 Nếu như thế thì biết làm thế nào?*

ra đầu đề “Đêm thu trăng sáng, uống rượu, bày tỏ ý mình”, lấy vần “ngâm” để cùng xướng hoạ với học trò, tôi xướng:

Phiến nguyệt bạch như ngân,  
Phủ không sắc sắc tận.  
Bôi chung hàm quế ảnh,  
Tuý hậu hân hương vân.  
Tương đối nhất tôn tửu,  
Tương khan thiên lý thân.  
Lữ hoài tuy lão thảo,  
Giai hứng động thi thần.

Dịch: *Gương nga một mảnh lâu lâu,  
Giữa trời vằng vặc mọi màu mọi tươi.  
Chén quỳnh bóng quế sáng ngời,  
Say rồi, nghe thoảng khắp người hương bay.  
Cùng nhau trước chén rượu này,  
Nhìn nhau: đều khách xa đây dặm nghìn!  
Nỗi niềm lữ khách liên miên,  
Đêm thanh nẩy hứng tình liền hồn thơ<sup>(1)</sup>.  
Học trò hoạ lại.*

Tôi bảo người nhà:

- Chỉ được nói chuyện trong Kinh mà thôi, cấm không được hé răng nói chuyện cảnh vật quê nhà làm ta mất hứng!

---

<sup>(1)</sup> Diễn xuôi:

Mảnh trăng trắng như bạc,  
Nổi giữa trời mọi vẻ mọi tươi.  
Trong chén rượu bóng quế giới vào.  
Sau khi say, nghe mỗ hôi có mùi thơm.  
Nhìn nhau trước chén rượu,  
Ngó nhau, đều là người từ nghìn dặm đến đây.  
Ở nơi lữ thú mặc dầu sơ sài,  
Cái hứng tôi trong đêm thanh làm cho hồn thơ sức tình.

Đến gần sáng tôi mới đi ngủ.

Một hôm, quan Vũ Hiến phó thấy người con đồ tạc sĩ chưa được phép về nhà vinh quy, còn phải lên Kinh chờ đợi, nên ông nhớ nhà cho người soạn sửa hành lý về trước, ông có gửi tôi hai bài thơ.

Lời mở đầu như sau:

*Đệ định đến mộng hai tháng sáu thì cả nhà dọn về làng. Nhân lúc ban đêm gió thu hiu hắt, lá chuối rì, rào trong lòng đệ đột nhiên nghe tiếng mùa thu, nhớ đến canh nhút, gỏi cá vượt ở quê nhà. Lòng này biết nói cùng ai? Nhân có mấy bài quê kệch để tặng<sup>(1)</sup>:*

Ngô huynh thiếu dữ lộc vi quân,  
Nhất đám phiên nhiên dịch thử thân!  
Ấp vũ dĩ thâm tân lục trúc,  
Nham Khê do mặt cự thời vân.  
Tòng lai lợi toả danh cương khách,  
Không tác làm tâm giản quý nhân.  
Tảo tảo hồi kiên dinh biệt nghiệp,  
Nhân hoa dã thảo hữu dư xuân.

*Đệ: Lộc nam dật tẩu, tự Dĩ phác bái thương*

Dịch:

Bác từng bạn với hươu nai,  
Một mai chí hướng đổi thay bạn mình!  
Thôn quê, trúc đã thêm xanh,  
Núi khe cũng vẫn xung quanh mây lỏng.  
Xưa nay danh lợi mắc vòng,  
Làm cho hổ thẹn núi sông bao người.  
Trở về vườn cũ cho rồi!  
Cỏ hoa thôn dã vui chơi có thừa.  
*Đệ: Ông già Lộc - nam tự là Dĩ phác kính dâng*

---

<sup>(1)</sup> Nguyên ba bài, đây chỉ trích dịch một bài.

Tôi cảm bài thơ ngậm nga mãi, trong lòng buồn rầu: thực mình không nghĩ gì đến danh lợi, thế mà cứ mắc mãi vào trong cái vòng cương toả, chỉ tổ để cho bạn bè chê cười. Sao cảnh ngộ của mình chắc trở như thế? Tôi đem đem bài thơ cho Quận hầu xem để ông ta thấy cái cảnh cô đơn phiêu bạt của tôi<sup>(1)</sup>.

Ngày tháng đi mau như tên bắn, thấm thoát đã đến tiết Trung thu. Trong Kinh nhà nào nhà nấy sắm sửa cỗ bàn, tiệc tụng. Mọi người sắm sửa áo hồng, áo tía đi chơi. Tôi nghĩ: Mình ở trọ nhà người ta, nếu có mấy chén rượu nhạt thì nơi nhà trọ cũng không phải là nơi cùng cấp. Tôi bảo người cháu là Hào có nhà ở cạnh chùa Quán sứ làm hộ tôi mấy mâm cỗ.

Đến chiều, tôi đến nhà anh ta, bày biện hương đèn, cáo với gia tiên, mời những thân nhân và học trò mới học, tất cả hai mươi người, cùng dự tiệc, cùng uống rượu. Tôi cảm thấy khoan khoái, hồn thơ phơi phới, tôi lấy đầu đề "*Trung thu uống rượu thuật hoài*". Tôi xướng trước:

---

<sup>(1)</sup>Diễn xuôi:

Bác lúc còn trẻ làm bạn với hươu nai,  
Một sáng đôi chim hướng làm cho cái thân phải phiền lụy  
Nhà ở thôn quê, bụi trúc xanh đã xanh thêm,  
Mây ngày trước còn đang ngang nơi khe núi.  
Xưa nay những khách ở trong xiềng xích của danh lợi,  
Luống làm con người để thẹn cho khe núi.  
Mau mau trở về sửa sang biệt thự,  
Cỏ hoa thôn dã có vẻ tươi tốt đối đào.

Nguyệt sắc dâng quang mãn để thành,  
 Kim ngô <sup>(2)</sup> bắt cấm hứa nhân hành.  
 Hi du sĩ nữ phân quán xuất,  
 Ca quán lâu dài chực địa sinh.  
 Lữ thứ bôi bàn hà túc đạo,  
 Thân bằng hoan ẩm hữu dư vinh.  
 Thu phong mạc khởi tam canh lại,  
 Thiên lý nhân đa thiên lý tình.

Dịch      Đầy thành trăng rạng đèn soi.  
             Kim ngô tha phép mặc ai bộ hành.  
             Tương bằng gái lịch trai thanh.  
             Lâu dài, đàn hát, rập rình khắp nơi.  
             Kể chi mâm chén què người,  
             Thân bằng ăn uống chơi bồi, sướng sao!  
             Đêm thu gió chớ thổi vào,  
             Dặm nghìn người những nặng đeo mối tình<sup>(1)</sup>.

Ngâm xong tôi bảo:

- Những người trong bữa tiệc ai biết làm thơ thì  
 họa lại!

Mọi người vâng lời cầm bút ngâm nga. Một lát  
 sau, trăng đã xế mà một chữ vẫn chưa xong. Lúc hỏi đến  
 thì đều mượn cớ thoái thác. Có người chỉ thử dài.

Tôi cười vang. Lại ngâm thêm một bài:

Tha hương vị đặc khứ,  
 Cố quốc bất năng qui.

<sup>(2)</sup> Kim ngô: tức chấp Kim ngô, quan coi việc cảnh vệ Kinh thành.  
<sup>(1)</sup> Diên xuôi:

Ánh trăng và ánh đèn đầy cả kinh thành,  
 Quan Kim ngô cho phép người ta đi lại.  
 Trai thanh gái lịch vui chơi lữ lượt,  
 Lâu dài đàn hát mọc khắp nơi,  
 Mâm chén nơi què người không đủ kể.  
 Bạn bè thân thích chè chén rất là vui,  
 Gió thu chớ có thổi lúc canh khuya,  
 Người nghìn dặm nặng đeo mối tình nghìn dặm.



Thử đạo phùng giai tiết,  
Khuyh hồ đáp cố chi.  
Huyền đặng thiên vạn điểm,  
Chiếu ngã sở hàng thi.  
Đắc tuý hà cầu tỉnh,  
Tĩnh lai không tự chi.

Dịch: *Tha hương ở mãi chưa đi,  
Trông vời cố quốc biết khi nào về?  
Hôm nay giai tiết gặp thì,  
Nghiên bầu cùng bạn cố chi gọi là.  
Đèn treo nghìn điểm sao sa,  
Rạng soi mấy vạn thơ ta rành rành.  
Được say, say mãi cũng đành,  
Tĩnh ra mới biết rằng mình có say<sup>(1)</sup>!*

Bấy giờ canh đã tàn, tiệc đã xong. Mọi người đi ngủ. Tôi nằm một mình không sao ngủ được, tựa hồ như nghĩ ngợi điều gì. Tôi đứng dậy, ra đi bách bộ trước chùa, làm mấy bài thơ cho đỡ buồn.

1

Nguyệt lặc dăng tàn, nhân dĩ tịch,  
Ngã do đãi tuý hà man miên?  
Lương bằng tiểu vị tri quy kế,  
Ý dĩ thâm tri lý vị thiên.

---

<sup>(1)</sup> Diên xuôi: Nơi tha hương chưa thể lìa bỏ được.  
Không thể về nơi cố quốc.  
Đêm nay gặp tiết vui,  
Nghiên bầu đáp bạn quen,  
Ngàn vạn ngọn đèn treo.  
Giới mấy hàng thơ của ta,  
Được say cần tỉnh làm gì.  
Tĩnh ra biết là mình say.

Dịch: *Trăng lạnh đêm tàn, người vắng teo,  
Ta còn hơi say sao khó ngủ?  
Bạn cười, bảo ta tính chước về,  
Biết rõ ý ta lý chưa rõ<sup>(1)</sup>.*

## II

*Tiền lâu cấm cố thôi tàn lặn.  
Tán bộ bồi hồi thương vị miên,  
Hữu khách khuyên dư an sở ngộ.  
Cáp văn điền mật hữu thương nhiên.*

Dịch: *Trống lầu đồn đập giục canh chầy,  
Đạo bước bồi hồi khó ngủ ngay.  
Có kẻ khuyên ta đành chịu vậy,  
Khi nghe gốc ngọn lại chau mày<sup>(2)</sup>.*

Sáng hôm sau, tôi về nhà trọ chép lại những bài thơ này và đưa cho Quận hầu xem để ông ta thấy rõ cái tâm trạng của tôi mà thương hại tôi. Đồng thời cũng để cho ông biết không thể nào ép tôi được và xin phụ thân cho tôi được về. Bấy giờ có một ông bạn khuyên tôi cứ

---

(1) Diễn xuôi: Trăng xế, đèn tàn, người đã vắng,  
Ta vẫn còn say sao mà khó ngủ?  
Bạn bè cười ta bảo nghĩ kế về,  
Ấy đã biết ý ta nhưng mà lý chưa phải như thế.

(2) Diễn xuôi: Trống canh nơi lầu cao giục canh khuya,  
Rảo bước bồi hồi còn chưa ngủ được.  
Có người khuyên ta gấp sao chịu vậy,  
Khi nghe ta kể đầu đuôi lại bời bời cho ta.

trốn về, cần gì phải xin xỏ như thế cho khổ. Nhưng tôi lại nghĩ: ông ta là một vị đại thần, cầm quyền bính trong cả nước. Nếu mình chốn về, ông chỉ cần cho một cái công văn bảo quan Thự trấn bắt, thì có khó gì. Vì vậy, tôi đành phải quy lụy, cầu xin cho được. Ông bạn cũng gật đầu cho là phải.

Một hôm Quận hầu vừa mới dựng xong một cái nhà thủy tạ, có đủ phòng khách, nhà ngoài. Ông đến xin tôi đôi câu đối. Ý ông muốn có những câu đối theo lối phù hoa nhưng tôi thì đã quen với cái thú khói mây, cái cảnh nhàn dật rồi, không biết làm thế nào. May có quan thị trấn Lạng Sơn nhận việc Khâm mạng về Kinh dự Nhân tế <sup>(1)</sup>. Lúc ông đến chơi, tôi nhờ ông làm hộ. Ông nhận lời ngay vài hôm sau, ông cho người đưa đến <sup>(2)</sup>.

Tôi nhận được mấy câu đối này mừng lắm, đem đến nhà Quận hầu. Ông xem khen ngợi:

- Chữ nào cũng trong sáng, mới mẻ, thực là nhà ngọc phun châu, cầm tâm tú khẩu ít ai sánh kịp. Tôi cười mà rằng:

- Không phải tôi làm đâu! Ông cứ xét lời văn và mạch văn thì rõ ngay. Quận hầu kinh ngạc hỏi:

- Còn ai vào đấy nữa.

- Đó là người anh đường huynh của tôi.

- Ông làm gì?

- Ông làm Thự trấn Lạng Sơn, sau được về, hiện nay chỉ lo dạy học trò.

---

<sup>(1)</sup> Phụng chỉ dụ đi tế một vị thần nào quá cố.

<sup>(2)</sup> Vì những câu đối này có tính chất khuôn sáo thông thường tán tụng phong cảnh

- Người tài hoa như thế này, chắc tài năng phải khác thường. Hiện nay thánh thượng muốn dùng những người tài, phụ thân tôi đã phụng chỉ đề cử những người hiền. Việc này dễ lắm.

- Anh tôi tự thấy mình tuổi đã già, chỉ mong sao được nghỉ ngơi, không muốn làm quan nữa.

Sau đó, anh tôi đến chơi, hỏi chuyện về những câu đối. Anh tôi nghe vậy rất lấy làm ân hận, nói:

- Nhà ta mấy đời khoa giáp, theo lời dạy bảo của cha ông, lấy việc xưng tụng nơi quyền quý làm xấu hổ. Lúc bấy giờ tôi cao hứng làm thay chú. Không ngờ muốn khéo hoá vụng thành ra mình cầu mong người khác biết đến, mang cái tiếng khoe tài mua danh để được tiến dụng. Tôi nghĩ lại cũng thấy mình có lỗi xin lỗi mình sơ xuất không còn cách nào khác.

## VỀ THĂM CỐ HƯƠNG

Một hôm, anh tôi và bà con họ hàng ở Kinh bàn việc cải táng một ngôi mộ tiền nhân. Định ngày xong, họ báo cho tôi biết. Tôi đến xin phép quan Chánh đường để về quê. Ông nghi, sợ tôi từ biệt để luôn tiện về Hoan - châu, nên tôi đến mấy lần, ông vẫn không cho gặp mặt. Tôi rất lấy làm buồn rầu không biết làm thế nào. Quận hầu bảo:

- Cụ cứ vào trong phủ mà chào.

Tôi vào phủ. Đến Hậu mã trụ sở đợi nửa ngày mới thấy quan Chánh đường ở trong phủ về. Tôi đem chuyện này nói. Lúc đầu ông không cho. Tôi nói:

- Tôi xa quê hương, xa mồ mả cha ông đã 20 năm nay, vì nghèo khó, tôi không làm sao về nhà thăm viếng.

Nay tôi đợi ơn được triệu về Kinh, đã được hơn nửa năm, nhưng vẫn chưa được về. Làm con như vậy thực không đành tâm, xin cù lớn thương cho.

Lời nói và sắc mặt của tôi có vẻ nghiêm nghị. Quan Chánh đường nói:

- Nay việc thuốc thang cứ hỏi đến luôn, có mệnh triệu vào thì làm thế nào?

- Quê tôi cách Kinh đô chỉ có nửa ngày đường nếu có việc gì gấp thì đi về chỉ trong một ngày thôi, có gì đáng ngại?

- Cù phải làm một tờ khai nói xin phép về quê. Trong tờ khai nói vì việc cải táng, xin mười lăm ngày, sau đó lại lên Kinh châu trực thuốc thang.

Tôi xin đi một tháng. Ông nói:

- Mười lăm ngày cũng đủ để thu xếp việc nhà, hỏi thăm bà con rồi.

Tôi cố van nài mãi. Ông cho thêm năm ngày nữa.

Tôi biết cưỡng cũng không được. Bèn làm tờ khai dâng lên rồi từ biệt về nhà trọ, lòng mừng khôn xiết.

Tôi sửa soạn hành lý, mượn thêm mấy người lính tùy tùng còn năm người lính trước thì để lại coi nhà. Ngày mùng mười tháng chín, từ sáng sớm, tôi đi ra cửa ông Mạc. Cửa thành chưa mở. Lính canh thấy có thể “hành quân phù” bèn mở cửa cho đi. Đến bến Thanh Trì thì trời mới sáng. Tôi lên thuyền qua sông. Ngồi trong thuyền cảm thấy trong lòng man mác, tôi ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

Lạc phách giang hồ tam thập niên,  
Như kim phục thưởng Nhị - hà thuyền.  
Thiên lưu hợp phái hoành trung thổ,  
Tam đảo kinh vân lập viễn thiên.

Cảm tích nung nấu do vị dĩ,  
Hương vị bi khế từ khước du niên.  
Hạnh thừa chiếu mệnh lai kinh quốc,  
Đắc dư thân bằng tiểu nhất phiên.

Dịch: Lưu lạc giang hồ ba chục niên,  
Bằng nay sông Nhị lại lên thuyền.  
Nghìn dòng đất bằng tuôn nước xuống,  
Tam đảo trời xa tung mây lên.  
Thủ mối tình xưa còn man mác,  
Lòng quê nổi khách bỗng liên miên.  
Nay vâng chiếu mạng về Kinh quốc,  
Được cùng thân bằng cười một phen<sup>(1)</sup>.

Thuyền đỗ bến Bát Tràng. Tôi rời thuyền lên bộ. Hai bên đường, làng mạc sầm uất, đình chùa mái ngói đỏ san sát, hàng quán bán rượu bán nước liên nhau. Cứ đi một dặm, tôi lại cho những người tùy tùng dừng lại nghỉ, tôi lại chống gậy dạo chơi. Đi rồi lại dừng chẳng bao lâu đã sắp đến Liêu Xá là quê hương tôi. Qua cái cầu gạch, đi vào làng. (Trước làng có một con sông chảy ngang, có một cái cầu gạch).

Tôi vào nghỉ ở đình của thầy tôi. Người anh của tôi làm Thự trấn Lạng Sơn, có một cái đình ở làng. Chỉ có bà chị dâu trưởng là vợ anh Tiên thống nhất ở đấy để lo hương khói. Bà đã ngoài bảy mươi, tóc bạc như tơ, nhưng tinh thần vẫn còn tráng kiện. Thấy tôi, bà mừng

<sup>(1)</sup> Diên xuôi:

Phiêu bạt giang hồ ba mươi năm,  
Nay lại được lên thuyền sông Nhị - hà.  
Nghìn dòng tuôn nước xuống nơi đất bằng,  
Núi Tam - Đảo tung mây dựng ở phía trời xa.  
Cảm việc xưa, vui việc nay lòng còn man mác,  
Lòng quê nổi khách bỗng liên miên.  
May được chiếu mệnh lên Kinh đô,  
Được cùng thân bằng vui cười một phen.

mừng tủi tủi, sụt sùi nói chuyện. Tôi sống trong cảnh l  
thứ cũng buồn rầu khôn xiết.

Hôm sau, tôi đi dạo chơi trong vườn, để ý tìm  
xem những di tích ngày xưa. Đây là phòng ngủ của thầy  
tôi ngày xưa. Vườn cam ngày xưa vẫn là nhà khách, nhà  
sảnh. Đằng sau là nhà trong. Bên tả là nhà bếp, bên hữu  
là nhà học, di tích móng nhà cũ, gạch ngói vẫn còn, đều  
có thể tìm ra dấu vết. Đến một nơi nào tôi cũng băn  
khoăn suy nghĩ.

Thực sự đời biến đổi càng thêm buồn! Nhớ mấy  
câu thơ của bà "Thử ly"<sup>(1)</sup> tôi càng dửng dăng không nỡ  
rời chân. Nửa giờ sau tôi mới về đến nhà, chào bà con  
thân thích. Sau đó sửa soạn một cái lễ cao yết nhà thờ.  
Người trong làng cũng đem lễ đến mừng. Trong số  
những người già lẫn người trẻ hơn, mấy chục người  
nhưng tôi chỉ biết mặt có vài người. Tôi tặng tiền, mời  
uống rượu qua loa, và cũng ngồi nói chuyện. Từ hôm ấy  
người đến chơi cũng có người phải nói đến tên cúng cơm  
của cha ông, nói đến họ hàng thân thuộc như thế nào, và  
nghĩ mãi tôi mới nhận ra. Thấy cái cảnh xa cách như  
thế, tôi bèn khóc oà lên.

Tôi xa cách quê nhà đến nay bấm đốt đã 30 năm.  
Nay về thăm nhà thì vật đổi, sao dời, bà con không đông  
đủ, nhưng tôi không biết họ tên ai. Quả thực tôi là người  
vô tình bèn cảm hứng làm một bài thơ:

Cố hương nhất quý tình,

Khế khoát âm nhiên sinh.

Lịch lịch hy du địa,

---

<sup>(1)</sup> Thử ly: Bài thơ trong "Kinh thi" Một người đi qua cố đô nhà Chu thấy  
cung điện xưa đã thành ruộng lúa, cảm động làm bài này

Du du cảm động tình.  
Tùng thu tân sáng tự,  
Hoa thảo cựu thời đình.  
Tương kiến nhi đồng bối,  
Hàm hồ nhận nhu danh.

Dịch: Chợt về thăm viếng cố hương,  
Bỗng dừng trăm nỗi ngổn ngang bời bời.  
Kia nơi thủa trước đùa chơi,  
Xiết bao nỗi khách cảm hoài khôn khuây!  
Này chùa dựng cạnh lùm cây,  
Này nơi đình cũ đã đầy cỏ hoa.  
Cùng đàn em nhỏ lân la,  
Kể tên hồi trước nhận ra mặt mờ<sup>(1)</sup>.

Hôm sau, tôi sắm sửa vàng hương, tiền giấy, đi thăm mộ và lễ ở các nhà thờ vị thần ở miếu làng. Công việc xong, tôi rủ mấy người em họ ra chơi, nói chuyện ở cái cầu làng.

Nguyên làng tôi có cái đầm nhỏ hình cái bầu. Làng có hai xóm: một xóm trong, một xóm ngoài. Ở giữa bắc một cái cầu để hai bên đi lại. Trên, mặt cầu, dựng một cái nhà ngói, hai bên bắc ván. Bên ngoài có đóng bao lơn bằng gỗ để người đi chơi nghỉ ở đấy. Đàn

<sup>(1)</sup> Diên xúi:

Chợt về thăm cố hương,  
Lòng cảm thấy buồn ngổn ngang.  
Những nơi chơi bời ngày trước còn đó,  
Đặc đặc mối tình cảm động.  
Chùa mới dựng cạnh cây tùng cây thu,  
Hoa cỏ ở đình hồi trước.  
Gặp những em nhỏ,  
Nhận tên cùng con hồi trước một cách mặt mờ.



bà trong làng đến đấy ngồi bán nước chè, bán rượu, bánh trái, nem chả. Lúc còn bé tôi thích ra đấy chơi, ngày nào cũng vậy. Đầu mùa hạ, mưa to, nước sông lớn chảy vào mạnh, tôi thường cùng anh tôi (bây giờ là Thự trấn Lạng Sơn) ra đấy tắm nào hụp nào lặn, đến đêm khuya mới về. Tôi còn nhớ anh Thự trấn Lạng Sơn có bảo tôi:

- Chúng mình còn nhỏ, nên chơi bời thoải thích. Mai sau lớn lên làm quan xa cách giang hồ, làm gì có dịp ngày ngày vui đùa với nhau ở đây nữa. Nay anh tôi quả nhiên thi đỗ, còn tôi thì phiêu bạt giang hồ, há chẳng phải một câu sấm của trẻ con đó sao? Tôi kể chuyện ngày xưa cho mấy người nghe. Lòng hoài cổ bỗng nổi dậy, tôi ngâm một bài thơ:

Thiếu thời du ngoạn xứ,  
Mỗi vọng, mỗi tư ta.  
Kỷ độ phi hoàng điệp,  
Trùng lai vọng bạch ba.  
Hoàng kiều y cựu khúc,  
Đoàn thụ chí kim tà.  
Gió nguyệt thời nhân khứ,  
Thân bằng kỷ tại gia.

Dịch: Những nơi tuổi trẻ đùa chơi,  
Càng trông thì lại càng khơi nỗi buồn.  
Lá vàng mấy độ bay dồn,  
Trở về, trông thấy sóng cồn trắng phau.  
Cầu ngang in cũ quanh queo,  
Cây xita nay vẫn đứng nao tà tà.  
Tháng ngày giục khách đi xa,  
Thân bằng còn ở quê nhà mấy ai<sup>(1)</sup>?

Chùa Từ Vân trong thôn ta được quan Thự trấn Lạng Sơn, quan Đốc đồng bỏ tiền ra xây dựng, thực là tráng lệ. Trước chùa, có một cái hồ. Năm ngoái, không biết ở đâu bay đến mà trong hồ mọc lên những chồi sen đỏ. Năm nay, hoa, lá toả ra khắp cả mặt hồ, hương thơm ngào ngạt, thực là một cái điểm ít có. Chúng tôi cho rằng trong làng thế nào cũng có người thi đỗ. Nay thấy bác về làng, có lẽ ứng vào điểm lành này.

Tôi cười:

- Phàm con người nào ở ẩn thì giữ được đạo, ra đời thì cứu dân, người ấy mới là hạng người có sự nghiệp. Chứ như tôi là hạng người bỏ đi. Tình cờ mà được chỉ triệu. Trong lòng rất lấy làm xấu hổ, đau đám ứng vào cái điểm lớn kia.

Bác không nên coi thường việc thân ứng!

<sup>(1)</sup> Diên xuôi:

Những nơi du ngoạn trong lúc còn trẻ,  
Mỗi khi nhìn thì lại thở than.  
Lá vàng bay đã mấy lần  
Bay giờ trở lại trông thấy sóng trắng.  
Cầu ngang còn cong như xưa,  
Cây ngấn nay đã nghiêng tà tà.  
Tháng ngày giục người ta ra đi,  
Thân bằng ở nhà còn bao nhiêu người nữa?

Chúng tôi dắt nhau lên gác chuông ngắm cảnh.  
Các công tử giục tôi làm thơ. Đang lúc cao hứng, tôi  
đọc:

Tiêu điều loạn hậu cảnh,  
Kim nhật thủy trùng quang.  
Cổ tỉnh trùng lưu nguyệt,  
Phi niên thủy thổ hương.  
Lầu cao hương trung cổ,  
Tùng tĩn vân sinh hoàng.  
Phi điều ưng tri quyền,  
Khuyh sào tại dị hương.

Dịch: *Cảnh sau hồi loạn tiêu điều,  
Ngày nay lại mới có chiếu phong quang.  
Giếng xưa, trăng rặng in gương,  
Sen đâu bay đến, mùi hương ngát ngào.  
Lầu cao, chuông trống vang thâu,  
Ngọn tùng, tiếng sáo vi vu từng hồi.  
Chim bay chùng đã mỏi rồi,  
Cũng đành làm tổ xa nơi quê nhà<sup>(1)</sup>!*

Các công tử cười:

- Thế ra “con chim đã biết mỏi” rồi đấy!

- Kể đi xa ai khỏi buồn khi nhớ quê nhà. Hưởng  
chí, cái vui nơi quê cha, đất tổ đã muộn rồi. Đường thi  
có câu:

---

<sup>(1)</sup> Diên xuôi:

Cảnh tiêu điều sau khi gặp loạn.  
Ngày nay mới khôi phục lại.  
Giếng xưa phẳng lặng rặng in mặt trăng.  
Hoa sen bay ngát mùi hương chi điểm tốt.  
Lầu cao tiếng chuông trống vang dội.  
Ngọn thông phẳng lặng, tiếng sáo nhịp nhàng.  
Chim bay chùng đã biết mỏi.  
Làm tổ ở nơi quê người.

Mạch thượng quy tâm vô sản nghiệp.

Thành biên chiến cốt, hữu thân chi.

*Trên đường nhớ nhà, không có sản nghiệp<sup>(2)</sup>.*

*Bên thành chết trận có bà con.*

Câu này thực trùng vào bệnh của ngu huynh.

Đang trò chuyện, chợt nghe tiếng chuông chùa  
lạnh lạnh. Tôi nói:

- Tiếng chuông ở đâu mà khéo trêu người ta vậy.
- Chuông chùa Liên Xuyên đấy!
- Ai tu ở đấy?
- Thiếu sư họ Thủy.

Tôi mừng rỡ:

- Ngày xưa, anh cũng có quen ông ta qua loa.

Bèn cùng các công tử đến chùa. Mới đến cửa  
tùng đã thấy nhà sư chống gậy đứng cạnh sân Đàm hoa  
(hoa sung). Thấy tôi, nhà sư mừng rỡ không xiết, mời  
vào phòng, pha trà, nói chuyện. Sư cụ nói:

- Bản tăng vẫn nghe ngài cao ngạo ở một nơi  
nước trong, núi mát, cảnh trí u nhàn vượn hạc đi từng  
đàn, khói mây đầy cả cửa. Bản tăng muốn du phượng  
đến đó nhưng không có cách nào đi.

- Người gặp được cảnh nên người vẽ vang, cảnh  
gặp được người nên cảnh càng thú. Cái cảnh núi, vườn  
của tôi cũng dễ chịu. Anh tôi thích nó nhàn hạ, tịch  
mịch nên có dựng một vài mái chùa con ở dưới bụi cây  
rậm. Bên ngoài có một cái gác chuông. Sáng, chiều  
thỉnh dâm ba hồi chuông cho sạch lòng trần.

Sư cụ nghe vậy, chấp tay nói lớn:

---

(2) ý nói không phải vì tài sản mà nhớ quê nhà. Xương bà con chết trận chôn  
bên thành.

- Thảo nào! Thanh nhàn tự tại, thú vị như thế nên công danh không thay đổi được cũng là phải.

Mặt trời sắp lặn. Các công tử thấy tôi định từ biệt, nói:

Vườn này tuy ở nơi thôn dã, nhưng hoa cỏ u nhàn, cũng đáng vịnh một bài thơ. Sao bác không làm?

Tôi nói:

- Xin để một bài thơ ở phòng thiền để lưu biệt!

Sư cụ nói:

- Ngài có lòng như thế còn gì bằng!

Bèn đưa giấy mực đến. Tôi viết... <sup>(1)</sup>

Đề xong, tôi từ giã sư cụ ra về. Bấy giờ là ngày giỗ cụ Thượng thư là chú tôi. Ông Đốc đồng tuy đi làm quan ở xa, nhưng đến ngày ấy cũng về. Cúng xong, hôm sau ông đặt tiệc ở chùa Từ Vân, cho mời tôi và các công tử đến dự. Đến chiều, các công tử đem mấy bài thơ của tôi ra bình phẩm... Bấy giờ các cháu ngồi đông đủ cả. Quan Đốc đồng nói:

- Các cháu còn nhỏ không thấy mặt cụ thượng nhà ta. Muốn thấy thì cứ nhìn mặt bác đây là rõ!

Tôi cười:

- Tôn thúc lông mày rậm. Mái tóc dày, tôi giống thế nào được?

Các công tử nói:

- Nhìn kỹ, thực không sai chút nào.

Chuyện trò, uống rượu say tí, đến đêm khuya, mới giải tán về nhà. Các ông cho tôi mới về quê, không có gì vui. Ông Đốc đồng đưa giấy bảo em rể là ông Viên hình chuẩn bị một chiếc thuyền. Rồi hẹn với ông Thự trấn

---

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ

Lạng Sơn, ông Viên lễ (tức là em họ tôi) sắm sửa rượu và đồ nhắm để cùng đi thuyền với tôi, định chèo thuyền ra giữa đầm Hồ Lô mà thưởng trăng, ngâm thơ, thuận dòng nước mà đi suốt một tuần. Lại có người làng đến nói:

- Nay nhân đình vừa dựng xong, có làm một bữa tiệc, có cả ca hát, xin cụ định ngày đến dự.

Tôi cũng đem ba quan tiền hương đến cúng. Bấy giờ có quan Phủ doãn Thừa Thiên đến xem mạch. Nguyên ngày tôi lên Kinh, ông có bệnh đã lâu, có người đến xin thuốc. Khi biết tên tôi về quê thì bệnh ông đã suy nhược lắm. Tôi bảo làm một tễ thuốc cao, một tễ thuốc viên dùng xen với nhau. Ông thấy tôi về làng, hết lòng chữa bệnh cho nên có làm thơ cảm tạ...

Đến ngày hẹn, ông Viên hình cho người chèo hai chiếc thuyền đến. Ông Đốc đồng cho người sắm sửa hành lý để xuống thuyền.

## VÀO PHỦ CHÚA CHỮA BỆNH

Nhưng vừa mới quá trưa đã thấy người dịch mục của quan Chánh đường đem sáu người lính đến. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Có việc gì thế?

- Có thánh chỉ triệu cụ về. Cụ lớn truyền cho chúng tôi đi từ nửa đêm. Gà gáy, chúng tôi sang dò, đi một mạch đến đây. Xin cụ về Kinh ngay, việc này không thể trì hoãn được.

Tôi nghe vậy than thầm: Mình thực làm tôi tớ cho cái xác thịt. Rõ tiếc! Mất cả hứng. Như thế này thì làm thế nào bây giờ?

Tôi không còn cố thì giờ từ biệt các công tử, chỉ đến chào bà chị dâu rồi búi ngủi lên đường.

Tôi phải đi gấp. Đến chiều, đến trạm nghỉ. Ăn cơm xong, lại đốt đuốc đi ngay. Trống canh hai, đến bến Bát Tràng. Bấy giờ gió thổi rất mạnh. Sóng nổi cuộn cuộn. Tôi bảo người dịch mục:

- Đi dò nhỏ qua sông thì khó lắm. Nếu đi thuyền buồn thì cũng không vào được cửa phủ đâu. Ta hãy tạm nghỉ lại. Sáng mai, chúng ta ra đi thực sớm cũng kịp chán.

Tôi bèn vào hàng cơm, cho quân lính nghỉ ngơi.

Gà gáy, chúng tôi qua sông. Cuối giờ thìn, đến dinh quan Chánh đường. Tôi sửa sang áo mũ, vào trong phủ.

Bấy giờ Thánh Thượng đang nghỉ ở Đông cung. Chánh đường còn nghỉ ở ngoài cung Thập tự. Thấy tôi, ông mừng rỡ, cười:

- Sao về chóng thế?

- Chúng tôi đi suốt đêm.

Chánh đường đuổi tả hữu, gọi tôi đến gần bảo thầm:

- Tuần nay Thánh thượng ra cung Vọng hà xem thuỷ quan chèo thi, bị cảm gió. Đã 5,6 năm nay người mắc một chứng cố tị, nguyên khí ngày một hao mòn, cho nên mới cảm đã trăm trọng ngay. Cụ nên châu trực ở đây nhé.

Nói xong, ông vào cung.

Tôi ngồi đợi đến lúc trời xẩm tối. Quan Chánh đường ra bảo thầm:

- Người đang lên cơn sốt âm nhiệt, không vào được. Cụ ngủ lại đây, sáng mai vào chầu.

- Tôi đi đêm sương gió nhiều. Xin cho về nhà trọ điều dưỡng. Sáng mai, sẽ vào trực sớm.

Tôi được phép về nhà trọ. Sáng hôm sau, tôi lại vào. Trong lúc đi, người đi gọi đến ba lần. Bọn lính không cồng chạy thật lực, hạ ai bất kể sang hèn, cũng đâm sỏ vào. Đến cửa phủ đã thấy quan Chánh đường đứng đợi ở dưới thềm. Ông bảo tôi đi theo đến cửa cấm, ông bảo:

- Cụ đứng đây đợi mệnh.

Ông vào. Một lát thấy quan Nội sai Trạch trung hầu ra truyền mệnh sai đưa tôi vào. Qua một cái hành lang độ mười bộ, lên một cái nhà cao. Sau nhà, có một cái phòng rộng. đó là nơi ngự tẩm. Quan Nội sai kéo ống áo tôi và vén trướng gấm lên. Đi qua mấy lần màn nữa, thấy Thánh thượng ngồi trên một cái võng diêu, mắc ngang trên một cái sập thiếp vàng. Trên sập trải nệm gấm. Bên phải là ngự sàng (giường ngự). Trên giường, quây một cái mùng sa thêu kim tuyến. Ông Chánh đường và ông Tham đồng (ông này người Việt An, nhờ nghề thuốc mà đặc dụng) đang chầu ở đây. Bấy giờ chỉ có Trạch trung hầu đang chầu chực ở đấy. Cạnh chỗ ngự tọa có một cái trướng gấm. Trong trướng, có tiếng thì thào. Có lẽ cung tần thấy có khách nên lánh vào đây. Trước sập, thấp một cây đèn sập to cắm trên cây nêu bằng đồng.

Tôi đứng yên ở trước sập ngự, cách sập ngự chừng mười bước. Tôi giơ tay lên trán định lạy. Chánh đường truyền lệnh:

- Cho miễn lạy!

Thấy tôi, Thánh thượng ngoảnh lại bảo quan Chánh đường:



- Trông giống thầy Liêu lắm!

“Thầy Liêu” tức là chú <sup>(1)</sup> của tôi. Chánh đường bảo tôi đến bên sập hầu mạch. Tôi khúm núm đến. Tham đồng bảo tôi ngồi giữa. Tôi đi lách vào ngồi giữa. Chánh đường và Tham đồng ngồi hai bên. Sau lưng là tường, cách sập chừng hai thước, ngồi nép vào bên sập.

Thánh Thượng xuống võng, ngồi lên đệm gấm, quay về phía bên trái, đặt tay lên cái gối bằng gấm, bảo quan Chánh đường xem mạch, rồi đến tôi xem mạch. Xem xong, đến quan Tham đồng. Bấy giờ tôi chỉ cách mặt người độ vài thước. Tôi cứ phải cúi gằm xuống không dám ngẩng mặt lên. Quan Chánh đường bảo tôi:

- Cụ thấy như thế nào thì cứ tâu thực.

Tôi tâu:

- Thần căn án mạch: hai bên tả hữu bộ quan và bộ thốn đều to, nhanh và huyền, tả xích trầm, nhanh, hữu xích nhỏ và nhanh, đề tay vào thấy nó yếu.

Thánh Thượng hỏi hai vị kia thấy như thế nào, có ý kiến gì khác. Hai người tâu:

- Chúng tôi cũng thấy thế nhưng không “huyền”.

Thánh Thượng bảo hai ông ra ngoài rồi truyền tôi kê phương thuốc để dâng lên. Tôi cùng hai người ra cửa cung ngồi ở “Thị kỵ điểm” Quan Chánh đường kể cận kê nguồn gốc bệnh và các chứng rồi hỏi nhỏ:

- Bệnh ấy thế nào?

Tôi nghĩ bụng: Mình gầy, da khô, nước tiểu vàng và đục, đại tiện không tiêu, bụng đầy, thỉnh thoảng ợ hơi. Lại có cơn sốt, miệng khát, lưỡi nê, ho thất thanh. Những chứng này đều là do tinh khô, huyết kiệt, mạch

---

<sup>(1)</sup> Lê Hữu Kiều đỗ Tiến sĩ, làm thượng thư bộ Lễ

nhANH quá. Chỉ sợ vị khí suy yếu quá. Có lẽ các thầy điều trị không biết cách bổ chứ không phải do bệnh gây ra. Nếu thế thì hoá chẳng có thể cứu vãn được. Tôi nói:

- Chưa dám nói khó dễ thế nào, chỉ xin dâng một chén thuốc. Nếu thấy sáu mạch hoà hoãn thì mới khỏi lo.

Hai ông giục tôi kê đơn. Tôi viết:

*Tiểu thần Lê Hữu Trác xin trình:*

*Xin phỏng dùng thang "bát vị" gia giảm làm cao: Thục địa 5 lạng, Sơn thù 2 lạng, Mẫu đơn 1 lạng 5 đồng. Bạch linh 1 lạng 5 đồng, Mạch 1 lạng 2 đồng, Ngũ vị 8 đồng, chế phụ tử 5 đồng, Nhục quế 5 đồng.*

*Đổ vào nồi đất nấu thành cao. điều với cao Lộc nhung 2 lạng, cao Câu kỷ 1 lạng, trộn bột Nhục quế cất kín. Dâng ngự mỗi lần một muổng hoà với nước sâm đặc, Thần cảm khái.*

Đến chiều, lại thấy quan Nội sai Trạch trung hầu ra triệu quan Chánh đường, quan Tham đồng và tôi vào. Tôi cũng xem mạch như lần trước. Xem xong, Thánh thượng hỏi:

- Mạch hồng sắc sao lại còn dùng quế, phụ?

- Thần trộm thấy ngự mạch không có sức thì dù có nóng sốt cũng chỉ là giả nhiệt. Nay xem lại quả thấy mạch thượng thực, hạ hư. Bài thuốc ấy tiến lên là ổn đáng.

- Đã nhiệt sao bụng lại đầy mà cơm không tiêu?

- Thần trộm thấy trong phương thư nói: xem mạch mà "vô thần" thì đó là cái hoạ nổ ra ngoài da, bên ngoài thì nhiệt mà bên trong thì hàn. Vì thượng thực, hạ hư nên bụng đầy và ăn lại không tiêu.

- Ở trong hàn sao nước tiểu lại vàng và đục?

- Thân thầy, Nội kinh có câu: “ trung khí không đủ thì đại tiện bất thường”. Không phải trung “thực” thì mới nhiệt.

- Ông này kiên quyết như thế, tất là có định kiến. Cứ y theo bài thuốc ấy bốc thử một chén xem sao.

Hai ông kia cũng nói:

- Bài thuốc này ổn đáng lắm.

Ba người cùng ra “Thị kỵ điểm” ngồi. Quan Chánh đường có ý ngăn ngại, nói:

- Mạch đã hồng, sắc lại dùng quế, phụ cho nó nóng thêm. Ngộ nhờ không phải hoà hư thì thế nào? Cụ cứ cố chấp như thế, tôi sợ lắm.

Tham đồng nói:

- Lửa cháy, đổ dầu thêm. Nếu không biết đích xác, thì ai dám làm liều.

- Búa rìu ở trước mặt, tôi phải dầu không biết sợ hoạ phúc hay sao? Vả lại, trước đây đã tiện thuốc mát mà nhiệt không bớt, lại còn đẩy thêm, thì đích là trung hạn, chứ còn ngại gì nữa.

Tham đồng khen:

- Có lý lắm.

Chánh đường cười:

- Thì bốc ngay đi.

Chánh đường sai quan Hữu viện tu phiên đem hòm ngự dược đến. Chúng tôi cân từng đồng, từng lạng thực đúng rồi giao cho Thị dược quan sắc. Hai ông về nhà. Tôi ngồi lại nói chuyện với quan Hữu viện y. Bỗng thấy một hoạn quan đứng cạnh cái non bộ gần nhà

“Quảng đường” cách tôi vài chục bước, lấy tay vẫy tôi. Tôi đứng dậy. Ông bảo:

- Thánh mẫu truyền: mời cụ vào xem mạch, nặng, nhẹ thế nào cụ cứ nói thực.

Tôi suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Tôi là kẻ quê mùa. Nay bỗng chốc được vào triều yết kiến thiên nhan, lòng tôi thấy sợ hãi, mười phần không nói ra được một. Tuy đã biết mạch tình, nhưng còn sợ nhận xét chưa đúng. Xin cho dâng một chén thuốc, sau đó sẽ rõ. Nhờ ông xét cái tình thực của tôi mà bầm hộ cho.

Ông vào trong cung cấm. Tôi quay lại hỏi quan thầy thuốc trực nhật ở đó. Ông nói:

- Đó là quan Nội sai Thẩn trung hầu.

Tôi ra cung Thập Tự xin phép về nhà trọ. Chánh đường nói:

- Sáng mai phải vào hầu sớm.

Tôi ra về. Đêm hôm ấy, nửa canh năm tôi đã đến phủ. Cửa phủ chưa mở, tôi chờ cửa mở mới vào. Thấy tôi, Chánh đường có vẻ mừng rỡ. Tôi cũng mừng thầm: chắc quế, phụ không nhiệt rồi! Chánh đường nói:

- Thuốc của cụ tiến một nước thì êm, bớt ho. Đến gà gáy lại theo đơn uống một nước nữa thì nước tiểu lợi, bớt vàng, nhiệt cũng giảm.

Ông bảo tôi đi theo. Đến cửa cấm, ông dặn tôi đứng ngoài đợi. Ông vào trước. Độ nháy mắt, có lệnh truyền cho tôi vào. Lại cho xem mạch. Thánh thượng hỏi:

- Uống thuốc này đã hơi dễ chịu. Đã hơi muốn ăn. Bây giờ làm gì.

- Sức thuốc còn ít, chưa có công hiệu. Xin cho chế một bài nấu thành cao, để cho khí được thuận, sức của nó được đầy đủ, thì mới nhuận bổ được.

Thánh Thượng bảo quan Chánh đường chế thuốc nấu thành cao ngay. Chánh đường cùng tôi ra “Thị kỵ điểm”. Ông về nhà ăn sáng, dặn tôi:

- Cụ sẽ được ban cơm ở đây.

Một lát, thấy lính hầu bếp bưng ra một mâm cơm. Cố nhiên toàn là thức ăn ngon. Từ đấy, ngày ba bữa tôi được ban cơm. Ăn xong, đến chiều, Chánh đường đến “Thị kỵ điểm” bảo tôi, cân thuốc chế cao. Tôi chọn những vị thuốc tốt. Lọc nhưng chỉ dùng nhưng bắc nơi huyết còn ngưng, 10 lạng nấu thành cao được 2 lạng. Lại lấy đại nhân sâm 1 cân hạng 4, 5 chỉ, nấu làm thang. Chế xong, Chánh đường bảo giao cho quan “Thị trà” trông coi việc nấu cao.

Lại thấy ông Thần trung hầu hôm trước đến bảo tôi:

- Thánh mẫu truyền tôi nói cho cụ biết. Người thấy Thánh Thượng “ngự chè” đã được thanh thái nên rất mừng. Người lại “ban” hỏi cụ: người thường có cái bệnh đau tức ở hông đã hơn năm nay. Nay “ban cho” cụ điều trị thì có chóng khỏi không?

- Đó là bệnh thường. Lẽ ra thì không khó gì. Còn chóng hay chầy thì phải chờ mạch rồi mới biết được.

Thần Trung hầu đi. Lại thấy Trạch Trung hầu từ trong cung cấm ra. Ông vào “Thị kỵ điểm” nói:

- Phụng chỉ ban thưởng cho cụ đây.

Chánh đường bảo tôi:

- Cụ quỳ xuống.

Trạch trung hầu xuống:

- Kính mừng: vâng lời thánh chỉ, ban khen lão sư vào châu đối đáp minh bạch rõ ràng lại hiểu mạch. nay ban thưởng một cái “thái ngư”. Lại sẽ ban áo mát, áo ấm để tiện khi vào châu.

Chánh đường bảo tôi đứng dậy rồi bảo Trạch trung hầu:

- Xin bác “chiếu lệ” cho!

Trạch trung hầu vào cung cấm. Tôi không hiểu đầu đuôi ra sao, hỏi Nội viện nhất thủ phiên:

- “Chiếu lệ” là gì?

- “Chiếu lệ” nghĩa là theo lệ. Phàm khi nào ban tứ cho người khác xong thì mình phải lấy.

- “Thái ngư” là gì?

- Một cái “thái ngư” là cho mười quan tiền!

Tôi cứ hỏi vặn mãi vì không hiểu công việc ra sao, thật là buồn cười.

Có một người khách là Chú Bảy đến xem tôi chế thuốc. Chú nói:

- Thánh thượng giàu có bốn bể. Sáu, bảy năm nay dùng thuốc chẳng qua độ 3, 4 tiền. Một tề có hết một ngàn quan thì mới là bậc vương giả dùng thuốc chứ!

Chú vốn được nuôi dưỡng, nên cứ bạo miệng chẳng kiêng sợ gì. Từ đó, tôi với chú chơi thân với nhau. Vì tôi là cậu cháu Bảy, chú cũng tên là Bảy, mà hai lần bảy là mười bốn, nên trong cung xuất hiện danh từ “mười bốn”. Tôi với chú cùng ăn một mâm, cùng ngồi một chiếu, chơi bởi rất là thân thiết. Nguyên chú có học thuốc theo trường phái vương đạo <sup>(1)</sup>, trước kia chủ thấy

---

<sup>(1)</sup> Vương đạo. Người làm thuốc Đông y có chia hai phái Vương đạo và Bá đạo. Bá đạo thì thiên về công phạt, thấy hàn trị hàn, thấy nhiệt trị nhiệt. Vương

Thánh thượng dùng toàn lương được và các thứ tiêu dao, thường cố sức xin uống bổ. Nhưng vì trái ý mọi người, nên không được dùng. Chú vẫn lấy làm bực mình, không nói với ai được. Nay thấy tôi bốc thuốc bổ cho nên cố nhiên tâm đầu ý hợp, đối xử với nhau hết sức thân mật.

Quan Chánh đường bảo tôi:

- Cụ phải về nhà ngay để sắm sửa áo mũ sáng mai vào chầu. Ban tứ là việc quan trọng, không thể coi thường. Nếu ngày mai vào chầu mà còn như thế này, thì tức là coi thường ân huệ của nhà vua, tội đáng chết đấy.

Tôi sắp đi, ông còn dặn đi dặn lại hai, ba lần.

Tôi nói:

- Xin vâng.

Rồi ra về. Hình như Chánh đường biết bụng tôi không lấy việc được ban lộc làm vinh, cho nên phải dặn dò như thế. Tôi cũng nghĩ thầm: mình tuy không phải đã bỏ quên việc ở ẩn, nhưng nay hãy tạm nhận, rồi sau rút đi cũng được.

Tôi bèn sai người đến chỗ bạn bè mượn áo mũ.

Chiều hôm ấy, thấy người dịch mục của quan Chánh đường đem đến nhà trọ mười hai quan tiền. Đến canh hai, lại thấy lính bung mâm cơm “ngự soạn” đến ban tứ, Họ đều có vẻ sợ hãi, nói:

- Chúng con tìm khắp mọi nơi, cho nên mới chận đến giờ. Xin cụ tha lỗi cho.

Tôi cũng theo lệ cho tiền, nhưng họ từ tạ ra về, không dám nhận, vì họ thấy tôi ra vẻ quan dạng, vui vẻ nói:

---

đạo thì chứa vào càn bạn hao giờ cũng bám giữ chân nguyên. (xem tập 2 trang 180 và tập 3 trang 35).

- Chiều qua, Thánh thượng đã hết cơn sốt, bụng đỡ đầy, nước tiểu đã trong. Đêm nay đã “ngự tiến” ba lần thuốc cao.

Tôi nghe vậy, cũng mừng thầm. Tôi cùng ông vào châu mạch. Lúc ấy, Thánh thượng ngự trên võng, trái nệm gấm. Người cười bảo quan Chánh đường và quan Tham đồng:

- Hôm nay cử động đã nhẹ nhàng, dễ chịu. Có lẽ nhờ sức quế, phụ chuyển vận mạnh. Bụng đã thấy đói. Nếu cứ dùng lương dược, chẳng hoá lăm sao?

Chánh đường tâu:

-Chúng con thấy dùng quế, phụ thực là hoảng sợ. Bây giờ mới biết giả nhiệt gặp quế, phụ thì mát.

- Chắc ông ta dùng đã quen, nên mới dám dùng chứ?

Chánh đường tâu:

- Con vốn lắm bệnh nên lo kiếm thuốc, mời khắp các thầy. Khi con phụng mệnh vào Hoan Châu thì gặp được người này. Ông ta là người quê mùa, ăn nói vụng về, nhưng về mặt hiểu sâu sắc trong y lý, thì tưởng thầy thuốc trong thiên hạ không ai hơn được.

Tôi nghe quan Chánh đường nói vậy mà dựng cả tóc gáy: chuyến này thì mắc vào vòng, trời cứu cũng không thoát được!

Sau đó mọi người lại đưa nhau ra “Thị kỵ điểm”, ông Tri bình quan cầm tay tôi:

- Hôm nay tôi mới nở từng khúc ruột!

Ông Hầu điểm là Tri hộ quan trách quan Chánh đường:

- Có người như thế sao mãi đến giờ mới tiến vào?



- Đã cử vào hầu Thế tử hai tháng trước nhưng không được dùng đây chứ.

Tiếng tăm của tôi bấy giờ vang khắp phủ. Lúc ngồi, thường thấy có người nhìn trộm. Đến quá trưa thấy Nội sai gọi tôi vào chầu Thế tử và truyền cho Chánh đường.

- Từ nay chỉ cho lão sư được chầu thuốc, không được dùng một ly thuốc nào của ai nữa.

Chánh đường vâng mệnh đưa tôi vào cung, đến phòng ngủ của Thế tử. Tôi thấy lầu, gác trùng trùng. Phòng ngủ của Thế tử ở bên trái phòng ngủ của Thánh thượng. Tôi theo quan Chánh đường vào châu mạch. Thế tử bấy giờ đã gầy gò lắm. bụng to, da bóng, gân xanh, rốn to hơn một tấc, hơi thở thoi thóp, mạch trầm tế, vô thần!

Tôi nghĩ: lúc mình thấy lần đầu thì nom còn có da, có thịt, mạch còn hồng, huyền. Nay đã đến thế này, thực không còn cách gì cứu chữa! Người xưa nói “tứ chứng nan y” là nói chứng này đây. Người ta chỉ nói “bệnh cam” mà không nói “bệnh cổ” vì kiêng, không dám nói.

Xem xong, tôi từ tạ lui ra. Chánh đường bảo tôi ra cung Thập tự. Ông ghé tai tôi hỏi nhỏ:

- Cụ xem thế nào?

- Tinh thần suy kiệt lắm rồi! Thế không qua được đâu!

Ông nghe vậy, thở dài một tiếng, nằm vật xuống sập. Tôi hiểu Thánh thượng cất nhắc ông, dãi ông làm tâm phúc, lấy ông làm vây cánh là muốn thác cô đó thôi. Đột nhiên, nghe tôi nói thế cho nên ông mới đến nổi ra như vậy. Ông hỏi:

- Nếu cụ đem hết sức mình cứu chữa thì còn có hy vọng gì không?

- Hoặc giả vì uống thứ thuốc khắc phạt, nên tinh, khí khô kiệt. đó là vì thuốc gây ra chứ không phải vì bệnh. Nay dùng thuốc bổ thì cũng như hạn hán lâu ngày gặp mưa, trong vài ngày có thể biết tính mạng ra sao.

- Thế thì chế thuốc ngay!

Tôi theo bài thuốc đã dâng ngày trước mà bội thêm lên, lại thêm một ít trầm hương.

*Bạch truật 4 lạng, tằm sao, thực địa 1 lạng, nướng, can khương 6 đồng, sao đen, ngũ vị 4 đồng, sinh trầm hương 2 đồng. Nấu thành cao, điều với nước bắc sâm sắc đặc mà uống.*

Chế xong, Chánh đường bảo Phó A Bảo Tri hộ quan theo phép sắc thành cao. Đến chiều, tôi xin về. Quan A bảo nói:

- Cụ thạo cách chế thuốc thì phải ở đây mà châu chực.

Tôi nói dối có bệnh yếu dạ, ở đây không tiện việc đi ngoài. A bảo nói:

-Thầy thuốc mà kêu có bệnh, thì ai để cho mình chữa. Đây có nhà xí ở châu thành rất vắng vẻ, sạch sẽ. Đằng trước có một cái ao, rất tiện.

Tôi cứ xin về, để lại học trò là Hồ Tuy coi việc nấu thuốc. A Bảo mới chịu.

Từ đấy, mỗi khi vào thăm mạch Thánh Thượng, tôi lại đến thăm Thế tử. Tôi thấy thuốc của Thế tử đã sắc thành cao rồi, nhưng vẫn chưa được dùng, vì có người thưa với bà Chánh cung: xưa nay thuốc Thế tử “ngự” dùng không bao giờ dám dùng bạch truật và thực địa, vì truật thì bế khí mà thực thì trệ tỳ. Nay dùng đến 3, 4 lạng thì

đáng sợ lắm. Uống vào, đại tiểu tiện đều bí cả chứ chẳng phải chơi.

Chánh cung cho triệu chú Bầy vào hỏi. Chú vốn là gia thân của bà, vợ chú là một cô thị tỳ rất được tin yêu, được tự do ra vào trong cung cấm. Vì vậy, bà mới triệu chú vào hỏi. Chú thưa:

- Mấy lâu nay dùng thuốc tiêu mà bụng lại càng to, thì quả là mắc bệnh phúc tướng rồi. Dùng thuốc bổ tức là theo phép lấy bổ để tiêu đấy chứ. Cứ xin tiến ngự, không ngại gì. Nếu có việc gì xảy ra, cả nhà con xin chịu tội.

Chánh cung nghe chú nói vậy mới dám dùng. Chú đến “Thị kỵ điểm” kể lại câu chuyện cho tôi nghe. Tôi cũng rất bức mình, gắt các thầy thuốc trong viện:

- Thế tử thực là người trời, gar vàng dạ sắt! Một năm nay uống biết bao nhiêu thuốc mà thân sắc vẫn như thường. Nếu là con nhà thường dân thì không thọ được một ngày! Phải biết rằng: phạm bệnh không thực thì hư, thuốc chữa bệnh không công thì bỏ. Một năm nay cứ công phạt mãi mà không bớt thì rõ rệt là hư rồi. Đã hư thì phải bổ. Công phạt đã không nên trờ trống gì, lại còn không chịu bổ, thì còn chữa bằng cách gì? Vả lại, một năm nay, sức các ông đã kiệt rồi, không còn cách gì cứu chữa nữa, sao còn tranh công, gièm pha, cản trở người khác? Làm thuốc thì phải nghĩ đến việc cứu người chứ? Cái lòng trung của kẻ làm tôi ở trong nghề thuốc ở đâu?

Các thầy lang nghe tôi nói chỉ cười nhạt. Nguyên kẻ nịnh hót này xưa nay vẫn cậy thế mình được nuông chiều, thường không xem ai ra gì. Nay y thấy tôi hơi khá một chút, thì sinh ghen ghét, khinh miệt lời nói của tôi. Mọi người đều oán. Chú Bầy nói:

- Tôi nghe Thánh thượng có ý hối vì dùng những thứ thuốc hàn lương. Chuyến này cụ chữa được thì những kẻ bốc thuốc kiặc phạt sẽ phải tội chết.

Tôi và chú đều nói:

- Đến thế cũng chưa biết chừng!

Chú Bảy nói:

- Thế từ hôm nay uống thuốc cao. Đại tiện, tiểu tiện đã thông, lợi, bụng mềm, đã biết đói, nói chuyện vui vẻ, ở ngoài cũng nghe.

Chú dắc ý, hớn hờ, toàn đem cái giọng châm chọc ra nói:

- Người kia có vẻ thẹn lắm, cáo bệnh không vào cháu nữa. Chú nói thầm với tôi:

- Chánh cung mừng lắm, định ban trọng thưởng cho cụ đấy!

Tôi sợ bệnh không vượng được, chưa chắc đã thành công, đành phải nói thực với chú:

- Nhờ chú bảm hộ: Khi nào công hoàn toàn tôi mới dám nhận trọng thưởng.

Thánh thượng dùng thuốc đã được sáu, bảy ngày. Các bệnh đều hết, nhưng vẫn không ăn được. Tay chân rã rời, biếng nói. Chánh đường hỏi thăm:

- Bệnh lui rồi, sao tinh thần lại càng mỗi mệ như thế!

Tôi cứ ậm ừ không nói ra. Ông hỏi gặng hai ba lần. Tôi nói:

- Cứ bảy ngày thì ngũ tạng truyền biến khắp một lần; nguyên khí hồi lại. Đáng lý phải khoẻ lên. Nay lại thấy suy yếu đi. Có lẽ vì thuốc công phạt-trước kia dùng nhiều quá nên nguyên khí bại mất rồi. Sách có nói: “Vị khí đã bại, thuốc nào cũng chịu”.

Chánh đường nghe nói, sợ hãi rụng rời:

- Làm sao bây giờ?

- Giờ phải tạm hoãn thuốc cao, cứu ngay lấy vị khí.

Ông giục tôi kê đơn, tôi viết:

*Bắc sâm 2 lạng, bạch truật 1 lạng 5 đồng, đại phụ 8 đồng, sắc đặc uống lần lần.*

Được mấy hôm, bệnh vẫn thế. Hai hôm nữa là hôm 11 tháng 9, Thánh thượng về trời.

Tôi cứ theo lệ vào châu thuốc Đông cung Thế tử. Hôm sau Thế tử lên ngôi ra thị triều ngoài phủ đường. Các quan văn võ lạy mừng. Tôi cũng được vào hàng thị tùng để điều trị. Thế tử mắc bệnh sợ gió. Nay lại phải ra ngoài nên bị cảm gió. Lúc vào cung gai gai rét. Cho triệu tôi vào châu mạch. Tôi dùng thang “Vị bát”, bỏ mấu đơn, bớt trạch tả, thêm mạch môn, ngũ vị, ngư tât, ngư dùng, các chứng đỡ. Lại sinh ra bệnh xuyên nặng. Các bệnh cũ lại phát.

Tôi biết thế không làm sao được bèn xưng bệnh không vào châu. Được ba ngày, ngự lại sai người đến hỏi thuốc.

Bấy giờ may có một người tiến cử một thầy lang ở Sơn Tây vào châu. Tôi mới hơi được khoẻ một chút. Tôi tự nghĩ: mình phải biết mà đi trước mới được. Bèn đến quan Chánh đường mượn cơ nói có thư ở quê nhà nói trong nhà có bệnh nguy cấp giục về, nhưng không dám hé răng. Công việc nay đã như thế rồi, xin cụ lớn thương tình cho. Chánh đường có ý ngán ngại. Tôi lại nói:

- Xin cho tạm về thăm xem sự thế thế nào rồi sẽ ra ngay.

- Bây giờ không phải như xưa. Phải vào phủ xin tất cả các quan thụ mạng rồi vào bái tạ Hoàng thượng. Sau đó mới được về.

Tôi nghe lời, vào xin phép tất cả các quan thụ mạng. Có người cho, có người không. tôi nghĩ: Số người cho đã quá nửa, thôi ta cứ về.

Bèn vào cung lạy tạ. Đến cửa cung, gặp chú Bảy. Chú cầm tay tôi:

- Cụ về quê xa, khiến tôi sớm hôm buồn bã.

Rồi chú lại nói:

- Bọn thầy thuốc xoàng kia làm ăn cái gì! Chúng ta phải cố sức hoạ chăng có vãn hồi được!

- Tôi về rồi lại ra ngay mà.

Chú cười.

- Đã đi còn trở lại gì nữa.

Tôi cũng cười:

- Nói gì bấy thế:

Chúng tôi dắt tay nhau vào. Thấy Phó A bảo đang bế ông vua con trong lòng. Tôi sụp lạy bốn lạy. Ông vua con nói:

- “Trà” của cụ ngon lắm, ta thích uống.

Tôi than thầm: chỉ vì cứ dùng mãi thứ thuốc khổ hàn, cho nên mới tai hại như thế này.

Tôi rảo bước về, từ biệt Chánh đường, ông phát cho tôi 50 quan tiền làm lộ phí. Tôi chỉ nhận 10 quan. Tôi lại đến chào Quận hầu. Cả hai kể nỗi nhớ nhung. Ông đem tiền, thuốc và lễ vật ra tặng. Chuyện xong trà cặn, tôi đứng dậy cáo từ. Ông bước xuống nơi bùn lầy đưa tôi ra cửa dinh. Ông biết tôi không trở lại, cầm tay tôi mà rằng:

- Tôi với cụ bao giờ lại gặp nhau?

Chúng tôi nhìn nhau dăm dăm, nước mắt giàn rụa.

## TRỞ VỀ QUÊ CŨ

Tôi sợ lần này đi về còn có gì trở ngại, nên về nhà trọ chào gia chủ là quan Trạch ưu rồi dọn sang nhà người cháu là Hào. Hành lý chuẩn bị xong, tôi mượn mấy người lính của mấy người bạn để đi hộ vệ. Những bạn thân nào ở trong Kinh, tôi không đến thăm được, tôi đều viết thư xin lỗi. Tôi lại phao tin tôi đi đường bộ. Kỳ thực, tôi sai ngầm một người thuê một chiếc đồ dọc đón tôi ở bến Tràng Tin. Các bạn ở trong kinh như quan Trạch Trung, quan Kiên Hữu, Quan Trạch ưu, Quan tả nhuệ ..., biết tôi đã dọn sang nơi khác, đều thân thành đến tiễn.

Ngày 12 tháng 10, từ sáng tỉnh mơ, chúng tôi đi bộ ra Đình gang có lính của Thị nội tả quan đóng ở đây để coi thành. Tôi vào chào ông, ông búi ngùi tặng tôi một bao trà ngon và một bài thơ... <sup>(1)</sup>.

Tôi đi bộ đến Tràng Tin rồi xuống thuyền xuôi. Ngồi trong thuyền trông ra, nhìn cảnh vật bốn bề vừa uống trà vừa nói chuyện thoải mái khác gì chim sổ lồng, cá thoát lưới. Lòng về như mũi tên, cứ muốn đi nhanh. Phí tây là núi xanh, như chàm ... mỗi khi thấy sắc xanh đậm, tôi lại tưởng đâu là núi quê mình. Bèn ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

**Bái biệt long lâu cửu lục hàn  
Mang huê cảm kiếm xuất đô quan  
Mã am cựu lộ hồi trình dĩ  
Chu khứ trung lưu phản trạo nan**

---

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ

Vân nhưc đa tình lai khước thử  
Sơn như hữu ý vị khai nhan  
Tây biên vân tự giai thương thủy  
Duy hữu song phong tự ngả sơn

Dịch *Lên đường từ già long lâu*  
*Gitong đàn nửa gánh, ra mau đô thành*  
*Ngựa quen đường cũ về nhanh,*  
*Quay thuyền khó lúc lênh dênh giữa dòng!*  
*Mây qua đường để bớt nồng*  
*Núi non mở mặt như lòng vì ai*  
*Xanh xanh một dải non đồi*  
*Giống non ta cũ chỉ vài hòn thôi <sup>(1)</sup>*

Bấy giờ nước sông chảy xiết thuyền nhẹ, buồm xuôi đến quá trưa thì đến Tuấn lãnh. Tôi dời thuyền lên bộ vào chơi chùa Nguyệt Đường. Chùa ở trên núi. Cửa Tùng ở bên đường cái. Qua cửa đến cái ao bán nguyệt xung quanh bờ ao, cây cối um tùm

Đằng trước, có một cái cửa thông vào trong chùa. Hai bên sân phía đông và phía tây, có hai quả núi đất. Trên mỗi núi dựng một cái gác chuông, ở giữa là cung phật, Điện rộng, nhà cao, nào lầu, nào gác, đâu đâu cũng huy hoàng tráng lệ. Lan can quanh co, hoa thơm đua nở. Đi quanh qua thêm ghép đá trắng, nghìn cửa đối nhau, có một đường đi nối liền. Tôi du ngoạn một hồi lâu,

<sup>(1)</sup> Diên xuôi:

*Từ già lâu rống lên đường.*  
*Vội vàng mang gươm, dàn ra khỏi cửa Kinh đô*  
*Ngựa quen đường cũ đi về dễ dàng*  
*Thuyền ra giữa dòng, trở chèo khó.*  
*Mây như đa tình che cho bớt nắng,*  
*Núi như hữu ý mở mặt đón chào.*  
*Về phía Tây, những hòn núi đều xanh ngắt,*  
*Chỉ có hai hòn núi giống như núi của ta.*



than: Quả thực danh bất hư truyền! Cảnh chùa không đâu hơn được. Nhưng sức người có hạn, làm sao bằng cảnh thiên nhiên kia vô cùng. Cho nên các bậc tao nhân, mặc khách đều say mê cái cảnh núi rừng. Tôi để một bài thơ lên vách...<sup>(1)</sup>. Để thơ xong, tôi đến dinh hiến nam chào quan Thư ký. Ông này người Hoan Châu với tôi là chỗ quen biết. Trước ông đã làm việc với quan Chánh đường ở Hoan Châu. Tôi ở đây vài ngày để cân thuốc bắc, sắm ít đồ tàu, rồi mượn sáu người lính trấn binh đưa đường.

Ngày 16, tôi về làng Nguyễn xá, huyện Hoài an. Tôi sắm lễ một con sinh đem vào cáo yết ngoại đường rồi chuyện trò với bà con thân thuộc. Quan Tri phủ Tiên Hưng cũng ở nhà. Thấy tôi đến, ông mừng rỡ vô cùng, kể mọi chứng bệnh. Tôi lại cho thuốc bổ, tặng thêm nhục quế một lạng. Ông cảm tạ khôn xiết.

Lúc này người nhà của tôi và lính hộ vệ đã đến hai mươi người. Từ Kinh đến đây chỉ mất một ngày đường. Nhưng tôi sợ bị cản trở, nên phải đi quanh mất bảy, tám ngày. Tiền lương sắp cạn không thể ở lâu.

Ngày 19, tôi từ biệt lên đường. Núi sông trên con đường này, tôi đã từng đi xem khắp khi tôi về ở quê cha nuôi ở vùng này. Nào các động phía nam như Hương tích, Giải An, Tiên Am, Tuyết Sơn; các động phía tây như Hương Đài, Hương Trản, Vân mộng đều là những nơi danh lam thắng cảnh tuyệt trần tôi đã từng bước chân đến cả. Nếu đi đường thủy thì xem được hết. Tôi bèn mượn một chiếc thuyền câu của quan phủ đi thuyền từ Nguyễn xá xuôi về Hà Xá. Đây là làng bên ngoại của

---

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ.

phụ thân tôi. Ngày nay con cháu đã suy đồi, tôi có đến cũng không biết nói chuyện cùng ai. Tôi đành đỗ thuyền ở bến đình vọng về phía phần mộ của người xưa mà vái mấy vái.

Tôi lại xuống thuyền đi từ xã Trinh Tiết đến xã Phù Viên ước bốn, năm dặm. Hai bên bờ sông san sát những cảnh xinh, chùa đẹp. Những nơi lúc trẻ tôi đã đi qua, thì nơi tỏ nơi mờ, tôi còn nhận ra hết.

Ngắm cảnh sinh tình, nhớ lại những người ngày nọ, ngày nay ai khuất ai còn? Đang thở than bỗng nghe tiếng chuông chùa Mãn Nguyệt buông một hồi. Tôi càng buồn ngủi ngâm một bài thơ... <sup>(1)</sup>

Tối hôm ấy đến làng chân kiêu. Tôi lên bờ nghỉ. Hôm sau lại ra đi. Từ hôm ấy, cứ sáng đi, tối nghỉ, vài ngày đã đến Vĩnh Dinh. Tôi yết kiến quan Thự trấn kể nỗi xa cách lâu ngày. Lính tùy tùng đều mỏi mệt, tôi mượn thêm mấy người để về.

Mồng 2 tháng 11 về đến nhà.

Vợ con mừng rỡ, kể lễ tâm tình. Hôm sau tôi cho lính hộ vệ tùy tiện về nhà hay lên Kinh rồi sửa một con sinh làm lễ cáo gia đường. Bà con thân thích trong làng đến hỏi mừng cố nhiên là tâm sự hàn huyên không cần phải bàn.

Được vài hôm, nghe tin cả nhà quan Chánh đường bị hại <sup>(2)</sup>

---

<sup>(1)</sup> Lược bài thơ

<sup>(2)</sup> Trịnh Sâm nghe lời Đặng Thị Huệ bỏ con trưởng là Trịnh Khải lập con của Đặng Thị Huệ là Trịnh Cán làm Thế tử. Trịnh Sâm chết Trịnh Cán làm chúa được ít lâu thì bị lính tam phủ nổi dậy, giết các quan đại thần cố mệnh đặc biệt cả nhà Hoàng Đình Bảo, phế Trịnh Cán lập Trịnh Khải. Bệnh của Trịnh Cán càng nặng thêm chẳng bao lâu thì chết.

Tôi nghe tin thở dài.

Than ôi! giàu sang như đám mây bay đến vũ tạ, thú ca lâu phút chốc thành nơi hoang phế.

Tôi lại mừng thầm, nói:

- Mình ẩn thân nơi rừng sâu, chẳng đoái hoài đến lợi danh. Bỗng chốc bị triệu, phải chống gậy lên kinh ngót một năm trời. xin xỏ năm lần bảy lượt mới được buông tha vạn nhất mình không kiên quyết, mang lấy một chức quan thì bấy giờ danh lợi đã chẳng thành, mà cái thân lại bị nhục, hối thì đã muộn.

May sao, lời thề núi cũ không quên, tuy thân mắc vào vòng danh lợi nhưng vẫn không bị lợi danh mê hoặc. Ra đi thung dung, trở về ngất ngưỡng. Lại về núi cũ, lại nằm yên trên đá, lại ngủ dưới hoa. Đang khi mơ màng, lại nghe đến việc xảy ra giạt mình bưng tỉnh tôi nghĩ bụng: mình không đến nỗi bị thiên hạ chê cười, chỉ nhờ “không tham” đó thôi!

Nhân khi nhàn rỗi, uống rượu, gảy đàn, chép lại đầu đuôi việc cũ để ghi nhớ lại. Khiến con cháu ở đời biết tùy duyên, thủ phận, biết tri túc tri chí, lấy việc “không tham” làm vinh, xem đó làm gương.

HOÀNG TRIỀU CẢNH HUNG

*năm thứ 44 tháng 11 năm Quý mao*

NHÀ XUẤT BẢN THANH HOÁ  
248 - Trần Phú - P. Ba Đình - T.P Thanh Hoá  
ĐT: (037) 852.281 - 853. 548 - 750.748

---

THƯỢNG KINH KÝ SỰ  
HẢI THUỘNG LÂN ÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản  
NGUYỄN THOA

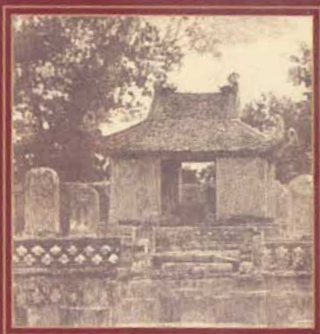
Biên tập : Cẩm Hương  
Trình bày : Mai Sơn  
Vẽ bìa : Trần Đại Thắng  
Sửa bản in : Thanh Thuý

---

In: 1000 bản. Khổ 13x19cm. Tại Nhà in KH & CN  
Số ĐKKH: 4/526. CXB cấp ngày 16 tháng 5 năm 2002.  
In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2002

LÊ HỮU TRÁC

# THƯỢNG KINH KỶ SỰ



Sách phát hành tại  
**TẦNG 2-SỐ 5 PHỐ ĐÌNH LỄ**  
**HÀ NỘI**

Điện thoại: 8.261652

GIÁ: 15.000Đ